

TỦ SÁCH LỊCH SỬ VIỆT NAM

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA BA TỶ



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

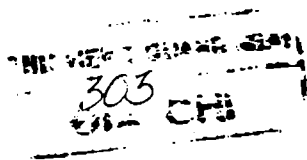
9(V)2

————— 105 - 2011

QĐND - 2011

TỦ SÁCH LỊCH SỬ VIỆT NAM

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHƠI NGHĨA BA TỶ



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2011

*** Ban biên soạn:**

- ĐẶNG VIỆT THỦY (Chủ biên)
- PHAN NGỌC DOÃN
- NGUYỄN MINH THỦY
- GIANG TUYẾT MINH

*** Hoàn chỉnh bản thảo:**

ĐẶNG VIỆT THỦY

LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) và việc thành lập Đội du kích cứu quốc quân Ba Tơ, gọi tắt là Đội du kích Ba Tơ không chỉ là một sự kiện lịch sử quan trọng đối với địa phương mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với miền Nam Trung Bộ và lịch sử dân tộc.

Ngày 11 tháng 3 năm 1945, khởi nghĩa giành chính quyền ở châu ly Ba Tơ (thuộc tây nam tỉnh Quảng Ngãi) do Tỉnh ủy lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương tỉnh Quảng Ngãi lãnh đạo. Lợi dụng tình thế cách mạng sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 9 tháng 3 năm 1945), tỉnh ủy quyết định phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền và thành lập Đội du kích Ba Tơ làm lực lượng nòng cốt. Chiều ngày 11 tháng 3 khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra, bắt đầu bằng một cuộc mít tinh, phát triển thành khởi nghĩa vũ trang cướp chính quyền, bao vây đồn Ba Tơ, Nha kiểm lý và các công sở của Pháp ở châu ly. Phối hợp với nổi dậy của quần chúng, lực lượng du kích chiếm Nha kiểm lý, bắt viên tri châu, sau đó được binh lính giác ngộ làm nội ứng đánh chiếm đồn Ba Tơ, thu toàn bộ vũ khí. Ngày 12 tháng 3 năm 1945, chính quyền cách mạng được thành lập. Từ thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tơ, phong trào cách mạng ở tỉnh Quảng Ngãi phát triển mạnh mẽ, lực lượng vũ trang và các chiến khu được xúc tiến xây dựng, tạo cơ sở cho khởi nghĩa ở

Quảng Ngãi và các tỉnh Nam Trung Bộ trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.

Việc nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ luôn được giới nghiên cứu lịch sử (dân tộc, Đảng, quân sự) quan tâm tìm hiểu và đã có một số chuyên khảo giá trị. Nhiều vị tướng lĩnh, cán bộ, chiến sĩ Đội du kích Ba Tơ năm xưa đã có những hồi ký, hồi tưởng về những năm tháng hào hùng và vinh quang đó.

Để đáp ứng yêu cầu của đông đảo bạn đọc, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức biên soạn cuốn sách "Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ".

Hy vọng cuốn sách sẽ cung cấp cho bạn đọc những tư liệu chân thực, khoa học và bổ ích về khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ. Tuy vậy, trong quá trình biên soạn, cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được bạn đọc lượng thứ và đóng góp ý kiến.

Xin trân trọng giới thiệu!

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Câu hỏi 1: Hãy cho biết đôi nét về tình hình thế giới và trong nước giai đoạn 1939-1945, cao trào vận động giải phóng dân tộc, tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở nước ta?

Trả lời:

Từ giữa những năm 30 của thế kỷ XX, các thế lực phát xít quốc tế tăng cường các hoạt động bành trướng và xâm lược. Năm 1935, Đức chiếm đóng vùng Xarơ (Sarre) do Hội Quốc Liên quản trị. Tháng 10 năm 1935, Italia xâm lược Êtiôpi. Mùa hè 1936, Đức và Italia can thiệp quân sự vào Tây Ban Nha. Cũng trong năm 1936, Đức chiếm đóng vùng Rênanen (Rhénanie) do Hội Quốc Liên quản trị.

Năm 1937, Nhật gây ra sự kiện Lư Cầu Kiều và mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Năm 1938, Nhật lại khiêu khích ở khu vực hồ Khátxan (Mông Cổ). Tháng 3 năm 1938, Đức chiếm đóng Áo.

Ngày 15 tháng 3 năm 1939, Đức chiếm Praha, sau đó cả Tiệp Khắc. Tháng 4 năm 1939, Italia chiếm đóng Anbani. Hè năm 1939, quân Nhật tiến công vùng Khankhingôn của Mông Cổ.

Cuối cùng, ngày 1 tháng 9 năm 1939, Đức tấn công Ba Lan mở đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Ngày 3 tháng 9 năm 1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Lợi dụng tình thế chiến tranh, chính phủ Daladiê (Daladier) ở Pháp đã mạnh tay thi hành hàng loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp bị tan vỡ. Đảng Cộng sản Pháp bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Tháng 7 năm 1939, Catoru (Georges Catroux) được cử làm Toàn quyền Đông Dương. Ngày 4 tháng 1 năm 1940, y tuyên bố tại Hội đồng chính phủ Đông Dương: "Chúng ta đánh toàn diện và mau chóng vào các tổ chức cộng sản, trong cuộc đấu tranh này, phải tiêu diệt cộng sản thì Đông Dương mới được yên ổn và trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng. Tình thế chiến tranh bắt buộc chúng ta phải hành động không chút thương tiếc"¹.

Bộ máy đàn áp được tăng cường. Lệnh thiết quân luật được ban bố. Những quyền lợi mà nhân dân Đông Dương đấu tranh đạt được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ bị thủ tiêu. Hàng ngàn đảng viên cộng sản và những người yêu nước bị bắt giam tại các trại tập trung và các nhà tù như Bắc Mê, Bá Vân, Nghĩa Lộ (Bắc Kỳ), Lao Bảo, Trà Khê, Đắc Lay, Đắc Tô (Trung Kỳ), Tà Lài, Bà Rá (Nam Kỳ), bị đày đi Côn Đảo hoặc Madagaxca (châu Phi).

1. *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, in lần thứ hai, Nxb Khoa học xã hội, H. 1989, tr. 304.

Thực dân Pháp ra sức bóc lột Đông Dương để phục vụ cho cuộc chiến tranh của nước Pháp. Tháng 9 năm 1939, Catoru ra lệnh tổng động viên nhằm "cung cấp cho mẫu quốc tiềm lực tối đa của Đông Dương về quân đội, nhân lực, các sản phẩm và nguyên liệu"¹.

Kết quả của chính sách đó là 8 vạn lính Việt Nam bị đưa sang Pháp. Thực hiện cái gọi là "Kinh tế chỉ huy", chính quyền thực dân vơ vét vàng bạc; tăng cường phát hành tiền giấy, kiểm soát chặt chẽ sản xuất và phân phối, ấn định giá cả; tăng thuế cũ, đặt thêm thuế mới, tổ chức lạc quyền, công trái, xổ số, sa thải bớt công nhân, viên chức; giảm tiền lương, tăng giờ làm...

Từ tháng 4 năm 1940, Đức tập trung lực lượng đánh chiếm các nước Tây Âu: Na Uy, Đan Mạch, Bỉ, Hà Lan, Lúcxembua. Tiếp đó, quân Đức vượt qua "chiến lũy Maginô" (Maginot) tiến đánh nước Pháp. Ngày 14 tháng 6 năm 1940, Pari bị chiếm đóng.

Ngày 22 tháng 6 năm 1940, quân đội Pháp đầu hàng. Chính phủ Pêtanh (Philippe Pétain) rút về Visi (Vichy) ở miền Nam nước Pháp, trở thành chính phủ bù nhìn. Một bộ phận do tướng Đờ Gôn (De Gaulle) cầm đầu, ra nước ngoài tiến hành cuộc kháng chiến chống Đức.

Ở Đông Dương, Đờcu (Jean Decoux) được cử làm toàn quyền thay Catoru. Đờcu tiến hành cải cách bộ máy cai trị, tăng cường lực lượng cảnh sát, mật thám...

1. *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, in lần thứ hai, Nxb Khoa học xã hội, H. 1989, tr. 304.

nhằm phát xít hóa bộ máy thống trị, đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương.

Về phía ta, ngày 29 tháng 9 năm 1939, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi thông cáo cho các cấp bộ Đảng nêu lên một số phương hướng và biện pháp cần kíp trước mắt nhằm chuyển hướng các mặt hoạt động của Đảng.

Ngày 6 tháng 11 năm 1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định). Hội nghị do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Hội nghị phân tích tính chất của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai; vị trí của Đông Dương trong cuộc chiến tranh đó; những chính sách của đế quốc Pháp; thái độ của các giai cấp xã hội và vạch ra đường lối chính trị của cách mạng Đông Dương trước tình hình mới. Hội nghị xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập... Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11 năm 1939 đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng, đánh dấu sự nhay bén về chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng.

Về phía địch, lợi dụng cơ hội nước Pháp bị Đức chiếm đóng, Nhật Bản tăng sức ép với chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương, từng bước thực hiện ý đồ xâm chiếm Đông Dương. Ngày 30 tháng 8 năm 1940, Pháp

và Nhật Bản ký Hiệp định chính trị Tôkiô, trong đó Pháp chấp nhận hầu hết các yêu sách của Nhật.

Không dừng lại ở đó, ngày 23 tháng 9 năm 1940 quân Nhật vượt qua biên giới, đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ lên Đồ Sơn. Tại Lạng Sơn, chỉ trong 3 ngày giao chiến, quân Pháp bị thất bại nặng nề. Một số lớn đầu hàng, số còn lại tháo chạy về Thái Nguyên qua đường Bắc Sơn. Chính quyền địch ở những vùng này bị tan rã. Các tri châu Thất Khê, Diêm He, Tràng Định, Bắc Sơn đều chạy trốn. Tri châu Na Sầm bị dân bắt. Tên đồn trưởng Pháp ở Bình Gia vút súng bỏ chạy.

Không bỏ lỡ thời cơ, đêm 27 tháng 9 năm 1940, nhân dân Bắc Sơn, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương đã nổi dậy, chặn đánh tàn quân Pháp, tước vũ khí của chúng, vận động binh lính người Việt bỏ hàng ngũ địch, đánh chiếm đồn Mỏ Nhài. Viên tri châu Bắc Sơn bỏ trốn. Ngụy quyền ở Bắc Sơn tan rã. Nhân dân hoàn toàn làm chủ châu lỵ và các vùng trong châu. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn giành được thắng lợi nhanh chóng.

Tại Nam Kỳ, tháng 11 năm 1940 đã nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ do Xứ ủy Nam Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Trước khí thế cách mạng của quần chúng, nhất là phong trào phản chiến của binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở Nam Kỳ, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động khởi

nghĩa. Do chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương hoãn cuộc khởi nghĩa tới không kịp, đêm 22 rạng 23 tháng 11 khởi nghĩa nổ ra hầu khắp ở các tỉnh Nam Kỳ, đặc biệt ở Mỹ Tho. Lực lượng khởi nghĩa tiến công các đồn bốt, phá giao thông, giành chính quyền ở một số nơi. Do thời cơ cách mạng chưa chín muồi, kế hoạch bị lộ nên thực dân Pháp đã kịp thời đối phó, dùng máy bay, xe tăng đàn áp, triệt hạ nhiều thôn xóm, bắt giết và đưa đi tù đầy hàng vạn người, trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên. Khởi nghĩa Nam Kỳ thể hiện tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam, là cuộc diễn tập cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Trong khi bọn thực dân đang khủng bố dữ dội những người tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ, tại miền Trung những binh lính người Việt trong quân đội Pháp đã đứng lên làm binh biến. Họ chống lại việc đưa binh lính người Việt sang Lào đánh nhau với quân Thái Lan. Ngày 13 tháng 1 năm 1941, binh lính đồn Chợ Rạng (Đô Lương, Nghệ An) dưới sự chỉ huy của đội trưởng Nguyễn Văn Cung đã nổi dậy. Họ đánh chiếm các đồn Chợ Rạng, Đô Lương, rồi lên ô tô tiến về Vinh định phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành. Cuộc binh biến không có sự tham gia của quần chúng đã bị dập tắt nhanh chóng.

Tuy các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương thất bại, nhưng "đó là tiếng sấm báo

hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương"¹.

Sau khi đã đưa quân vào Bắc Đông Dương, Nhật tiếp tục ép Pháp nhượng bộ, ký kết các hiệp ước. Thực dân Pháp vì không đủ sức chống lại Nhật, buộc phải chấp nhận các yêu sách của Nhật. Đồng thời chúng cũng dựa vào Nhật để đàn áp cách mạng Đông Dương. Như vậy, từ lúc này dân ta phải chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật.

Trên thế giới, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai mỗi ngày một lan rộng, tính ác liệt của nó ngày càng tăng.

Trước tình hình đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định về nước (28-1-1941), trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Ngày 8 tháng 2 năm 1941, Người đặt cơ quan tại Pắc Bó (Cao Bằng). Sau một thời gian nắm tình hình và chuẩn bị, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở Pắc Bó từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941. Tham gia Hội nghị có các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, một số đại biểu của xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Hội nghị đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng được đề ra từ Hội nghị lần thứ 6 (11-1939). Những tư tưởng và đường lối đó có ý

1. Văn kiện Đảng 1930-1945, tập 3, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, H. 1977, tr. 191.

ngĩa quyết định chiều hướng phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) đã ra đời từ Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Về tổ chức, Mặt trận có một cơ chế riêng, khác hẳn cơ chế tổ chức của Đảng. Tháng 10 năm 1941, Tổng bộ Việt Minh công bố Tuyên ngôn, Chương trình và Điều lệ, nói rõ tôn chỉ mục đích của mình: "Liên hiệp tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái cách mạng, các đoàn thể dân chúng yêu nước, đang cùng đánh đuổi Nhật - Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên một nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa"¹.

Trong quan hệ với Việt Minh, Đảng xác định: "Đảng ta cũng là một bộ phận trong mặt trận phản đế Đông Dương, bộ phận trung kiên và lãnh đạo"² là "một bộ phận linh động nhất trong Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật - Pháp"³.

Tuy nhiên, trong Việt Minh không chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, mà còn có các đảng phái cách mạng khác của người Việt Nam. Năm 1943, Đảng đưa ra "*Đề cương Văn hóa Việt Nam*" tập hợp đông đảo những nhà văn hóa, văn nghệ,

1, 2, 3. *Văn kiện Đảng 1930-1945*, tập 3, Sdd, tr. 271-272, 332, 448.

trí thức đi theo con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng văn hóa và giải phóng chính mình. Trên cơ sở đó, cuối năm 1944, Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời, trở thành một thành viên của Mặt trận Việt Minh.

Tháng 6 năm 1944, Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập và gia nhập Mặt trận Việt Minh, đập tan ý đồ của bọn phát xít định lôi kéo tư sản dân tộc và tầng lớp trí thức Việt Nam theo chúng.

Ở Nam Bộ, khi các đảng viên cộng sản ra khỏi nhà tù đế quốc sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, trên chính trường các đảng phái chính trị hoạt động rất mạnh. Các cán bộ Đảng trong khi tập hợp lực lượng đã khôn khéo vận động được nhiều đảng phái khác tham gia Việt Minh. Kỳ bộ Việt Minh Nam Kỳ bao gồm: Đảng Cộng sản Đông Dương, Tân Dân chủ, Tổng công đoàn, Thanh niên tiên phong, Việt Nam quốc gia, Cao Đài hợp nhất, Việt Nam cứu quốc đoàn (Kỳ bộ cũ của Việt Minh), Quốc gia độc lập, Công giáo, Thanh niên nghĩa dũng đoàn¹.

Đối với Lào, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận *Ai Lao độc lập đồng minh* và đối với Campuchia thì thành lập *Cao Miên độc lập đồng minh*. Trên cơ sở ra đời mặt trận của mỗi nước, sẽ tiến tới thành lập mặt trận chung

1. Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam, tập 12, Nxb Văn Sử Địa, H. 1957, tr. 81.

của ba nước Đông Dương là *Đông Dương độc lập đồng minh*.

Dưới ngọn cờ Việt Minh, tại các vùng căn cứ địa cách mạng, công cuộc chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền được xúc tiến gấp rút.

Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và căn cứ Cao Bằng được xây dựng thành trung tâm của lực lượng khởi nghĩa. Sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bị thất bại, lực lượng vũ trang của cuộc khởi nghĩa được duy trì và phát triển thành Việt Nam Cứu quốc quân.

Để khai thông liên lạc giữa Cao Bằng với vùng xuôi, các đội xung phong Nam tiến được thành lập, từ Cao Bằng xuống, Cứu quốc quân từ Bắc Sơn lên. Tháng 8 năm 1943, hai căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và căn cứ Cao Bằng được nối liền với nhau. Địa bàn hoạt động của lực lượng cách mạng mở rộng từ Cao Bằng đến Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Hà Giang, Vĩnh Yên.

Ở các vùng đồng bằng, phong trào đấu tranh phát triển: chống bắt lính, bắt phu, chống cướp đất, chống thu thóc tạ. Công nhân bãi công tại các cơ sở công nghiệp ở Hà Nội, Hải Phòng, Việt Trì, Đáp Cầu, Ưông Bí, Nam Định, Sài Gòn, Chợ Lớn... đòi tăng lương, cải thiện đời sống.

Tháng 5 năm 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị "sửa soạn khởi nghĩa".

Tháng 8 năm 1944, Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi nhân dân "Sắm vũ khí, đuổi thù chung".

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã được thành lập tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Đội gồm 34 chiến sĩ. Chỉ hai ngày sau khi ra đời, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã diệt gọn hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần. Một tuần sau, đội đã phát triển thành 1 đại đội gồm 3 trung đội.

Đồng thời ở Thái Nguyên, đội Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích, đánh các đồn Chợ Chu, Chiêm Hóa, tràn về Tam Đảo, Vĩnh Yên, Phú Thọ. Chính quyền nhân dân được thành lập trên một vùng rộng lớn, phía nam xuống tận tỉnh lỵ Thái Nguyên và Vĩnh Yên. Tới đầu tháng 5 năm 1945, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân gặp nhau, tiến tới hợp nhất thành Việt Nam giải phóng quân.

Đêm 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật nổ súng đồng loạt, lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt ở một vài nơi, rồi nhanh chóng đầu hàng.

Cuộc đảo chính của Nhật nổ ra giữa lúc Ban Thường vụ Trung ương Đảng đang họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Trong điều kiện đó, Hội nghị nhận định về cuộc đảo chính và khả năng diễn biến của tình hình. Ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

Bản chỉ thị nhận định rằng, cuộc đảo chính đã tạo nên cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng những

điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi. Đối tượng của cách mạng có thay đổi. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Pháp, Nhật" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật". Hình thức tuyên truyền cổ động cũng cần thay đổi. Hình thức đấu tranh "có thể bao gồm từ hình thức bất hợp tác, bãi công, bãi thị, phá phách cho đến những hình thức cao hơn như biểu tình, thị uy, vũ trang du kích... và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi có điều kiện".

Sau khi lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương, phát xít Nhật thi hành chính sách mua chuộc, lừa bịp kết hợp với thủ đoạn khủng bố đàn áp tàn bạo. Về kinh tế, chúng cướp đoạt trắng trợn tài sản của nhân dân ta, vơ vét nguyên liệu, hàng hóa, lương thực, tăng thuế, thu thóc, thu bông, day nặng hơn trước.

Năm 1944 bị mất mùa, nhưng Pháp phải xuất sang Nhật 900.000 tấn gạo, lại cộng với số gạo cung cấp cho quân Nhật ở Đông Dương, số gạo Pháp dùng để nấu rượu và đốt thay than, số gạo Nhật tích trữ đã làm cho lương thực càng thêm thiếu, vì thế đầu năm 1945 đã xảy ra nạn đói làm chết gần 2 triệu người.

Từ thực tế đó, Đảng đề ra khẩu hiệu "Phá kho thóc, giải quyết nạn đói", và coi đó là nhiệm vụ trung tâm để phát động quần chúng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa. Khẩu hiệu của Đảng đã đáp ứng nguyện vọng cấp bách nhất của nông dân, nên đã phát động được một cao trào mạnh mẽ chưa từng thấy. Hàng triệu quần chúng kéo

đi phá kho thóc, chống đói diễn ra bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao. Nhiều nơi quần chúng đã giành chính quyền. Phong trào diễn ra sôi nổi ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Ninh Bình, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Quảng Yên, Nghệ An, Hà Tĩnh...

Đồng thời với phong trào phá kho thóc, giải quyết nạn đói, làn sóng khởi nghĩa từng phần đã phát triển đến cao trào, nhiều địa phương đã thành lập được chính quyền cách mạng của nhân dân.

Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, Việt Minh đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Hiệp Hòa (Bắc Giang), Tiên Du (Bắc Ninh), Bần Yên Nhân (Hưng Yên). Ở Quảng Ngãi, tù nhân chính trị trong nhà giam Ba Tơ đã tổ chức khởi nghĩa.

Giữa tháng 4 năm 1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hòa (Bắc Giang) nhằm giải quyết một số vấn đề quân sự. Hội nghị nhận định: "Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp lúc này".

Hội nghị quyết định phát triển lực lượng vũ trang, nửa vũ trang và thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có của Đảng thành Việt Nam giải phóng quân. 7 chiến khu chống Nhật được xây dựng: Lê Lợi, Quang Trung, Hoàng Hoa Thám, Trần Hưng Đạo (Bắc Bộ); Trưng Trắc, Phan Đình Phùng (Trung Bộ) và Nguyễn Tri Phương (Nam Bộ).

Từ đây, cao trào kháng Nhật cứu nước sôi trong cả nước. Tình thế cách mạng trực tiếp đang đến gần lực lượng cách mạng cùng cả dân tộc đang gấp rút hoàn thành công việc chuẩn bị cuối cùng, đón thời cơ vùng dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Câu hỏi 2: Truyền thống yêu nước, chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi được thể hiện như thế nào? Tóm tắt quá trình xây dựng lực lượng, chuẩn bị đón thời cơ khởi nghĩa của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi?

Trả lời:

Nhân dân Quảng Ngãi có truyền thống đấu tranh anh dũng bất khuất.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ nhất (1858), nhân dân Quảng Ngãi đã liên tục đứng lên chiến đấu.

Tháng 7 năm 1885, thực dân Pháp vừa chiếm thành Huế, nhân dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân và một số sĩ phu yêu nước khác đã đánh chiếm thành Quảng Ngãi, chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Phong trào đang phát triển nhưng do có nội phản nên Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân cùng nhiều sĩ phu yêu nước anh dũng hy sinh. Phong trào chống Pháp bị quân thù đàn áp khốc liệt. Nhưng chỉ 5 tháng sau, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Bá Loan, Tôn Tường... nhân dân Quảng Ngãi lại vùng lên chiến đấu. Nghĩa quân Quảng Ngãi phối hợp với nghĩa quân

Bình Định và nghĩa quân Quảng Nam tiến công đồn sơn phòng của địch ở Cỏ Nhất (Ba Tơ) và phủ lý Bình Sơn, gây cho địch nhiều tổn thất. Thực dân Pháp phải tập trung lực lượng đối phó. Cuộc chiến đấu kéo dài đến năm 1888 mới tạm lắng.

Sự đàn áp dã man của quân thù không dập tắt được ngọn lửa đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi. Tháng 7 năm 1894, nhân dân Quảng Ngãi lại vùng lên dưới sự lãnh đạo của Thái Thú, đánh chiếm đồn Cổ Lũy, giết chết tên chỉ huy người Pháp làm lễ tế cờ. Tiếp theo nghĩa quân do Thái Thú chỉ huy lại phối hợp với nghĩa quân do Lê Vịnh và Tôn Đính chỉ huy dự định đánh chiếm thành Quảng Ngãi. Những kế hoạch không thành. Cả ba viên chỉ huy đều anh dũng hy sinh. Phong trào này lắng xuống, phong trào khác lại nổi lên, như: cuộc vận động chống Pháp do Trần Dụ lãnh đạo (1895 - 1896); phong trào Đông Du; cuộc vận động "*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*" (1906-1907); phong trào chống sưu, chống thuế (1908); cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục hội (1916). Qua các phong trào đấu tranh chống Pháp, hàng trăm người yêu nước bị giết, hàng nghìn người bị tù đày một số người lãnh đạo bị xử tử, như: Lê Ngung, Nguyễn Thụy... Trong lúc đó phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc miền núi cũng liên tục diễn ra. Tiêu biểu là phong trào do Phó Mục Gia cầm đầu, kéo dài từ năm 1937 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong đó có trận đánh ở Gò Rô (1-1939),

tiêu diệt hàng chục lính địch; số còn lại hốt hoảng kéo chạy về châu lỵ Trà Bồng.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, mở ra một thời đại mới trong lịch sử cách mạng nước ta. Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trên cơ sở chuẩn bị sẵn về tư tưởng và tổ chức, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhanh chóng được thành lập. Trong cao trào cách mạng 1930-1931, nhân dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vùng lên mạnh mẽ; tiêu biểu là cuộc đấu tranh của 3.000 nông dân Đức Phổ có vũ trang tự vệ, kéo về đập phá công đường, thiêu hủy sổ sách, mở cửa nhà lao, làm chủ tình hình ở huyện lỵ ngày 17 tháng 10 năm 1930. Tiếp theo là cuộc đấu tranh của hàng vạn nông dân các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành. Trước sức mạnh áp đảo của quần chúng *"Một số chính quyền của địch chỉ còn trên danh nghĩa"*¹.

Trong những năm tiếp theo, mặc dù quân thù đàn áp dã man nhưng phong trào đấu tranh cách mạng ở các phủ, huyện lại bùng lên mạnh mẽ đòi dân chủ, cải thiện dân sinh, chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh; đòi tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình và công khai thu thập nguyện vọng của nhân dân, tổ chức quần chúng, sẵn sàng đón phái đoàn Thượng nghị viện Pháp do Gô-đa làm trưởng đoàn

1. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1 (1920-1954), Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 129.

sang Đông Dương điều tra tình hình và thu thập nguyện vọng của quần chúng. Bọn phản động Pháp ở Quảng Ngãi tìm mọi cách ngăn cản. Nhưng khi Gô-da đến Quảng Ngãi, trước khí thế sục sôi của hàng nghìn quần chúng từ các phủ, huyện kéo về buộc chúng phải để cho một phái đoàn của nhân dân kéo đến Tòa xử hội đàm và đưa bản kiến nghị có hàng vạn chữ ký của các tầng lớp nhân dân để Gô-da chuyển cho Chính phủ Pháp. Túc tối trước thắng lợi của cuộc biểu tình đón Gô-da của quần chúng cách mạng, nên khi Gô-da rời Quảng Ngãi, bọn phản động Pháp lập tức khủng bố trả thù. Bất chấp mọi thủ đoạn khủng bố, tháng 6 năm 1937 khi Brê-vi-ê (toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ) đến Quảng Ngãi, hàng nghìn quần chúng đón đường, đưa lại những yêu sách đã gửi cho Gô-da và đòi thả các đại biểu nhân dân đang bị các nhà cầm quyền bắt giam và tra tấn. Cùng với những cuộc đấu tranh đòi dân chủ, hòa bình, là những cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền, công thổ; đòi giảm nợ, giảm tô phụ; đòi giảm thuế điền thổ, chống "phụ thu lạm bổ"... Đấu tranh công khai hợp pháp và đấu tranh bất hợp pháp với nhiều hình thức phong phú trong các phong trào cách mạng 1936 - 1939 đã nâng cao thêm lòng yêu nước, vạch rõ bản chất của kẻ thù, hình thành tổ chức và tập dượt quần chúng cho những cuộc chiến đấu mới.

Giữa lúc đó, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Thực dân Pháp bại trận, quân Nhật tràn vào Đông Dương. Nhân dân ta phải chịu cảnh một cổ hai tròng. Chính sách cai trị thời chiến đè nặng lên mọi mặt đời

sống xã hội; các đoàn thể quần chúng, các tổ chức do Đảng lãnh đạo bị giải tán. Báo chí tiến bộ bị đóng cửa, tài sản của Đảng bị tịch thu. Hàng loạt cuộc khám xét, bắt bố diễn ra. Nhiều nhà tù và trại tập trung mới được thiết lập để giam giữ những đảng viên cộng sản và những người yêu nước.

Chiến tranh thế giới và tình hình trong nước đặt ra cho cách mạng Việt Nam và Đảng ta nhiều vấn đề mới về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng.

Ngày 29 tháng 9 năm 1939, trong thông cáo gửi các cấp ủy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: *"Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng"*¹. Hai tháng sau, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (từ 6 đến 8-11-1939) xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng hoàn toàn các dân tộc Đông Dương.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 6, phong trào cách mạng Việt Nam tuy bị địch đàn áp dữ dội vẫn diễn ra sôi nổi, quyết liệt. Chỉ trong vòng 5 tháng đã liên tiếp nổ ra 2 cuộc khởi nghĩa - một ở Bắc Sơn (27-9-1940), một ở Nam Kỳ (23-11-1940) và binh biến Đô Lương (13-1-1941). Ba sự kiện đó diễn ra ở cả 3 miền Bắc - Trung - Nam chứng tỏ tình thế cách mạng đã xuất hiện, quần chúng cách mạng sẵn sàng

1. Văn kiện Đảng (1930-1945), tập 3, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, Hà Nội, 1977, tr. 19.

hành động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giữa thời điểm lịch sử này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sau 30 năm nghiên cứu học hỏi lý luận, tích lũy kinh nghiệm ở nước ngoài đã trở về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam và Hội nghị Trung ương lần 8 (từ 10 đến 15-5-1941) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định đây là thời cơ tốt nhất để giành lại độc lập dân tộc. Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và toàn dân ta trong giai đoạn cách mạng hiện tại.

Trong lúc đó chính sách cai trị thời chiến của kẻ địch ở Quảng Ngãi đang vô cùng khắc nghiệt. Hàng nghìn thanh niên bị bắt lính để đưa sang Pháp làm bia đỡ đạn, hàng nghìn thanh niên và cả người già bị bắt đi phu làm đường Sơn Hà - Giá Vụt - Com Plong và xây dựng một số đồn bốt ở miền núi để chuẩn bị chống Nhật đang lăm le nhảy vào Đông Dương. Thóc gạo bị trưng thu, phương tiện vận chuyển bị sung công, thuế điền thổ tăng cao; công nhân phải làm việc từ 10 đến 12 giờ một ngày, tiền lương bị giảm. Khủng bố trắng lan tràn. Tổ chức Đảng bị tổn thất nặng. Nhiều đồng chí trong Tỉnh ủy, Liên Tỉnh ủy và 120 đảng viên trong tổng số 185 đảng viên của Đảng bị bắt, liên lạc giữa Tỉnh ủy và Xứ ủy bị chia cắt.

Tuy bị địch đàn áp dữ dội và bị một mạng lưới mật thám dày đặc ngày đêm rình mò, theo dõi, nhưng các đảng viên không bị bắt vẫn tiếp tục hoạt động. Các cán bộ lãnh đạo đang bị địch giam giữ trong các nhà

lao cũng tìm mọi cách liên hệ với các đồng chí ở ngoài để xây dựng lại Đảng bộ và hướng dẫn phương châm, phương thức hoạt động.

Tháng 4 năm 1940, một Tỉnh ủy lâm thời đã được thành lập lại. Một thời gian sau, cơ sở Đảng đã được khôi phục ở một số huyện.

Tháng 9 năm 1940, quân Nhật kéo vào Quảng Ngãi và rải quân chốt giữ một số vị trí xung yếu, như: Châu Ổ (Bình Sơn), Cổ Lũy (Tư Nghĩa), Sa Huỳnh (Đức Phổ). Chúng xây đồn bốt, làm đường, vơ vét sức người, sức của, trưng thu lúa gạo để phục vụ cho chiến tranh; đồng thời tuyên truyền lừa bịp về "Khối thịnh vượng chung", về "đồng văn, đồng chủng"... Cũng có một số người nhẹ dạ cả tin, nhưng đại bộ phận nhân dân trong tỉnh đều sớm nhận rõ bộ mặt thật của chúng. Ách áp bức càng cao thì sự chống trả của nhân dân càng quyết liệt, mũi nhọn đấu tranh của quần chúng, cách mạng càng chia mạnh vào những tên xâm lược.

Cuối tháng 10 năm 1940, Đảng bộ Quảng Ngãi bắt liên lạc được với Xứ ủy và nhận được nhiều tài liệu chỉ đạo của Trung ương. Lúc này cơ sở Đảng của tỉnh đã phát triển khá. Riêng huyện Mộ Đức đã có 32 đảng viên, với 10 chi bộ¹.

1. Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi (1885-1945), Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình, 1985, tr. 202.

Tháng 11 năm 1940, đồng chí Đỗ Xáng - một cán bộ lãnh đạo của Đảng bộ trong thời gian tạm lánh ở Tháp Chàm (Ninh Thuận) đã được đồng chí Phan Đăng Lưu đi dự Hội nghị Trung ương lần thứ 7 trở về phổ biến tinh thần cơ bản các Nghị quyết Trung ương 6 và 7. Đồng chí Phan Đăng Lưu còn trao cho đồng chí Đỗ Xáng một cuốn sách nói về tổ chức và nhiệm vụ đội du kích và hướng dẫn kế hoạch trở về địa phương hoạt động. Về đến địa phương, đồng chí Đỗ Xáng đã liên hệ được với một số đảng viên và cơ sở cốt cán; công việc đang được tiến hành gấp rút, thì ngày 10 tháng 1 năm 1941 đồng chí Đỗ Xáng lại bị địch bắt¹. Việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 và 7 bị ngừng lại.

Giữa lúc đó đồng chí Nguyễn Năng Lự - một cán bộ lãnh đạo khác của tỉnh từ Sài Gòn về mang theo khí thế của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và một số chủ trương mới của Đảng. Tháng 3 năm 1941, một hội nghị đã được triệu tập để bàn chương trình hoạt động và bầu Tỉnh ủy lâm thời. Tuy nhiên, ra đời và hoạt động được một thời gian ngắn thì Tỉnh ủy lâm thời lại bị đánh phá. Hầu hết cán bộ lãnh đạo tỉnh, huyện lại bị bắt. Nhưng trong hoàn cảnh như vậy, tổ chức Đảng không bị phá vỡ hoàn toàn. Các đảng viên không bị bắt vẫn tiếp tục vận động quần chúng xây dựng lại tổ chức, chuẩn bị lực lượng cho những chặng đường đấu tranh mới tiếp theo.

1. Theo báo cáo của Li-véc-xê, chánh mật thám Quảng Ngãi có 70 người cùng bị bắt với Đỗ Xáng. Hồ sơ lưu trữ tại Sở Lưu trữ Đà Lạt (1980).

Câu hỏi 3: Hãy cho biết đôi nét về Ba Tơ và truyền thống yêu nước, tinh thần căm thù giặc của nhân dân Ba Tơ. Chi bộ cảnh an trí Ba Tơ được ra đời như thế nào?

Trả lời:

Ba Tơ là một châu nằm ở tây nam tỉnh Quảng Ngãi. Từ miền xuôi đi lên giáp Suối Loa, từ miền ngược đi xuống giáp núi Cao Muôn. Đây là một vùng rừng núi trùng điệp, địa thế rất hiểm trở.

Ba Tơ nổi tiếng là một trong 12 cảnh đẹp được truyền tụng ở Quảng Ngãi. Nhưng Ba Tơ không phải chỉ là một danh lam thắng cảnh cho khách thập phương du ngoạn, mà còn là một vị trí chiến lược, một căn cứ địa quan trọng. Chính vì thế, thực dân Pháp đã xây đồn sơn phòng đóng giữ ở đây. Đồn Ba Tơ gồm có 2 đội, 4 cai và 30 lính dưới quyền chỉ huy của một tên sĩ quan người Pháp, cạnh đồn có Nha kiểm lý của Nam triều làm tay sai cho đế quốc, đàn áp bóc lột nhân dân.

Dân số Ba Tơ chỉ có 2 vạn người, trong đó có chừng 200 người Kinh ở ba làng giáp giới vùng trung châu (thời điểm cuối năm 1940 của thế kỷ XX). Đi sâu vào núi có sáu cơ (làng) là quê hương của người Thượng, trong đó người Ré chiếm số đông.

Ba Tơ có nguồn lâm thổ sản phong phú: thú rừng, cá khe, lúa, chè, cau, quế, v.v... Nhân dân Ba Tơ giỏi nghề chài lưới, bắn nỏ, giỏi việc canh cửi, nung rẫy. Nhưng nhân dân Ba Tơ vẫn khổ cực lâm than. Bọn thực dân Pháp và bè lũ tay sai kiểm lý đã ra sức vơ vét

tàn bạo, làm cho nhân dân chỉ còn "rễ tranh thay muối, mình trần phơi da"¹!

Cũng như lịch sử chung của Quảng Ngãi, Ba Tơ đã có truyền thống đấu tranh chống thực dân Pháp lâu đời. Có thể nói, từ khi Pháp đặt chân lên Quảng Ngãi, suốt 80 năm thống trị, chúng chưa bao giờ "bình định" được Ba Tơ.

Ở Ba Tơ, ngoài việc bóc lột, vợ vét thuế má, bắt phu phen, đế quốc Pháp còn thi hành chính sách chia rẽ rất thâm độc. Chúng gây oán thù giữa người Kinh với người Thượng, giữa người Ré với người Ba-na, Ê-dê, v.v... nhưng âm mưu của chúng đều bị thất bại.

Những chiến dịch "đánh giặc Mọi" của chúng mở ra liên tiếp, nhưng Ba Tơ bất khuất vẫn là cái gai đâm vào mắt bọn xâm lược. Trên miền Rua, miền Rời ở vùng rẻo cao, nhân dân vẫn sống tự do từ xưa đến nay. Mỗi lần họ kéo quân xuống núi là mỗi lần bọn thực dân Pháp và tay sai ở Ba Tơ phải điêu đứng. Nhất là từ khi Đảng ta ra đời, với cao trào 1930-1931, phong trào đấu tranh của nhân dân Ba Tơ càng thêm mạnh mẽ. Để đàn áp phong trào miền núi, đế quốc Pháp đã lập 2 đồn sơn phòng ở Ba Tơ và Di Lăng với nhiều đồn kiểm lý khác. Bên cạnh đồn Ba Tơ và Di Lăng, có nhà lao - "căng" an trí, là nơi giam cầm các tù chính trị, nơi tra tấn, đối rách, ốm đau, ghẻ lở, chết chóc, v.v... biết bao nhiêu cảnh thương tâm hàng ngày đã diễn ra ở đây.

Sau những đợt khủng bố trắng của địch vào cuối năm 1939 và cả năm 1940, các nhà tù ở Quảng Ngãi đã

1. Vì thiếu muối, nhân dân phải lấy rễ tranh đốt để ăn thay muối.

chặt ních những người yêu nước. Đầu năm 1941, dịch đầy một số chính trị phạm, theo chúng là nguy hiểm nhất lên các nhà tù ở Kon Tum, Đắc Lắc và đưa số còn lại, tuy đã mãn hạn tù lên an trí ở Ba Tơ và Di Lăng để giam giữ và kiểm soát, căng an trí Ba Tơ có từ đó.

Kẻ thù dùng căng an trí để tách các chiến sĩ cộng sản ra khỏi phong trào đấu tranh của quần chúng; dùng môi trường sống khắc nghiệt và chế độ kìm kẹp hà khắc để hủy hoại về thể xác và truy bức, uy hiếp, lung lạc về tinh thần, nhằm giết dần giết mòn những người cộng sản mà chúng cho là nguy hiểm nhất đối với nền thống trị của chúng.

Chính trị phạm ở căng an trí Ba Tơ phải tự làm nhà để ở, phải lao động để có ăn, không được đi quá chỗ ở 500 mét; muốn đi quá nơi ở phải xin phép; mỗi ngày phải trình diện 2 lần vào mờ sáng và chiều tối. Với quy định ngặt nghèo này, kẻ địch hy vọng người tù an trí phải lao đao vì cuộc sống nên không còn thời gian để hoạt động cách mạng. Nhưng chúng đã tính lầm. Tập trung những người cộng sản lại, chúng đã tạo điều kiện cho một trung tâm lãnh đạo mới của Quảng Ngãi ra đời.

Cuối năm 1941, căng an trí Ba Tơ đã có hơn 50 tù chính trị; qua đấu tranh sàng lọc, phần lớn vẫn giữ vững phẩm chất cách mạng, một lòng một dạ chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì mục tiêu lý tưởng của Đảng. Nhưng cũng có một số ít cầu an, chỉ lo làm ăn, một đôi người chao đảo bị địch lôi kéo ngấm ngấm làm tay sai cho chúng. Trong số kiên trung bất khuất, cũng có người do nhận thức không

theo kịp sự phát triển của tình hình trong giai đoạn mới của cách mạng nên nghề ngành trước thời cuộc. Trước tình hình đó, nhiều đồng chí đã nhận thấy cần phải nhanh chóng hình thành một tổ chức lãnh đạo để tập hợp những người trung kiên đi vào hoạt động.

Tháng 12 năm 1941, dịch chuyển hai đồng chí Nguyễn Đôn và Nguyễn Khoách từ Di Lăng và Trà Bông về Ba Tơ. Qua tìm hiểu tình hình và thấy ở đây chưa có tổ chức Đảng nên đồng chí Nguyễn Đôn chủ động trao đổi với đồng chí Nguyễn Khoách việc thành lập chi bộ. Rút kinh nghiệm những lần đổ vỡ trước đây là do tổ chức thiếu chặt chẽ, nên sau một thời gian chuẩn bị, đến đầu năm 1942 một chi bộ có 3 đảng viên gồm Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách và Phạm Sanh, do đồng chí Nguyễn Đôn lãnh đạo mới được hình thành; nhưng để giữ bí mật tổ chức Đảng nên lấy tên là Ủy ban vận động cách mạng. Tháng 4 năm 1942, dịch chuyển đồng chí Hoàng Tấu - nguyên Ủy viên Ban cán sự Đảng Nam Trung Kỳ, từ Buôn Ma Thuột về cảng an trí Ba Tơ, đồng chí Hoàng Tấu đã nhanh chóng bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Đôn. Lúc này chi bộ có 5 đảng viên Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách, Hoàng Tấu, Võ Phán, Nguyễn Cừ¹ và đồng chí Hoàng Tấu đã được chi bộ bầu làm Bí thư².

1. Do có một số thiếu sót nên đồng chí Phạm Sanh bị đình chỉ sinh hoạt.

2. Theo tinh thần chỉ thị về công tác tổ chức của Đảng ngày 1 tháng 12 năm 1941, một chi bộ có thể làm nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Tổng ủy và có thể chỉ đạo một tổng khác, huyện khác hay tỉnh khác tùy theo tình hình cho phép, *Văn kiện Đảng (1930-1945)*, tập 3, tr. 263.

Thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh ủy lâm thời, các đảng viên trong chi bộ phân công nhau tìm hiểu tình hình và bắt liên lạc với các đảng viên và cơ sở cách mạng ở huyện đồng bằng và tổ chức một số lớp huấn luyện cấp tốc để đào tạo nòng cốt cho các địa phương. Do đồng chí Hoàng Tấu đã được học tập Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 ở nhà tù Buôn Ma Thuột nên mọi hoạt động của chi bộ đều nhằm vào mục tiêu: xây dựng lực lượng, xây dựng tổ chức Việt Minh, phát động phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Điều lệ Việt Minh, bức thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi quốc dân đồng bào được in và tán phát rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Đến cuối năm 1942, Tỉnh ủy lâm thời đã bắt liên lạc được với một số đảng viên và cơ sở cách mạng ở các huyện đồng bằng như: Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh.

Cùng với việc chỉ đạo xây dựng phong trào cách mạng ở các huyện đồng bằng, chi bộ căng an trí Ba Tơ và cũng là Tỉnh ủy lâm thời, hết sức chú trọng tuyên truyền phát động tư tưởng cách mạng trong đồng bào các dân tộc miền núi, trước hết là vùng rừng núi Ba Tơ.

Như trên đã nói, Ba Tơ là một châu ở tây nam Quảng Ngãi, phía tây giáp với huyện Com Plong tỉnh Công Tum, phía bắc nối liền với các huyện Minh Long, Sơn Hà, phía nam giáp các huyện An Lão, Hoài Nhơn (Bình Định), xuôi về phía đông là các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ. Đây là một địa bàn cơ động,

một huyện miền núi hiểm trở, đồng bào ở đây có lịch sử đấu tranh kiên cường và là căn cứ của nhiều cuộc khởi nghĩa trong nhiều thế kỷ. Triều đình phong kiến phải nhiều lần đưa quân lên đàn áp nhưng vẫn không sao ngăn cản được, nên phải đắp "trường lũy" dọc theo giáp ranh từ Bắc vào Nam để phòng thủ. Hiện nay, di tích "trường lũy" còn khá rõ từ đèo Đá Chát (ki-lô-mét 15) vào đến An Lão.

Theo một số sách thì năm 1819, Lê Văn Duyệt - một tướng của triều Nguyễn đã căn cứ vào những đoạn lũy của các viên trấn thủ trước, đắp thêm thành một lũy mới kéo dài từ Trà My (Quảng Nam) vào đến Bồng Sơn (Bình Định) gọi là Tỉnh Man trường lũy. Dọc theo lũy có hào và trồng tre. Trên lũy, đồng bào dân tộc ở; dưới lũy, chính quyền đặt 115 sở bảo, bắt người Kinh sung lính, đặt thành 27 lân, có chánh và phó lân chỉ huy với 6 cơ canh giữ. Binh lính phải vỡ ruộng cày cấy tự nuôi sống.

Cuối thế kỷ XIX, hưởng ứng chiếu Cần Vương chống thực dân Pháp xâm lược, nghĩa quân Quảng Ngãi do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo đã dựa vào vùng rừng núi Ba Tư đánh nhau với quân Pháp từ năm 1886 đến năm 1888. Những cuộc nổi dậy chống Pháp của đồng bào các dân tộc do các tù trưởng Đinh Đầu, Pá Piên, Đô Nam, Chu Sư cầm đầu, nhất là phong trào "Nước xu đổ" liên tục diễn ra trong những năm cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX đã làm cho bộ máy thống trị của thực dân Pháp nhiều phen lúng túng.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập thị xã tháng 4 năm 1930 chi bộ cộng sản đầu tiên của huyện Ba Tơ, do đồng chí Trần Toại làm Bí thư, ra đời. Từ đó phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Ba Tơ ngày càng bền vững. Trong đấu tranh đã xuất hiện nhiều tấm gương đấu tranh kiên cường, tấm gương đoàn kết Kinh - Thượng.

Năm 1931, trong một đợt vây quét, địch bắt được hai đảng viên cộng sản Trần Hàm và Nguyễn Quang Mao, tịch thu tài sản của hai đồng chí ở Bãi Ri và đem bán đấu giá. Nhân dân các buôn, sóc trong vùng do già Chuông đứng đầu, đem chinh, ché - những tài sản quý giá của từng gia đình ra để mua ngôi nhà và mảnh vườn đó và chăm sóc, giữ gìn cẩn thận. Bảy năm sau đồng chí Trần Hàm ra tù, đồng bào giao lại nhà và vườn cho đồng chí, bởi vì người làm cách mạng đánh Tây thì dù là Kinh hay Thượng đều là con em của núi rừng buôn rẫy.

Sau một thời gian kiên trì vận động, chi bộ đã xây dựng được một cơ sở có cảm tình với cách mạng trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đã tổ chức lễ ăn thề với già Kiêu ở Giá Vụt và một vài cơ sở ở Cao Muôn.

Cơ sở cách mạng cũng được xây dựng trong vùng đồng bào Kinh sinh sống quanh châu lỵ Ba Tơ và dọc theo đường số 5; mạnh nhất là ở Trường An phía đông châu lỵ khoảng 10 ki-lô-mét, vì ở đây có đồng chí Trần Toại - nguyên Bí thư chi bộ đầu tiên của Ba Tơ và là Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên, năm 1931 bị địch kết án khổ

sai chung thân đày đi Buôn Ma Thuột. Sau một thời gian giam cầm, địch đưa đồng chí Trần Toại về quản thúc tại địa phương. Ngoài ra, còn có một số đảng viên và cốt cán đã tham gia phong trào cách mạng 1930-1931, như: Lê Cả, Huỳnh Mau, Huỳnh Ty, Nguyễn Tiểu... Khi được tổ chức bắt liên lạc đều hăng hái nhận nhiệm vụ. Từ nhóm cốt cán này phong trào ngày càng phát triển.

Tháng 5 năm 1943 địch lại đưa đồng chí Phạm Kiệt từ nhà tù Buôn Ma Thuột về căng an trí Ba Tơ. Sau khi bắt liên lạc với tổ chức Đảng, đồng chí đã được kết nạp vào chi bộ. Trong thời gian bị giam giữ ở Buôn Ma Thuột, đồng chí Phạm Kiệt đã tham gia các lớp học quân sự do chi bộ nhà tù tổ chức và do hai đồng chí Hồ Tùng Mậu, Trương Văn Lĩnh đã học ở Trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) trực tiếp huấn luyện. Vốn kiến thức quân sự ít ỏi nhưng rất quý đó đã có tác dụng quan trọng trong việc xây dựng đội du kích Ba Tơ sau này.

Vào thời điểm này, lực lượng đồng minh chống phát xít đều giành thắng lợi lớn ở cả chiến trường châu Âu và Viễn Đông. Tình hình đó đã có tác động mạnh đến phong trào cách mạng Việt Nam. Trước thời cơ đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (từ 25 đến 28-2-1943), quyết định mở rộng hơn nữa Mặt trận Dân tộc thống nhất và xúc tiến nhanh hơn nữa việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Lúc này, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi đang tiếp tục phát triển. Tổ chức Đảng và các hội cứu quốc ở

các huyện đã được xây dựng. Ở Ba Tơ, sau nhiều lần ta đấu tranh kiên quyết, buộc địch nói lỏng quy chế đi lại và trình diện hàng ngày. Đồng chí Hoàng Tấu nhiều lần cải trang xuống tận Trường An, Bằng Chay để liên lạc với cơ sở, qua đó đã tổ chức thêm được một nhóm nòng cốt ở Sông Vệ. Việc đưa cơ sở ở đồng bằng lên để huấn luyện, vẫn tiếp tục thực hiện. Mỗi đợt chỉ vài ba người, thời gian từ hai đến bốn ngày.

Nhằm mục đích tạo khí thế đấu tranh cho quần chúng qua đó đẩy nhanh hơn nữa công việc xây dựng lực lượng, đồng chí Hoàng Tấu đề xuất với chi bộ và Ủy ban vận động cứu quốc mở một cuộc treo cờ, rải truyền đơn để cổ động phong trào. Ý kiến chung cho rằng: không nên hoạt động rầm rộ dễ bị địch đàn áp mà nên tiếp tục bí mật gây cơ sở phát triển lực lượng, xúc tiến lập chiến khu du kích. Ủy ban cứu quốc tỉnh lúc này có năm đồng chí là Hoàng Tấu, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách, Võ Phán, Nguyễn Cừ, nhưng bốn đồng chí không đồng ý¹. Tuy nhiên đồng chí Hoàng Tấu vẫn phổ biến chủ trương này cho cơ sở ở những vùng do mình phụ trách.

Cuộc treo cờ và rải truyền đơn được tiến hành vào đêm 16 rạng 17 tháng 7 năm 1943 dọc theo đường số 1 từ Bình Sơn vào đến Tư Nghĩa và một vài nơi ở Đức Phổ (ở Quy Nhơn và sông Cầu cũng có rải truyền đơn). Truyền đơn ký tên "Việt Nam độc lập đồng minh" và

1. Đồng chí Phạm Kiệt mới về nên không có trong Ủy ban cứu quốc.

"Ủy ban cứu quốc Quảng Ngãi". Cờ đỏ sao vàng được treo cao ở An Diêm (Bình Sơn), núi Thiên Ấn (Sơn Tịnh), Cầu Cát (Tư Nghĩa). Sự xuất hiện cờ và truyền đơn ở nhiều nơi trong tỉnh đã làm cho quần chúng vô cùng phấn khởi, tin tưởng; uy tín của Đảng và Việt Minh lan rộng. Kẻ địch điên cuồng đối phó. Tuy không tìm ra manh mối nhưng mã tà mật thám vẫn lùng sục và bắt nhiều cựu chính trị phạm và quần chúng ở những nơi có cờ và truyền đơn. Hệ thống liên lạc từ Ba Tơ về đồng bằng bị đứt.

Sau đợt hoạt động này, một phái viên của trên đến Ba Tơ để nắm tình hình và truyền đạt chủ trương mới cho Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi và phê bình việc treo cờ rải truyền đơn vừa qua. Trên đường trở về đồng chí phái viên bị địch bắt. Lọc trong người địch thấy thẻ tùy thân mang tên họ một người ở Nghĩa Hành. Lần theo dấu vết, địch bắt đồng chí Huỳnh Tấu và một số đồng chí khác. Một số cơ sở cách mạng ở Nghĩa Hành và Mộ Đức cũng bị địch bắt.

Kẻ thù đã đánh đồng chí Huỳnh Tấu chết đi sống lại mấy lần. Máu mồm, máu mũi hộc ra đỏ cả sàn nhà. Trước tất cả các câu tra hỏi của địch để tìm ra hệ thống tổ chức, đồng chí chỉ một câu trả lời: Tổ chức chỉ có mình tao!

Tuy có thiếu sót trong việc chấp hành nguyên tắc, nhưng sự hy sinh đầy khí tiết của người cộng sản trung kiên, bất khuất của đồng chí Huỳnh Tấu là tấm gương sáng cho mọi người. Dù bị cực hình tra tấn, các đồng chí

bị bắt đều không khai báo một lời. Tổ chức Đảng và cơ sở cách mạng trong toàn tỉnh vẫn được bảo toàn.

Đến cuối năm 1943, vùng rừng núi và trung du miền Bắc đã có dấu hiệu của cao trào cách mạng. Tỉnh Cao Bằng đã có ba châu "hoàn toàn" - Việt Minh làm chủ hoàn toàn, đội tự vệ vũ trang và đội du kích đã thành lập ở hầu hết các huyện, xã, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang sục sôi trong toàn tỉnh. Không khí chuẩn bị khởi nghĩa cũng đang sôi nổi ở Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Vĩnh Yên...

Ở các tỉnh ven biển miền Trung, phong trào cũng ngày một phát triển. Ở Phú Yên, 500 nông dân Tuy Hòa dùng dao, rựa, cuốc vây đánh lính bang tá chiếm đất để đắp đường chở mía cho chủ tư bản. Công nhân khai thác ở Đá Bàn (Khánh Hòa) nổi dậy phá nhà tên chủ sở và đánh đuổi số cai, ký gian ác. Nông dân các huyện Điện Bàn, Thăng Bình, Duy Xuyên (Quảng Nam) không nộp thóc, không bán thóc cho Pháp, Nhật, vây đánh những tên lính đi cưỡng ép dân chúng phải bán đậu phụng (lạc). Đồng bào dân tộc ở gần đồn Đắc Lây (Kon Tum) tổ chức hội làng mời lính đồn đến dự rồi phục rượu giết tên đồn trưởng và số lính đi theo. Khi quân Pháp kéo đến đàn áp, cả buôn đã chống lại rồi rút vào rừng.

Trong lúc đó, ở Quảng Ngãi sau đợt khủng bố tháng 7 năm 1943, phong trào cũng từng bước phát triển. Công tác xây dựng cơ sở, tuyên truyền giác ngộ quần chúng đi vào bề sâu nhằm tích lũy lực lượng chuẩn bị đón thời cơ. Công tác vận động binh lính địch cũng được đẩy mạnh và

đã xây dựng được một số cơ sở trong lính khổ xanh. Đồng chí Nguyễn Đôn được phân công đi vào Giá Vụt, Cơ Nhất để củng cố cơ sở, chuẩn bị căn cứ cho việc tổ chức đội du kích, lập chiến khu theo tinh thần khởi nghĩa từng phần trong Nghị quyết 8 của Trung ương.

Đầu năm 1944, địch đưa đồng chí Trương Quang Giao về củng cố an trí Ba Tơ. Đồng chí đã nhanh chóng bắt liên lạc với chi bộ và tham gia Ủy ban Cứu quốc tỉnh. Lúc này Tỉnh ủy lâm thời và Ủy ban vận động Cứu quốc tỉnh đã khôi phục được một số cơ sở Đảng và cơ sở cứu quốc ở các huyện. Cũng thời điểm này cuộc phản công của đồng minh ở khu vực Thái Bình Dương đang tiến triển mạnh. Máy bay Mỹ ném bom vào nhiều nơi đóng quân của Nhật dọc theo ven biển miền Trung. Tàu chiến Nhật trúng bom bốc cháy và chìm ở sông Cầu (Phú Yên). Thời cơ cách mạng đang thôi thúc những người cộng sản gấp rút hành động. Trong thời điểm này nếu cứ bó mình trong củng cố an trí sẽ rất trở ngại cho việc chỉ đạo phong trào chung của tỉnh, cũng như việc bắt liên lạc và phối hợp hành động với các tỉnh bạn. Chi bộ củng cố an trí đã họp bàn kế hoạch thoát ra ngoài để hoạt động cho kịp thời cơ, nhưng sau đó được tin địch sắp đưa các đồng chí Trần Quý Hai và Trần Lương từ Buôn Ma Thuột về Ba Tơ nên dừng lại.

Tháng 10 năm 1944 đồng chí Trần Quý Hai, tiếp đến tháng 11 năm 1944 đồng chí Trần Lương lần lượt về đến Ba Tơ. Đây là những cán bộ đã liên tục hoạt động từ những năm 1930 - 1931; đã trải qua nhiều thử thách

trong phong trào quần chúng và lao tù đế quốc, có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và rất am hiểu phong trào cách mạng của tỉnh. Lực lượng lãnh đạo được tăng cường, đồng chí Trương Quang Giao được bầu làm Bí thư.

Để nhanh chóng mở rộng hoạt động nhằm đưa phong trào địa phương lên kịp với phong trào chung cả nước, chi bộ và Ủy ban vận động Cứu quốc chủ trương:

- Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc để mở rộng căn cứ ở rừng núi, nghiên cứu địa hình và tình hình đường sá để có hướng xây dựng lâu dài.

- Liên lạc với căn an trí Di Lãng và bàn kế hoạch để khi có thời cơ sẽ cùng nhau phối hợp hành động.

- Tích cực bắt liên lạc với các tỉnh bạn, Xứ ủy và Trung ương. Đồng thời, phân công: Đồng chí Trương Quang Giao chỉ đạo chung; đồng chí Trần Lương tìm bắt liên lạc với Bình Định; đồng chí Trần Quý Hai bắt liên lạc với Di Lãng và tìm bắt liên lạc với Quảng Nam, Xứ ủy và Trung ương; đồng chí Phạm Kiệt chịu trách nhiệm tìm đường núi từ Ba Tơ ra Quảng Nam, vào Bình Định và lên Kon Tum; đồng chí Nguyễn Đôn lo xây dựng cơ sở ở Cao Muôn và Giá Vụt chuẩn bị nơi đứng chân khi thoát ly căn an trí Ba Tơ và xây dựng chiến khu.

Lúc này, ở chiến trường châu Âu, Hồng quân Liên Xô sau khi giải phóng Ba Lan đang tiến sâu vào lãnh thổ Đức quốc xã; liên quân Anh - Mỹ sau khi mở mặt trận thứ hai đã giải phóng nước Pháp và đang tiến nhanh về biên giới phía tây nước Đức. Ở chiến trường Viễn Đông,

quân đồng minh đã cơ bản chiếm lại các nước vùng Đông Nam Á; quân Nhật phải chuyển sang phòng ngự và liên tiếp thất bại. Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước vào giai đoạn kết thúc. Cách mạng Việt Nam phải tận dụng cơ hội nghìn năm có một để giành lại độc lập tự do. Chạy đua với thời gian, ngày 7 tháng 5 năm 1944, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị "*Sửa soạn khởi nghĩa*". Tiếp đến trong thư kêu gọi đồng bào cả nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thúc giục mọi người "*Thời gian rất gấp*", "*Ta phải làm nhanh*". Ngày 22 tháng 12 năm 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập và đánh thắng liên hai trận ở Phai Khắt (24-12), Nà Ngần (25-12). Không khí khởi nghĩa đang lên mạnh ở nhiều nơi.

Lúc này phong trào ở các huyện đồng bằng Quảng Ngãi đã được củng cố và phát triển khá rộng. Nhiều huyện đã có chi bộ Đảng và các chi hội cứu quốc; quần chúng nhân dân trong tỉnh đang mong chờ một biến động lớn. Trước tình hình đó, hội nghị Tỉnh ủy lâm thời họp vào cuối năm 1944 đã quyết định phải khẩn trương đẩy mạnh các mặt công tác để kịp thời hành động khi thời cơ xuất hiện. Ngoài việc đẩy mạnh thực hiện các chủ trương công tác đã có, Tỉnh ủy lâm thời còn nhấn mạnh phải tiến hành gấp một số công tác cấp bách:

- Đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch.
- Ngoài việc bắt liên lạc với căn cứ an trí Di Lãng cần phải bắt liên lạc với nhà lao Quảng Ngãi để xúc tiến công tác chuẩn bị, mở rộng tổ chức.

- Mở các lớp huấn luyện cấp tốc để đào tạo cán bộ cho các huyện; tổ chức huấn luyện quân sự cho anh em an trí ở Ba Tơ và chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng hành động để chớp thời cơ.

- Chuẩn bị cờ và tài liệu của Đảng, của Việt Minh, dự thảo truyền đơn, tuyên cáo.

Hội nghị Tỉnh ủy lâm thời cũng bàn kế hoạch tổ chức cho anh em thoát ly khỏi cãng an trí và phân công khi thoát ra ngoài. Ba đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách sẽ đảm nhận nhiệm vụ xây dựng và mở rộng phong trào miền núi, xây dựng căn cứ và xây dựng lực lượng du kích. Đồng chí Trần Lương phụ trách ba huyện: Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, bắt liên lạc với Bình Định và các tỉnh phía Nam. Đồng chí Trần Quý Hai phụ trách ba huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, bắt liên lạc với Quảng Nam và các tỉnh phía Bắc. Đồng chí Trương Quang Giao - Bí thư, chỉ đạo chung, bắt liên lạc với Xứ ủy và Trung ương.

Ngày thoát ly cãng an trí dự kiến là 15 tháng 3 năm 1945.

Câu hỏi 4: Nêu nội dung, diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Đội du kích Ba Tơ với lời thể lịch sử "Hy sinh vì Tổ quốc" được thành lập như thế nào?

Trả lời:

Trong khi các chiến sĩ cộng sản ở cãng Ba Tơ đang tích cực xây dựng cơ sở quân chúng, chờ ngày thoát khỏi cãng an trí, thì nhận được tin Nhật đảo chính Pháp.

Tin Nhật đảo chính Pháp được cơ sở ở đồng bằng cấp báo cho Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi vào trưa ngày 10 tháng 3 năm 1945. Một hội nghị bất thường của Tỉnh ủy lâm thời gồm 5 đồng chí: Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, nhanh chóng được triệu tập. Tiếp theo, Tỉnh ủy lâm thời lại triệu tập một cuộc họp gồm những người trung kiên nhất trong số chính trị phạm căng an trí Ba Tơ để nghe phổ biến và thảo luận về chủ trương và kế hoạch khởi nghĩa.

Vấn đề tranh luận gay go nhất của hội nghị là: Thời cơ khởi nghĩa đã đến chưa? Nên phát động khởi nghĩa hay thoát ly ra ngoài tiếp tục phát động quần chúng, xây dựng lực lượng, xây dựng đội du kích như kế hoạch đã bàn? Nếu khởi nghĩa thì tiến hành ở nơi nào? Cách tiến hành như thế nào?

Sau một buổi tối tranh luận sôi nổi, hội nghị nhất trí kết luận:

- Tình thế cách mạng đã chín muồi, cần phải tranh thủ thời cơ, tiến hành khởi nghĩa. Trước hết khẩn trương huy động lực lượng khởi nghĩa ở Ba Tơ, tiếp theo phát động khởi nghĩa ở đồng bằng để phối hợp với phong trào miền núi, đồng thời buộc địch phải phân tán đối phó. Nơi nào chưa đủ điều kiện thì vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng, xây dựng lực lượng, xây dựng đội du kích, xây dựng chiến khu chống Nhật.

Về kế hoạch khởi nghĩa, Tỉnh ủy lâm thời chủ trương: Lợi dụng thói quen của địch là lính trong đồn

ban đêm, ngoài số có nhiệm vụ canh gác, đều về nhà ngủ và dựa vào nội quy trình diện vào mỗi buổi sáng, lực lượng khởi nghĩa sẽ phối hợp với cơ sở binh vận mà sáng ngày 11 tháng 3, bất ngờ đột nhập giết lính gác rồi xông vào tiếp tục tiêu diệt những tên còn ngoan cố chống cự, chiếm đồn.

Đồng chí Nguyễn Đôn được giao nhiệm vụ ngay trong đêm xuống liên lạc với Việt Minh ở Trường An huy động quần chúng sáng hôm sau kéo lên phối hợp hành động. Tuy nhiên, tên đội khố xanh chỉ huy đồn Ba Tơ cũng đã biết được tin Nhật đảo chính nên đã ra lệnh cấm trại; binh lính trong đồn được lệnh sẵn sàng chiến đấu.

Mở sáng ngày 11 tháng 3, khi lực lượng đánh đồn đã sẵn sàng ở vị trí tập kết, thì đồng chí Phan Phong có nhiệm vụ đi trinh sát, nắm địch, chạy về báo cáo: Địch đã đề phòng. Trong đồn tập trung rất nhiều lính. Hai tên lính gác đã đứng lù vào trong cổng đồn. Bốn góc đồn đều có lính, súng lăm lăm trên tay, lưỡi lê đã giương sẵn đầu súng.

Tỉnh ủy lâm thời và Ban chỉ huy khởi nghĩa lập tức họp bàn kế hoạch hành động. Đang họp thì có tin báo: Tên quan tư người Pháp và đám lính bại trận chạy trốn hiện đang theo hai hướng Suối Bùn (Nghĩa Hành) và Mộ Đức kéo lên Ba Tơ. Hội nghị liền chủ trương huy động lực lượng vũ trang tuần hành xuống Trường An chặn bắt tên quan tư và buộc nó phải giao đồn. Trên đường tuần hành, đoàn bắt gặp tên đội Phở - quyền chỉ huy đồn Ba Tơ cũng trên đường đi đón tên quan tư

người Pháp. Ta đã trấn áp để hạ uy tín tên tay sai này nhưng lại sơ suất không tước vũ khí để trang bị thêm cho lực lượng khởi nghĩa.

Khi đoàn tuần hành đến Suối Loa thì tên quan tư Pháp, mặt mày hốt hoảng, quần áo xốc xếch đang chạy lên. Ta liền chặn lại và cử đồng chí Phạm Sanh ra thuyết phục hắn *"Hãy giao đồn và vũ khí cho ta rồi cùng nhau hợp tác đánh Nhật, ủng hộ Đờ-gôn"*. Trong thế cô lập, tên sĩ quan thực dân cáo già này giả vờ ưng thuận và hứa khi về đến Ba Tơ sẽ cùng ta bàn bạc cụ thể. Vì không nắm vững ý định của Ban lãnh đạo khởi nghĩa nên đồng chí Phạm Sanh đồng ý để nó đi. Vừa lúc đó, một xe kéo từ dưới chạy lên, tên quan tư Pháp liền nhảy lên xe chạy thẳng. Kế hoạch bắt sĩ quan Pháp làm con tin, buộc phải giao đồn lại không thành.

Trong một ngày liên tiếp hai kế hoạch đều không thực hiện được. Tình ủy lâm thời khẩn cấp họp mở rộng trong một chòi canh ở ven đường. Một số ý kiến cho là cơ hội chiếm đồn không còn nữa, nay chỉ còn một cách là về đồng bằng đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở, mở rộng phong trào, chờ thời cơ mới. Đa số không đồng ý. Sau khi đấu tranh phê phán sự lãnh đạo, chỉ đạo chưa sắc bén, thiếu kiên quyết, kế hoạch giản đơn không dự kiến những tình huống bất ngờ, hội nghị đã phân tích tình hình và kết luận thời cơ chiếm đồn và khởi nghĩa ở Ba Tơ vẫn còn vì:

- Tên quan tư về đồn trong tâm trạng hoang mang lo sợ, điều này càng làm cho binh lính trong đồn thêm dao động.

- Nhật tuy đã cướp được chính quyền nhưng trước mắt phải lo củng cố ở thị xã và các huyện đồng bằng.

Do đó cần phải kiên quyết tiến hành khởi nghĩa Ba Tơ bằng bất cứ giá nào, nhưng trước tiên vẫn tiếp tục cho người vào đồn gây sức ép buộc tên quan tư giao đồn hoặc giao cho ta một số vũ khí để đánh Nhật. Nếu địch không chịu giao, sẽ đánh chiếm.

Về kế hoạch đánh chiếm đồn, hội nghị thống nhất:

- Thông qua hai cơ sở binh vận lấy một số súng để vũ trang cho lực lượng đánh đồn, đồng thời qua các cơ sở này vận động binh lính trong đồn đứng về phía quân khởi nghĩa, ít ra cũng trung lập, hoặc đào ngũ.

- Huy động quần chúng cả người Kinh và Thượng ở Hoàng Đồn, Suối Loa, Trường An... vũ trang tuần hành thị uy rồi kéo về châu lỵ làm áp lực với địch.

Hội nghị vẫn tiếp tục giữ chủ trương phát động khởi nghĩa ở một số vùng giáp ranh và những nơi có đủ điều kiện ở các huyện đồng bằng để hưởng ứng khởi nghĩa ở Ba Tơ, đồng thời buộc Nhật phải phân tán đối phó nhằm bảo vệ thắng lợi cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ.

Hai đồng chí Tỉnh ủy viên Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn được chỉ định làm Chỉ huy trưởng và Chính trị viên đánh chiếm đồn và khởi nghĩa ở Ba Tơ. Trong Ban chỉ huy khởi nghĩa còn có đồng chí Nguyễn Khoách làm Chỉ huy phó. Đồng thời Tỉnh ủy lâm thời quyết định thành lập chi bộ Đảng gồm ba đảng viên (cũng là ba đồng chí trong Ban chỉ huy đội).

Ba đồng chí còn lại trong Tỉnh ủy: Trương Quang Giao, Trần Lương, Trần Quý Hai về lãnh đạo khởi nghĩa ở nông thôn đồng bằng.

Về đến Ba Tơ, Ban chỉ huy khởi nghĩa giao cho hai đồng chí Phạm Sanh và Võ Thứ¹ vào đồn gặp tên quan tư, nhưng hấn trở mặt không chịu giao đồn, giao súng mà còn ngang ngược đòi ta phải theo chúng và do chúng chỉ huy.

Khả năng thương lượng không còn. Cơ sở binh vận trong đồn báo tin địch đã rệu rã, nhiều tên bỏ trốn và gửi ra bốn súng trường.

Kế hoạch đánh chiếm đồn Ba Tơ được chia làm hai bước. Bước một đánh chiếm Nha Kiểm lý là nơi yếu nhất nhưng cũng là nơi trọng yếu của chính quyền, để thu súng đạn trang bị thêm cho ta, đồng thời tạo thêm áp lực với binh lính trong đồn. Tiếp theo tập trung lực lượng đánh chiếm đồn Ba Tơ.

17 giờ ngày 11 tháng 3 năm 1945, hàng trăm đồng bào Kinh, Thượng vũ trang giáo, mác, rựa từ Trường An, Suối Loa kéo lên, từ Hoàng Đồn kéo đến tập trung ở sân vận động với khí thế hùng hực căm thù. Những tiếng hô vang dội "*Đánh đổ quân phiệt Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp*", "*Việt Nam Độc lập*", "*Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm*", "*Ứng hộ Mặt trận Việt Minh*"... của hàng trăm con người càng làm cho binh lính ngụy và bọn tay sai hoang mang run sợ.

1. Võ Thứ cơ sở Việt Minh ở Sơn Tịnh, lên thăm anh là Võ Phấn đang an trí ở Ba Tơ và tham gia khởi nghĩa.

Trời vừa sẩm tối, đoàn quân khởi nghĩa với trang bị súng trường và giáo mác chia làm hai bộ phận: một xông vào Nha Kiểm lý, một bố trí chặn lính ở đồn Ba Tư kéo đến ứng cứu.

Bộ phận xông vào Nha Kiểm lý do hai đồng chí Phạm Kiệt và Nguyễn Đôn dẫn đầu cùng một số đồng chí trung kiên đột nhập vào nhà thì bắt gặp tên kiểm lý Bùi Danh Ngũ đang họp cùng một số tổng lý.

Bị bất ngờ, tên Bùi Danh Ngũ tỏ ra lúng túng nhưng vẫn gắng gượng làm ra vẻ hách dịch hỏi:

- Các anh vào làm gì ở đây?

Đồng chí Phạm Kiệt chìa thẳng khẩu súng có cắm lưỡi lê vào mặt hắn và thét lớn:

- Chúng tôi làm cách mạng. Hôm nay chúng tôi không còn là người tù chịu sự kiểm soát của các anh nữa. Những người cộng sản chúng tôi đã vận động nhân dân nổi dậy đánh Tây, đuổi Nhật, giành độc lập cho Tổ quốc. Hôm nay chính quyền đã về tay cách mạng. Các anh phải hàng ngay.

Trước uy vũ của đoàn quân khởi nghĩa, Bùi Danh Ngũ và đồng bọn đều run bần bật; có tên thụp xuống nấp phía sau bàn xin tha tội chết. Sau khi tịch thu vũ khí và tống giam cả bọn, đoàn quân khởi nghĩa gồm 17 người, có 11 súng, chia làm 3 mũi tiến về đồn Ba Tư. Lúc này cửa đồn đóng chặt, không có lính gác bên ngoài.

Sau khi khép chặt vòng vây ta bắt đầu kêu gọi anh em binh lính người Việt hãy bỏ súng về với cách mạng. Trong đồn không có tiếng trả lời, cũng không có tiếng

súng bắn ra. Ta liền bắn vào đồn 2 phát súng để uy hiếp tinh thần địch. Lính trong đồn có dùng súng bắn ra. Chỉ huy trận đánh ra lệnh bắn tiếp vào đồn mấy loạt súng. Ngói trên nhà trúng đạn vỡ rơi ào ào. Tiếng ngói rơi xen lẫn với tiếng khóc. Tiếng loa kêu gọi lại vang lên quyết liệt hơn: *"Ai đầu hàng cách mạng thì sống, ai chống cự thì chết"*. Lúc này, cơ sở binh vận mới lên tiếng: *"Các anh an trí đánh đồn, quan Tây sợ đã chạy trốn. Anh em ta hãy hàng đi"*. Bên ngoài tiếng trống, tiếng mõ nổi lên liên hồi. Quân chúng rầm rập mang theo đuốc lửa từ các nơi tiếp tục kéo đến. Tiếng hò reo của quân chúng mỗi lúc một thêm vang dội.

Từ trong đồn một tên lính bảo an cầm đèn chạy ra mở cửa, miệng rồi rít van xin: *"Đừng bắn, đừng bắn"*. Liền đó chúng mở cả hai cánh cổng. Quân khởi nghĩa ào ạt tiến vào. Một tiếng thét vang lên: *"Tất cả bỏ súng xuống, ai đứng đầu ở nguyên đó"*. Lửa đuốc cháy đỏ rừng rực, soi rõ những cánh tay run rẩy giơ cao của đám quân bại trận. Sau khi ra lệnh cho lính địch từng người một tay không ra tập hợp trước sân đồn, đồng chí Phạm Kiệt tuyên bố: *"Các anh đã hàng, cách mạng cho về. Từng người được mang theo tư trang, tiền bạc. Từ nay ai còn đi theo địch, cách mạng sẽ không dung tha"*¹.

Suốt đêm ấy, quân khởi nghĩa chia nhau canh gác bảo vệ trật tự an ninh và cho người đi báo tin thắng lợi

1. Tên quan tư Pháp và đội Phổ đã bỏ chạy từ lúc 5 giờ chiều, lúc quân chúng tập hợp làm mít tinh ở sân vận động.

khắp các buôn làng trong vùng. Hai đồng chí Nguyễn Tấn Phước và Phạm Hương dùng thuyền chuyển bớt một số vũ khí vừa thu được về nơi an toàn¹.

Cùng đêm 11 tháng 3, cơ sở Việt Minh ở Khánh Giang, Trường Lệ, Suối Bùn, Phú Khương, Phú Thọ (Nghĩa Hành) đã huy động quần chúng nổi trống mõ kéo về đình làng họp mít tinh nghe cán bộ Việt Minh nói về nhiệm vụ đánh Nhật, đuổi Pháp, lật đổ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng. Cơ sở Việt Minh ở Hóc Kè, Vực Liêm, Tân Hội, Hùng Nghĩa (Đức Phổ) dọc đường số 5 lãnh đạo quần chúng nổi dậy làm chủ xóm, thôn rồi kéo đi chặt cây đập ụ, lăn đá tạo thành vật chướng ngại trên đèo Đá Chát để phòng quân Nhật ngày hôm sau kéo lên đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

Cuộc khởi nghĩa thành công ở châu ly nhanh chóng được truyền đến các vùng núi cao. Ngay trong đêm 11 tháng 3, hầu hết chánh tổng, chủ làng, già làng và dân chúng ở sông Liên, Giá Vụt, Cơ Nhất, Cơ Nhì từ các cánh rừng đốt đuốc kéo về. Dọc đường 5, từng đoàn người giáo mác trên tay từ Đá Chát, Trường An kéo lên, Giá Vụt đổ xuống, ánh đuốc bập bùng như đêm hội hoa đăng.

Sáng ngày 12 tháng 3 năm 1945, hàng nghìn quần chúng gồm người Kinh, người Thượng tập trung tại sân vận động Ba Tơ. 17 cán bộ, chiến sĩ của đoàn quân xung

1. Số vũ khí trong đồn là 17 súng và 50 hòm đạn, cộng số súng đã có là 28. Đội quân khởi nghĩa chỉ có 17 người.

kích chiếm đồn Ba Tư, nai nịt gọn gàng, vũ khí đầy đủ, nghiêm trang đứng thẳng. Cờ đỏ sao vàng được kéo lên. Đoàn quân uy nghiêm giương súng chào. Tiếng hát chào cờ hùng tráng vang lên trong ánh bình minh rực rỡ của núi rừng Ba Tư lịch sử.

Đồng chí Phạm Kiệt, thay mặt Ban lãnh đạo khởi nghĩa tuyên bố:

"Chúng tôi là những người cách mạng ở trong vùng kìm kẹp của kẻ thù. Bấy lâu nay đồng bào ta đã bị Pháp và bọn cai trị Nam Triều kìm kẹp đủ điều. Ngày nay, Nhật và Pháp lại cùng dè dặt cướp bóc dân ta. Dân ta phải một cổ hai tròng" hết làm nô lệ cho Tây lại làm nô lệ cho Nhật. Nỗi khổ chồng chất chịu sao đành... Chúng tôi là những người cách mạng bị địch bắt làm tù tội từ nhiều nhà lao trong nước đã bị chúng đưa về đây cùng với đồng bào, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh đứng lên cướp lấy chính quyền. Từ giờ phút này chúng ta đã chiến thắng. Từ giờ phút này quân đội võ trang của cách mạng, của Đảng, của đồng bào, chiến đấu cho nền tự do của đất nước, bảo vệ đồng bào. Có lệnh trên, các đồng chí phải tiêu diệt địch để tiến lên! Từ giờ phút này tôi thay mặt cho Ban chỉ huy khởi nghĩa Ba Tư, tuyên bố: "Chính quyền tay sai của địch ở đây đã bị đập đổ. Cách mạng đã giành chính quyền".

Tiếp đó, đồng chí Nguyễn Đôn người được đề cử phụ trách chính quyền cách mạng đứng lên tuyên bố tiếp:

"Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ, theo tiếng gọi của giang sơn, nhận thấy nhiệm vụ nặng nề lịch sử phò thác, đã mạnh mẽ tiên phong phát cờ khởi nghĩa, tiếp tục hưởng ứng phong trào đấu tranh của đồng bào Nam Kỳ và đội du kích Bắc Sơn dựng lên chính quyền cách mạng Ba Tơ. Chính quyền cách mạng Ba Tơ là một bộ phận khăng khít với chính quyền cách mạng toàn quốc, là thành viên chống phát xít của Mặt trận dân chủ thế giới.

Chính quyền cách mạng xóa bỏ khâu thuế vô lý của địch, đã bắt đồng bào phục vụ cho chúng. Nhiệm vụ của chính quyền cùng toàn dân là "đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp ở Đông Dương, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên chính phủ Tân dân chủ do toàn dân bầu ra để bảo vệ và ban bố các quyền tự do dân chủ cho tất cả tầng lớp nhân dân".

Lúc này hơn lúc nào hết, đồng bào hãy mau mau đoàn kết lại, không phân biệt già trẻ trai gái, không phân biệt giàu nghèo sang hèn, không phân biệt tôn giáo đảng phái, hễ ai là dòng máu mủ của Việt Nam phải chung lưng đấu cật, góp tài, góp lực, tham gia vào cuộc cách mạng giải phóng đem lại sự độc lập chân chính cho nước nhà.

Cuối cùng, thay mặt Ủy ban Cách mạng đồng chí Nguyễn Đôn tuyên thệ trước toàn dân:

"Chúng tôi Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ xin tuyên thệ trước đồng bào cố noi theo vết máu của tiền nhân, quyết rửa hờn cho giống nòi, phục thù cho Tổ quốc".

Khởi nghĩa thành công, chính quyền cách mạng ở Ba Tơ đã thành lập. Nhưng điều kiện chủ quan và khách quan chưa cho phép ta duy trì bộ máy chính quyền công khai. Sau 3 ngày hoạt động rầm rộ để phát huy ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc khởi nghĩa, giải quyết một số vấn đề về tư tưởng và tổ chức, hướng dẫn cho quần chúng cách đối phó với địch, khi chúng trở lại. Chiều ngày 14 tháng 3 năm 1945, chính quyền cách mạng Ba Tơ chuyển vào hoạt động bí mật.

Trong ba ngày đó, đội quân du kích vừa luân phiên lưu động canh gác và bố trí phục kích chặn địch ở Đá Chát, đèo Lâm, dốc Mốc vừa ổn định tổ chức. Theo yêu cầu công tác, đồng chí Võ Phấn chuyển sang làm công tác vận động quần chúng.

Theo kế hoạch đã định chiều ngày 14 tháng 3, đồng chí Phạm Kiệt chỉ huy toàn đội ngược dòng Ba Tơ đi lên Giá Vụt, nhưng khi đồng chí Nguyễn Đôn trao đổi với đồng chí Trần Toại thì thấy đi về hướng Cỏ Nhật - Cao Muôn có lợi hơn nên sau khi đã hành quân được một đoạn, đội liền quay ngược lại; khi đến Hang Ến toàn đội dừng lại để làm lễ tuyên thệ.

Bãi cát, dòng sông, thác nước mờ mờ dưới ánh sao. Núi Cao Muôn trước mặt. Châu lỵ Ba Tơ ở phía Nam. Núi sông, đất nước đang chứng kiến giây phút tuyên thệ thiêng liêng của đội quân du kích. Chính trị viên Nguyễn Đôn thay mặt Ban chỉ huy đội tuyên bố:

Đêm nay chúng ta rời thị trấn Ba Tơ, di chuyển lên phía Bắc để xây dựng chiến khu, xây dựng lực lượng

cách mạng. Trên bước đường vinh quang và gian lao mà chúng ta đã trải qua và sẽ trải qua, ta lấy chỗ này làm cái mốc. Các đồng chí hãy nhìn lấy núi cao sông rộng thác chảy bên chân ta. Chúng ta dừng lại đây làm lễ tuyên thệ để tỏ rõ quyết tâm: Núi cao mấy cũng vượt, sông sâu thác ghềnh mấy cũng qua, không một khó khăn nào cản bước tiến của người cách mạng, những chiến sĩ cộng sản một lòng một dạ vì sự nghiệp của Tổ quốc, của nhân dân, giành lấy cơm áo hạnh phúc cho đồng bào, độc lập tự do cho xứ sở. Đội quân của chúng ta là đội quân du kích, là đội quân vũ trang của cách mạng, hầu hết là những người cộng sản đã từng đấu tranh sống mái với quân thù, vào tù ra tội trong nhiều năm, nay đã vùng lên giành chính quyền, cầm súng. Từ nay đội quân này lấy tên là "*Đội du kích cứu quốc quân Ba Tư*", gọi tắt là *Đội du kích Ba Tư*. *Đội du kích Ba Tư* là đội quân vũ trang của Đảng, tập trung thoát ly, lưu động, lấy chiến đấu diệt thù làm mục đích; chiến đấu vì mục đích của giai cấp vô sản, của dân tộc. Trước mắt nó sẽ được phát triển và xây dựng mạnh mẽ để cùng nhân dân Quảng Ngãi tiến hành giành lấy chính quyền toàn tỉnh. Tương lai nó sẽ là một trong những đội quân vũ trang của Đảng, của nước...¹.

Lời tuyên bố vừa dứt, toàn thể cán bộ và chiến sĩ của *Đội* đều nắm tay đưa ngang tai. Tiếng hát chào cờ: "*Giang tay ta tung hô muôn năm bóng cờ...*" lại vang

1. Nguyên bản không còn, ghi lại theo trí nhớ của những đồng chí có mặt trong lễ tuyên thệ. Đồng chí Nguyễn Đôn đã xem lại.

lên. Tiếng hát vừa dứt, từng người bước lên đứng trước cờ đỏ sao vàng giơ cao nắm tay, nói rõ tên họ và xin thề: "HY SINH VÌ TỔ QUỐC".

Hy sinh vì Tổ quốc: Đứng dưới cờ tuyên thệ, có người là tù chính trị đã qua những năm tháng tôi luyện trong lao tù đế quốc, có người là thanh niên yêu nước mới tham gia Việt Minh. Đó là những người con ưu tú của nhân dân Quảng Ngãi, chung một lòng yêu quê hương, yêu đất nước thiết tha, chung một chí căm thù địch sâu sắc, chung một lý tưởng chiến đấu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Hy sinh vì Tổ quốc: Lời tuyên thệ ngắn gọn nhưng bao hàm một nội dung sâu sắc, một ý chí sắt đá, một quyết tâm chiến đấu không bao giờ lùi. Mỗi chiến sĩ du kích đều nhận rõ trách nhiệm vinh quang khi được Đảng và nhân dân trao cho khẩu súng, trách nhiệm vinh quang của một đội vũ trang chiến đấu, một đội quân cách mạng.

Hy sinh vì Tổ quốc: Lời thề chiến đấu đó, không chỉ là lời thề của các chiến sĩ du kích Ba Tơ mà nó đã trở thành lời thề chiến đấu của lớp lớp cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang Nam Trung Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ; nó cũng sẽ mãi mãi là lời thề trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của những cán bộ, chiến sĩ Nam Trung Bộ đang, và sẽ nối bước hành quân.

Ra đời trong cao trào toàn dân đánh Nhật, đuổi Pháp, Đội du kích Ba Tơ là đội vũ trang tập trung đầu

tiên do Đảng lãnh đạo ở Nam Trung Bộ. Nó không chỉ đáp ứng kịp thời yêu cầu của phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi mà còn có ảnh hưởng mạnh mẽ, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân các tỉnh ở Nam Trung Bộ.

Được Đảng trực tiếp tổ chức, giáo dục và lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ tuy chỉ là một đội quân nhỏ, nhưng kẻ thù dù đã huy động mọi lực lượng, với bao mưu mô, thủ đoạn cũng không thể đánh bại được. Đội đã nhanh chóng trưởng thành, trở thành một nhân tố quan trọng trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Quảng Ngãi và một số tỉnh ven biển miền Trung cũng như cuộc chiến đấu của quân và dân nơi đây trong năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

Có thể nói thêm rằng, cùng với quá trình phát triển của cách mạng, Đội du kích Ba Tơ đã phát triển nhanh chóng về số lượng, trở thành lực lượng nòng cốt cho phong trào kháng Nhật, cứu nước tại tỉnh Quảng Ngãi trong Cách mạng tháng Tám và sau này là tiền thân của lực lượng vũ trang Liên khu V - một trong các lực lượng chiến đấu tinh nhuệ nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

Câu hỏi 5: Nêu tóm tắt ý nghĩa lịch sử cuộc khởi nghĩa Ba Tơ?

Trả lời:

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã thắng lợi vẻ vang, nó có những ý nghĩa lịch sử lớn lao:

Một là, *Khởi nghĩa Ba Tơ đã nổ phát súng đầu tiên cho cao trào tiên khởi nghĩa 1945 của tỉnh Quảng Ngãi và của cả miền Nam Trung Bộ.*

Kế tiếp truyền thống của Xô viết Nghệ Tĩnh và các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ..., cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã nổ phát súng đầu tiên mở màn cho giai đoạn đấu tranh quyết liệt trong cao trào kháng Nhật, cứu nước ở Quảng Ngãi và miền Nam Trung Bộ, nó thúc đẩy phong trào Quảng Ngãi cũng như phong trào miền Nam Trung Bộ cuộn cuộn dâng lên. Sau tiếng súng Ba Tơ, phong trào cách mạng dâng cao từ Bình Thuận đến Quảng Bình. Ban lãnh đạo cách mạng của các tỉnh lân cận tìm cách liên lạc với nhau, lấy Quảng Ngãi làm trung tâm, hướng về Quảng Ngãi học tập kinh nghiệm, nhờ Quảng Ngãi giúp đỡ. Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi đã cử đồng chí Phạm Sanh, rồi đồng chí Trần Lương liên lạc với Bình Định và các tỉnh miền Nam; đồng chí Trần Quý Hai liên lạc với Quảng Nam và các tỉnh miền Bắc Trung Bộ. Do đó đã tạo điều kiện để đồng chí Nguyễn Chí Thanh và một số đồng chí khác sau khi ra khỏi nhà lao Ban Mê Thuột có đường dây liên lạc với Quảng Ngãi. Về sau các đồng chí ấy đã phối hợp với tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi, triệu tập một cuộc hội nghị liên tỉnh để thống nhất đường lối lãnh đạo, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ lẫn nhau và đề nghị với Trung ương thành lập Xứ ủy lâm thời. Tham dự hội nghị này, có đại biểu của 9 tỉnh từ Quảng Bình trở vào. Hội nghị đã cử ra ban liên

lạc của các tỉnh, lấy Quảng Ngãi làm trung tâm. Nhờ đó, trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, phong trào cách mạng ở Trung Bộ được phát triển tương đối nhanh và đều, được thống nhất trên mọi mặt hoạt động, cũng nhờ đó mà các đảng bộ ở Trung Bộ đã kịp thời lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền trong những ngày tháng Tám.

Hai là, *cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã đẻ ra đội du kích Ba Tơ, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam ở Nam Trung Bộ sau này.*

Trong cuốn "Cách mạng tháng Tám", đồng chí Trường Chinh đã đánh giá rất đúng đội du kích Ba Tơ: "Sau ngày Nhật, Pháp bắn nhau, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) lại đẻ ra một đội du kích nữa. Những đội quân này đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong cao trào chống Nhật cứu nước và trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám".

Từ 28 người với 24 khẩu súng trường, trên bước đường hoạt động, đội du kích Ba Tơ đã phải đương đầu với bọn phát xít tàn bạo luôn luôn vây quét khủng bố; vượt mọi phong ba bão táp, đội du kích Ba Tơ được rèn luyện trong đấu tranh gian khổ, đã trưởng thành nhanh chóng; sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám, nó đã phát triển lên đến hàng nghìn chiến sĩ với chừng bốn trăm khẩu súng. Đến khi thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ rồi tràn ra miền Nam Trung Bộ, những chiến sĩ Ba Tơ đã được tung đi khắp các chiến trường Tây Nguyên,

Nha Trang, cực Nam Trung Bộ và cả Nam Bộ. Nó đã trở thành nòng cốt xây dựng quân đội nhân dân của miền Nam Trung Bộ anh dũng.

Ba là, *cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã đặt nền móng cho chính quyền nhân dân cách mạng của Quảng Ngãi.*

Mặc dù chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tơ chỉ công khai hoạt động không đầy bốn ngày, sau đó rút vào rừng núi hoạt động bí mật, nhưng nó là chính quyền nhân dân cách mạng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi sau 80 năm nô lệ, nó báo hiệu nền thống trị của đế quốc phong kiến ở Quảng Ngãi đang sụp đổ, nó là nền móng cho chính quyền nhân dân cách mạng của Quảng Ngãi trong ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Cũng như đội du kích Ba Tơ, thành quả của chính quyền cách mạng Ba Tơ ngày càng được phát huy tiến tới thắng lợi rực rỡ trong cuộc Cách mạng tháng Tám ở Quảng Ngãi.

Những cán bộ đã từng nắm chính quyền cách mạng Ba Tơ, cũng là những người xây dựng nên Ủy ban nhân dân cách mạng Quảng Ngãi khi Cách mạng tháng Tám thành công; một số trong những cán bộ ấy sau này là những cán bộ xuất sắc của Đảng, Chính phủ và quân đội ta.

Chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tơ đã giáo dục cho quần chúng ý thức đấu tranh giành chính quyền, tập dượt nắm chính quyền và đấu tranh để bảo vệ chính quyền cách mạng. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã làm phong phú thêm bài học khởi nghĩa vũ trang của Đảng ta.

Câu hỏi 6: Hãy cho biết thêm về biên chế tổ chức và hoạt động của Đội du kích Ba Tơ trong những ngày đầu mới thành lập?

Trả lời:

Chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tơ vừa được thành lập thì ngày 14 tháng 3 năm 1945, 81 tên Nhật và một số lính bảo an, do tên quân Trần và đội Bá là những tên Việt gian lợi hại dẫn đường đã kéo lên Ba Tơ đàn áp cách mạng. Ngay sáng hôm ấy, Ủy ban nhân dân cách mạng khai hội. Sau khi phân tích tình hình, thấy rằng lực lượng của quân cách mạng chưa đủ sức chống lại quân địch, hội nghị đã quyết định: chính quyền cách mạng tạm thời rút vào hoạt động bí mật, đội quân cách mạng Ba Tơ biến thành quân du kích rút vào nơi hiểm yếu gây cơ sở, bảo toàn và phát triển lực lượng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền trong toàn tỉnh.

Chiều ngày 14 tháng 3 năm 1945, sau khi tuyên truyền, giải thích và căn dặn đồng bào, đội quân cách mạng rời khỏi Ba Tơ, đồng bào Ba Tơ bù ngùi ra đứng dọc đường cái tiền chân, người cho cái nón, người ủng hộ cái tờ lá, người tặng cái ống tre đựng nước... Tình quân dân cả nước đã thúc giục các chiến sĩ hăng hái lên đường làm tròn nhiệm vụ mới của Đảng giao cho.

Lúc đầu, đoàn quân nghi binh tiến về phía tây, nửa đường quay sang hướng đông bắc, sau đó vượt sông đi về phía bắc thuộc vùng Cơ Nhất; nhằm thẳng chân núi Cao Muôn đi tới.

Đến Hang Én, trước khi qua sông, đoàn quân dừng lại làm lễ tuyên thệ chính thức thành lập đội du kích Ba Tư. Các chiến sĩ cách mạng nhìn thẳng vào lá cờ đỏ sao vàng, nghiêm trang và kiên quyết tuyên thệ: "Hy sinh vì Tổ quốc". Năm tiếng thiêng liêng ấy từ đây trở thành lời chào hàng ngày của các chiến sĩ, nó có một sức mạnh thần kỳ động viên các chiến sĩ trong những giờ phút gay go gian khổ. Dù đói rét, ốm đau, nguy hiểm đến đâu chẳng nữa, mỗi khi lời thề "Hy sinh vì Tổ quốc" được nhắc lại là mỗi lần các chiến sĩ có thêm dũng khí để vượt qua mọi gian nguy.

Sau buổi lễ, quân cách mạng được biên chế lại đội ngũ. Tất cả 28 người với 24 khẩu súng trường, tổ chức thành một trung đội gồm 3 tiểu đội: tiểu đội trinh sát, tiểu đội tuyên truyền, tiểu đội dân vận. Mỗi đội có trách nhiệm riêng, nhưng lúc cần toàn đơn vị đều phải làm tất cả các nhiệm vụ. Phương hướng công tác của đội là vận động nhân dân, xây dựng cơ sở, thành lập căn cứ địa cách mạng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang. Đội có kỷ luật sắt, có người chuyên phụ trách về kỷ luật. Đồng chí Nguyễn Đôn phụ trách chính trị, đồng chí Phạm Kiệt chỉ huy về quân sự. Từ đó cho đến trung tuần tháng 5 năm 1945, đội du kích Ba Tư đã hoạt động suốt từ Cơ Nhất qua Ba Xá, Nước Nẻ, Nước Sung, Nước Lá, Gội Kinh... sống những ngày vô cùng gian khổ nhưng rất anh dũng.

Sáng 15 tháng 3 năm 1945, bọn phát xít Nhật mới kéo đến Trường An. Chúng không đi xe được vì dọc đường số 6, số 7 nhân dân đã phá hoại từ chiều tối hôm

trước. Nhiều cầu bị sập, nhiều đoạn đường bị nậy lên, nhất là đoạn đường Đá Chát. Từ Trường An trở lên, đường đi càng khó khăn hơn, cây to được ngã xuống ngổn ngang. Bọn phát xít, phải lần từng bước, đến gần chiều tối chúng mới đến Ba Tơ.

Phát xít Nhật và bọn tay sai tuy đông, có nhiều vũ khí nhưng không dám tấn công, không dám mò vào núi. Chúng tổ chức bao vây, chặn đường tiếp tế, mong hãm quân du kích vào thế hết lương phải đầu hàng hay bị tiêu diệt dần dần. Suốt ngày đêm, quân địch ra sức vây lùng, bắt bớ, khủng bố nhân dân chung quanh chân núi. Nhiều đồng bào đã bị chúng bắt về nhốt chặt nhà tên Điền Du ở Trường An. Hai tên chó săn khát máu Trần và Bá thay nhau tra khảo vô cùng dã man, nhưng không ai khai một lời. Nhân dân Ba Tơ rất tin tưởng ở cách mạng, lại có truyền thống đấu tranh bất khuất, họ rất yêu quý đội du kích, cho nên dù giặc khủng bố dã man tàn ác cũng không thể cất nổi mối tình sắt son của họ đối với đội du kích. Đồng bào tìm mọi cách để báo tin, đưa đường, tiếp tế thường xuyên cho đội du kích. Những tấm gương anh dũng, thà chết chứ không chịu chỉ chỗ quân du kích đóng của đồng bào Thượng, đã khắc sâu trong lòng các chiến sĩ Ba Tơ. Ông Run, một cơ sở của ta đã từng anh dũng chống Pháp và nuôi dưỡng, giúp đỡ du kích ở trong nhà, bị giặc Nhật bắt tra tấn tàn bạo, rồi kê súng tận ngực và đưa kiếm cửa cổ, ông vẫn cương quyết không khai, mặc dù ông biết đội du kích lúc ấy đóng cách nhà ông 5 cây số đường chim bay. Anh Tú, một nông dân nghèo, bị giặc bắt về đồn tra tấn suốt 5

ngày; chúng đánh anh giáp cả người, liệt bại cả tay chân, anh vẫn không hề hé răng để lộ một chút bí mật gì về du kích, mặc dù chính anh là người trực tiếp, thường xuyên tiếp tế cho du kích.

Bất lực trước tinh thần bất khuất và lòng trung thành vô hạn của nhân dân đối với cách mạng, giặc đành xoay ra mua chuộc, lừa bịp, dụ dỗ, nhưng nhân dân Ba Tơ đã tẩy chay, không hợp tác với giặc. Trừ một số người buôn bán ở quanh thị trấn Ba Tơ, còn tuyệt đại đa số nhân dân đã bỏ vườn không nhà trống, lánh vào núi cao. Không mua chuộc được, giặc lại bao vây, cắt đứt đường giao thông tiếp tế. Nhưng chúng chỉ bịt được những con đường trước mắt chúng mà thôi, những con đường bí mật hiểm trở thì chúng không sao biết được. Trong khi quân thù bao vây các mặt, nhân dân vẫn tiếp tế, nuôi dưỡng và bảo vệ đội du kích Ba Tơ. Tuy bị mất mùa, nhân dân đang đói, phải đào củ, hái rau để ăn, nhưng họ vẫn dành cho du kích từng trái bí, từng nắm muối, từng quả cà, từng quả trứng. Nhân dân đã nói: "Chúng tôi đói, nhưng anh em cần phải có đủ sức để chiến đấu".

Câu hỏi 7: Hãy cho biết hoạt động của Đội du kích Ba Tơ trong những ngày gian khổ ở căn cứ núi rừng Cao Muôn. Tình đoàn kết gắn bó keo sơn giữa Đội du kích và nhân dân địa phương được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Sau lễ thành lập đội ở Hang Én, các chiến sĩ du kích rất phấn khởi, quyết tâm đi sâu vào núi rừng hiểm trở, ra

sức luyện tập, xây dựng căn cứ địa cách mạng để chuẩn bị đánh Nhật cứu nước. Từ đây bắt đầu cuộc đời gian khổ đầy thử thách của người chiến sĩ du kích Ba Tơ.

Đội vừa hành quân vừa sẵn sàng tác chiến. Mờ sáng ngày 15 tháng 3 toàn đội tiếp tục men theo bờ sông đi về hướng Bến Buông để sau đó đi vào vùng rừng núi Cơ Nhất. Khi đến phía bắc Bến Buông thì nghe tiếng súng nổ ở phía nam sông, toàn đội dừng lại và chuẩn bị chiến đấu. Một tổ ba người do đội trưởng Phạm Kiệt trực tiếp làm tổ trưởng theo hướng có tiếng súng để điều tra tình hình. Đi gần đến bờ sông thì tổ gặp đồng chí Trần Lương vừa từ đồng bằng lên. Một lát sau, đồng chí Nguyễn Cừ đi nắm tình hình ở Trường An từ nửa đêm hôm trước cũng trở về báo cáo. Qua ý kiến đồng chí Trần Lương và báo cáo của đồng chí Nguyễn Cừ, tình hình mỗi lúc một sáng tỏ.

Bộ phận Tỉnh ủy lâm thời có nhiệm vụ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở các huyện đồng bằng, sau khi về đến địa phương đã nhanh chóng phổ biến chủ trương cho các tổ chức Việt Minh, đồng thời nghiên cứu đánh giá tình hình.

Do quân Pháp ở Quảng Ngãi không có một sự chống cự nào đáng kể nên quân Nhật đã nhanh chóng làm chủ được tình hình, lực lượng quân Nhật còn mạnh. Về phía ta, công việc chuẩn bị khởi nghĩa tuy có tiến hành nhưng cũng chưa được nhiều, điều kiện khởi nghĩa chưa đủ. Từ nhận định đó, cả ba đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời đã quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa ở đồng bằng và

chuyển sang phát động một cao trào chống Nhật, cứu nước ở khắp các địa phương trong tỉnh. Nhiệm vụ cần kíp trước tiên là:

- Phát động quần chúng biểu tình tuần hành thị uy, đấu tranh, vạch mặt và cô lập bọn tay sai và các tổ chức chính trị thân Nhật; khống chế bọn lý hương, vận động và buộc chúng không được đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng.

- Nhanh chóng phát triển các đoàn thể cứu quốc và Mặt trận Việt Minh, tổ chức tự vệ cứu quốc, xây dựng thực lực.

- Vận động phong trào ủng hộ khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ.

- Đối với Đội du kích Ba Tơ: Duy trì và tổ chức thành một đội vũ trang tập trung chuyển vào xây dựng chiến khu ở căn cứ rừng núi để làm nòng cốt cho công cuộc đánh Nhật, cứu nước của tỉnh.

Trước tình hình đó, ba đảng viên được phân công lãnh đạo, cũng là ba người trọng Ban Chỉ huy đội du kích: Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách đã cùng với đồng chí Trần Lương họp bàn kế hoạch đối phó với khả năng quân Nhật sẽ sớm đưa quân lên đàn áp cuộc khởi nghĩa tìm cách tiêu diệt đội du kích và kế hoạch phát triển lực lượng, xây dựng chiến khu. Cuộc họp cũng đề nghị Tỉnh ủy lâm thời và các đoàn thể cứu quốc ở đồng bằng cần gấp rút tổ chức hệ thống tiếp tế và liên lạc với đội du kích ở căn cứ.

Để đối phó với quân Nhật, hội nghị chủ trương như sau:

- Hướng dẫn cho nhân dân và cơ sở cách đối phó với quân Nhật khi chúng đưa quân lên lòng quét.

- Bố trí người theo dõi nắm chắc tình hình báo cáo kịp thời để Đội có thể chủ động đối phó.

Về xây dựng Đội, ba vấn đề được nêu lên:

- Tổ chức kỷ luật.
- Vận động quần chúng.
- Tiếp tế lương thực.

Kỷ luật là một trong những yếu tố hợp thành sức mạnh của quân đội, kỷ luật càng nghiêm, sức chiến đấu càng mạnh. Tuyệt đại bộ phận cán bộ và chiến sĩ trong đội du kích là đảng viên, những người có ý thức chấp hành mệnh lệnh, nhưng trong điều kiện mới cần phải có thêm những quy định chặt chẽ để mọi người tự giác tuân theo. .

Một bản quy định về kỷ luật đã được toàn Đội dân chủ thảo luận và nhất trí thông qua. Gồm có ba phần:

a) Xử lý nặng:

- Người nào phản bội Đội du kích.
- Đào ngũ.

- Lúc đánh trận hay hành quân mà chống lại mệnh lệnh của chỉ huy.

- Cướp, phá tiền của, sản vật của dân chúng, dùng vũ lực bắt dân chúng phải làm việc cho mình.

b) Mấy điểm kỷ luật khác:

- Bất cứ lúc nào cũng phải luôn chú ý đến những tiếng còi lệnh và phải lập tức thi hành.

- Giờ chào cờ phải hết sức nghiêm trang.
- Khi ra mệnh lệnh gì phải có sự đồng ý của chỉ đạo viên.
- Trong lúc hành quân không được trò chuyện ồn ào, hút thuốc, đốt lửa, làm rơi đồ đạc.
- Trong lúc canh gác, không được hút thuốc, chuyện trò hay làm việc khác, nhất là không được bỏ chỗ gác, không được rời vũ khí.
- Trong quân ngũ có điều gì bất bình có quyền đưa ra đoàn thể xét xử, cấm không được nói xấu văng mặt.

c) Những điều cốt yếu của người lính du kích:

- Hy sinh, dũng cảm, hăng hái, siêng năng để phụng sự Tổ quốc.
- Tuyệt đối phục tùng chỉ đạo viên.
- Kiên nhẫn chịu đựng mọi điều kiện cực khổ, ăn nói có lễ độ với tất cả mọi người.
- Không được lấy của công làm của riêng.
- Luôn luôn giúp đỡ dân chúng, khi đóng quân cũng như khi rút quân, phải giữ nhà cửa của dân cho sạch sẽ.
- Mua bán phải giữ lẽ công bằng, không được lấy của ai dù là một cây kim, sợi chỉ. Khi mượn vật gì lúc đi phải trả đủ, làm hư hỏng phải bồi thường rành mạch.
- Không được hút xách say sưa¹.

1. Nguyên bản Bản quy định kỷ luật này do đồng chí Phan Phong giữ đến năm 1965 mới giao cho Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Sau khi ban bố các điều kỷ luật và kết nạp thêm vào Đội hai đồng chí Bùi Cả và Huỳnh Họa, Đội hành quân vào nóc ông Run - một tù trưởng nổi tiếng chống Pháp đã có liên lạc với ta từ trước. Tại đây, Đội được cơ sở ở Ba Tư báo tin: Nhật đã kéo lên chiếm lại đồn Ba Tư vào chiều ngày 15 tháng 3 năm 1945. Viên kiểm lý Ba Tư trước đây được ta tha tội chết, lại ra nhận chức, tập hợp bọn tay sai chống phá. Thông qua một nhà sư là thầy Dư người Bến Buông, trụ trì ở chùa Suối Loa, ta gửi cho viên kiểm lý lá thư cảnh cáo, có đoạn viết: "*Trước đây ông có tội theo Pháp chống lại cách mạng. Chúng tôi khởi nghĩa ở Ba Tư đã dung tha cho ông rồi. Nay ông lại theo Nhật chống lại cách mạng. Tốt nhất là ông ủng hộ cách mạng thì tính mạng ông mới được toàn thân*"¹. Sau lần đưa thư cho viên kiểm lý, nhà sư trở thành cơ sở cách mạng và thường xuyên báo tình hình địch cho Đội.

Sau khi bàn kế hoạch cùng nhau đoàn kết đánh Nhật với chánh Run, Đội lại đi về hướng Eo Chim rồi vào Nước Nẻ. Ở đây, Đội liên lạc với phó Nía - một tù trưởng chống Pháp có uy tín trong vùng. Cũng tại đây Đội tiếp nhận 20 chính trị phạm người Thanh Hóa bị Pháp giam ở nhà lao Quảng Ngãi, sau đêm Nhật đảo chính đã tổ chức vượt nhà lao, nhưng không về quê mà tình nguyện lên căn cứ tham gia Đội du kích. Do điều kiện khó khăn nên Đội chỉ tiếp nhận 3 đồng chí: Lê Cần

1. Nội dung đoạn thư này, do đồng chí Nguyễn Khoách, người có nhiệm vụ nhờ thầy Dư đưa thư cho Bùi Danh Ngũ cung cấp.

(Súy); Phạm Bá Mộc; già Hương. Số còn lại được tổ chức lần lượt đưa về quê hương.

Sau thời gian vận động xây dựng cơ sở ở Nước Nẻ, Đội du kích lại tiến lên phía bắc xây dựng cơ sở ở Nước Nùng. Tại đây, Đội tổ chức làm lán trại, ổn định nơi ăn, ở, vừa luyện tập quân sự, vừa luân phiên đi vào các buôn, sóc, vận động nhân dân xây dựng cơ sở.

Mục tiêu đấu tranh thống nhất, thêm vào đó phần lớn cán bộ, chiến sĩ của Đội đều có kinh nghiệm vận động quần chúng, luôn hòa mình với nhân dân, biết tôn trọng và nhanh chóng thích nghi với phong tục tập quán, nên ở đâu cũng được lòng dân. Đoàn kết giữa người Kinh với người Thượng, đoàn kết giữa các chiến sĩ du kích và nhân dân ngày thêm gắn bó. Một số thanh niên người dân tộc được giáo dục, giác ngộ, đã xin tham gia Đội du kích. Ba thanh niên Đinh Nhói, Đinh Ngót, Đinh Nép lần lượt được kết nạp vào Đội. Buổi lễ ăn thề giữa Đội và đồng bào theo phong tục tập quán của đồng bào dân tộc trong vùng được tổ chức.

Một buổi chiều hạ tuần tháng 3 tại vườn nhà tổng Phương ở Nước Sung, hàng trăm đồng bào Thượng, trong đó có chánh Run, phó Nía và nhiều tù trưởng, già làng khác cùng toàn Đội du kích tập trung trên một gò đất cao. Một ché rượu lớn đặt ở giữa, để làm lễ "cúng Trời", "cúng Đất", "cúng Ma" thể sống chết có nhau cùng đánh Nhật, đuổi Tây, đã được tổ chức.

Một người chặt đầu hai con gà rồi cho huyết chảy vào ché rượu. Ban chỉ huy Đội du kích, cùng chánh Run,

phó Nía bước lên cùng chia tay chích máu nhỏ vào chén rượu. Tất cả súng và kiếm đều chúc vào chén rượu rồi giơ cao lên cùng thề: *"Nhân dân và du kích thương yêu, đùm bọc nhau, đoàn kết đánh Nhật, chống Tây cứu nước. Ai làm sai sẽ bị cách mạng, nhân dân và "Giàng" xử phạt"*.

Lễ ăn thề tương bừng đến nửa đêm. Từng đoàn người trở về buồn rầy với ngọn đuốc soi đường trong đêm tối. Đây cũng là ngọn đuốc cách mạng soi sáng con đường đi cứu nước của nhân dân các dân tộc ở căn cứ địa Ba Tơ.

Sau lễ ăn thề ba ngày, một toán lính Nhật do bọn tay sai dẫn đường từ Sơn Hà xuyên rừng vào đến Minh Long và đang hướng về Ba Tơ. Chủ trương của Ban chỉ huy Đội du kích lúc này là tránh đụng độ để địch không có cơ đàn áp nhân dân. Theo chủ trương đó, Đội đã cử người bàn thống nhất với dân chúng những nơi Nhật có thể đi qua: Nếu Nhật không đàn áp, khủng bố thì bán cho nó một ít lương thực, rồi để nó đi. Từ Minh Long, lính Nhật kéo vào đến đâu cũng hoành hợ: Du kích cộng sản Ba Tơ ở đâu? Mọi người đều trả lời: "U ní, u nó" (tiếng dân tộc: không thấy, không biết). Khi đến vùng tù trưởng chánh Run, sau khi được dân bán cho mấy con gà để ăn tối, cả bọn dừng lại ngủ đêm ở một nhà lúa ngoài rẫy, bắt mấy thanh niên địa phương canh gác. Nửa đêm một số thanh niên dân tộc tìm đến chỗ Đội du kích đề nghị lợi dụng cơ hội thuận lợi, tổ chức giết cả bọn để lấy súng. Sau khi nghe thuyết phục, mọi người đều thuận theo chủ trương cứ để cho chúng yên lành ngủ qua đêm. Quân Nhật còn mấy lần lùng sục

nữ, nhưng dựa vào tinh thần cảnh giác, ý thức kỷ luật kết hợp với địa thế hiểm trở và phong tục tập quán của đồng bào dân tộc, Đội du kích đã bảo toàn được lực lượng, không làm bộc lộ căn cứ, bảo vệ được tính mạng, tài sản của nhân dân, ta có thêm thời gian xây dựng.

Rút vào căn cứ Cao Muôn, Đội du kích đã nằm giữa lòng dân, được nhân dân bảo vệ, che chở, nhưng muôn vàn khó khăn gian khổ cũng ập đến.

Trước lúc rút vào căn cứ, Ban Chỉ huy Đội đã phân công đồng chí Phạm Hương (Xuân) và đồng chí Nguyễn Tấn Phước liên hệ với cơ sở Việt Minh ở Trường An và các thôn làng ven sông Vệ ở Nghĩa Hành tổ chức đường tiếp tế từ đồng bằng lên chiến khu. Nhưng cần phải có thời gian nhất định, đường tiếp tế mới có thể hoàn thành. Trong lúc đó từ châu ly Ba Tơ ra đi mỗi chiến sĩ du kích chỉ có vài ba ký gạo vừa lấy được trong đồn địch, nên chỉ sau một thời gian ngắn đã lâm vào cảnh thiếu cơm lạt muối. Nhân dân hết lòng yêu thương Đội du kích nhưng cũng trong tình cảnh thiếu đói quanh năm. Tháng 3 là mùa suốt rẫy nhưng cũng là mùa kiêng cữ. Lúa mới chưa được ăn, chưa được xuất ra khỏi nhà lúa. Đội du kích phải trải qua nhiều ngày mỗi người chỉ được một lạng gạo. Mọi người phải đi hái rau rừng hoặc xin dây khoai lang về để nấu cháo. Mỗi nồi cháo cho năm, bảy người ăn chỉ một lon gạo, còn lại là rau lang độn cho no bụng. Tuy nhiên, kỷ luật dân vận vẫn được giữ nghiêm. Không một chiến sĩ nào lấy một củ khoai, trái bắp hay quả chuối của dân ở ngoài nương rẫy.

Cán bộ và chiến sĩ đến nơi nào, nhân dân cũng tìm đến, người cho mấy củ khoai, một nắm rau, người cho mấy lon gạo. Có người khi đổ mấy lon gạo cuối cùng ở trong nhà vào bao của đồng chí Chính trị viên và để cho người cán bộ yên tâm đã chỉ đám lúa đang chín trước nhà nói: Anh đừng lo, mai tôi sẽ suốt lúa cho vào nôi rang là có gạo ngay! Tiêu biểu cho tấm lòng thương yêu đùm bọc đó là mẹ Thía - một bà mẹ nghèo ở Nước Sung. Nhà không có gì để ăn nên mẹ phải đi mót khoai, mót bắp để sống qua ngày. Thương Đội du kích, mẹ dành dụm mang đến cho Đội một rổ khoai lang và củ mài. Hiểu tấm lòng và nỗi khổ của mẹ nên đồng chí Đội trưởng cảm ơn và nhất mực từ chối, nhưng mẹ không nghe, giận hờn, khóc lóc, tủi thân, cuối cùng buộc đồng chí phải nhận.

Sau này, hồi tưởng lại tình sâu nghĩa nặng của đồng bào các dân tộc ở Ba Tơ, trong hồi ký: *"Từ rừng núi Ba Tơ"*, đồng chí Phạm Kiệt - người Đội trưởng năm xưa đã viết: *"Một củ khoai của người nghèo mà nặng tình nghĩa làm sao. Núi Cao Muôn có cao cũng không cao bằng lòng yêu nước, yêu cách mạng của dân; sông Ba Tơ có sâu cũng không sâu bằng hận thù quân cướp nước trong lòng người Thượng"*.

Có lúc hai ngày liền toàn Đội không có gì để ăn ngoài một tí rau rừng. Đói rét vẫn không ngăn được anh em hành quân, tập luyện. Nhiều người bị ốm có lúc muốn quy xuống, nhưng nhớ đến lời thề "Hy sinh vì Tổ quốc" lại có sức vươn lên.

Di đôi với công tác vận động quần chúng, xây dựng căn cứ địa, Đội đã tranh thủ mọi thời gian tổ chức huấn luyện quân sự, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu sắp đến.

Trong thời gian đầu, nội dung huấn luyện chủ yếu là động tác cơ bản, tháo lắp súng, lăn lê bò toài, ngắm bia, ném lựu đạn, động tác cá nhân chiến đấu, tổ chiến đấu.

Học tập rèn luyện trong điều kiện ăn uống thiếu thốn, khí hậu lại khắc nghiệt, nên nhiều cán bộ, chiến sĩ bị ốm; một số quá yếu Đội phải gửi tạm trong dân, hoặc chuyển về đồng bằng. Tuy vậy số còn lại vẫn miệt mài rèn luyện, nên mọi người đều đạt kết quả tốt. Kiểm tra bắn đạn thật tất cả đều bắn trúng bia, hơn một nửa bắn trúng hai viên; một số đồng chí bắn ba viên trúng cả ba. Một số ban công tác như Ban Chính trị, Ban Huấn luyện, Ban Quân pháp... lần lượt được tổ chức để giúp Ban Chỉ huy¹. Tổ chức, kỷ luật nên nếp sinh hoạt học tập dần dần đi vào quy củ.

Khó khăn lớn nhất là tuyệt đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ của Đội đều là cán bộ chính trị nên kiến thức quân sự hầu như chưa có. Riêng đồng chí đội trưởng đã được học ít nhiều trong nhà tù Buôn Ma Thuột, mà chủ yếu là lý thuyết. Kết quả huấn luyện có nhiều hạn chế. Theo yêu cầu của Đội, tổ chức cứu quốc ở đồng bằng đưa lên hai cơ sở là Huỳnh Quang Lâu (Vũ) và Vũ Trung Thành (Hy) - nguyên là lính khố đỏ đã bỏ ngũ về tham gia cách mạng ở địa phương để làm nòng cốt trong huấn luyện.

1. Nói là ban nhưng chỉ từ một đến hai người.

Kết hợp học với hành, mỗi lúc di chuyển đến nơi đóng quân mới, Đội đều tổ chức bố phòng. Sau khi vạch ra phương án sơ bộ, Đội tổ chức làm hai bộ phận: một làm quân xanh từ ngoài đánh vào, một làm quân đỏ tổ chức đánh trả. Sau một lần tập lại rút kinh nghiệm. Mọi việc đều lần mò trong thực tế, trong thử nghiệm. Càng tập luyện, qua thảo luận dân chủ, toàn Đội cũng như từng người đều có thêm hiểu biết về quân sự, càng tin vào bản thân và đồng đội.

Luân phiên giữa huấn luyện và vận động quần chúng xây dựng căn cứ địa, đầu tháng 4 năm 1945, Đội từ Gò Rìng vượt Nước Nè đi thêm một ngày nữa thì đến một vùng núi cao; ở lưng chừng núi có một xóm ba nhà dân. Đây là những gia đình háng hái chống Pháp, kiên quyết không chung sống với quân cướp nước. Trước đây, từ cuối năm 1944, đồng chí Nguyễn Đôn đã tìm vào liên lạc với xóm này. Dựa vào xóm ba nhà, Đội bắt liên lạc được với hai tù trưởng (Rua, Rói). Khi hai bên cùng nhau bàn việc hợp tác đánh Tây, đánh Nhật, tù trưởng Rua thẳng thắn nói: Các ông đánh Tây, đánh Nhật muốn gì cũng có, chúng tôi sẵn sàng ủng hộ các ông gạo, thịt... Chúng tôi bao nhiêu năm ở đây, Tây không lên được. Thằng cai Xạc trước kia đem quân lên đây đã bị lũ làng giết chết. Từ trước đến giờ chúng tôi vẫn độc lập.

Tuy cuộc khởi nghĩa ở các huyện đồng bằng không diễn ra như ý định, nhưng trong thời cơ thuận lợi phong trào cách mạng vẫn diễn ra sôi nổi. Một số cán bộ, đảng viên bị địch giam giữ ở các nhà lao Buôn Ma Thuột, Đắc Tô, La Hy... đã tìm mọi cách thoát ngục trở về cùng với

các đảng viên đang hoạt động ở địa phương tích cực vận động quần chúng xây dựng lực lượng. Chỉ trong một thời gian ngắn, tổ chức Việt Minh và các hội cứu quốc đã được xây dựng ở hầu khắp sáu huyện đồng bằng.

Cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 1945, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập cuộc họp Tỉnh ủy đầu tiên ở một địa điểm gần nhà đồng chí Trần Huy (thôn 4, xã Đức Tân hiện nay). Đồng chí Phạm Kiệt - Tỉnh ủy viên, Đội trưởng Đội du kích Ba Tơ không về được nên cuộc họp chỉ có 4 đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời: Trương Quang Giao, Trần Lương, Trần Quý Hai, Nguyễn Đôn và mở rộng thêm một số đồng chí khác.

Hội nghị đã phân tích đánh giá tình hình toàn tỉnh, vạch rõ những âm mưu và tác hại về những luận điệu tuyên truyền của Nhật và bọn thân Nhật, về cái gọi là: "Đồng văn đồng chủng"; "Khởi thịnh vượng chung Đông Nam Á"..., vạch mặt bọn phản động Quốc dân đảng đang ráo riết tranh giành chính quyền; vạch mặt bọn phản động thân Nhật đột lốt giáo phái Cao Đài, từ đó đã đề ra một số chủ trương và biện pháp nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng lực lượng.

Đối với Đội du kích Ba Tơ, hội nghị chú trọng bàn các biện pháp nhằm nhanh chóng phát triển lực lượng, ngoài ra còn bàn cụ thể kế hoạch xây dựng chiến khu, tổ chức tiếp tế để nuôi dưỡng, kế hoạch phát huy thanh thế của khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ ở trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Cũng trong hội nghị này, đồng chí Nguyễn Chánh được bổ sung vào Tỉnh ủy lâm thời và được cử lên tăng cường lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ.

Sau gần một tháng rút vào căn cứ, tuy vẫn còn nhiều gian khổ nhưng tình hình mọi mặt của Đội du kích đã có bước tiến triển, đời sống đã khá hơn.

Lúc này, phong trào các huyện đồng bằng phát triển, cơ sở cách mạng mở rộng, hành lang liên lạc giữa Ba Tơ và các huyện phía nam của tỉnh từng bước khai thông. Dựa vào cơ sở Việt Minh ở Trường An, do lão đồng chí Trần Toại phụ trách, đồng chí Phạm Hương đã tổ chức được một đội thuyền chở vật chất tiếp tế theo sông Vệ từ Suối Bùn (Nghĩa Hành) lên đến Bến Buông. Phát hiện đường vận chuyển của ta, quân Nhật liền tổ chức đánh phá; có lúc đưa quân chốt giữ một số ngày tại Trường An là bàn đạp và cũng là đầu mối của con đường vận chuyển từ đồng bằng lên, sau đó chuyển vào căn cứ cho Đội du kích. Mặc dù bị địch ngăn chặn, các cơ sở trực tiếp lo việc vận chuyển ở Nghĩa Hành như: Trương Thị Đào, Trương Thị Sốt...; ở Trường An như Nguyễn Tiểu và ba cô con gái của đồng chí Trần Toại đã dũng cảm, mưu trí nhiều lần đưa hàng tiếp tế vào đến chiến khu. Nghĩa tình sâu nặng của nhân dân đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho Đội du kích vững bước trên con đường đã chọn. Ngoài việc tổ chức tiếp tế lương thực, thực phẩm, Tỉnh ủy lâm thời còn gửi lên cho Đội một la bàn, một ống nhòm khá tốt.

Xen kẽ giữa các đợt huấn luyện và dân vận, Đội còn tổ chức từng tổ nhỏ đi thu lượm số vũ khí của quân Pháp vứt bỏ hoặc cất giấu để chuẩn bị cho việc mở rộng lực lượng sau này. Nhóm đi Xà Lò, do đồng chí Phan Phong và Trịnh Anh phụ trách. Theo nhân dân, ở sông

Xà Lò có một loại rắn lạ, bề ngang to bằng gang tay, dài gần 2 mét, người yếu bị nó quấn không thoát được sẽ chết chìm. Từng người trước khi lặn xuống sông đều hô to lời thề: "Hy sinh vì Tổ quốc". Ở Khánh Giang, Trường Lệ, nhân dân đã thu cất được một số súng nhưng sợ đưa cho du kích sẽ bị quân Nhật khủng bố. Đội đã linh hoạt cải trang thành lính "bảo an" đi tuần tra. Qua ánh mắt, nhân dân và du kích đều hiểu lòng nhau. Những gia đình có súng đã vui vẻ đưa những khẩu súng được giấu kỹ cho cách mạng. Trong một lần đi lên Giá Vụt, đồng chí Nguyễn Khoách gặp tên cai Úc - một tên phản động. Biết ta cần súng, tên này chủ động nói: "Các anh cần súng tôi dẫn đi lấy". Mấy hôm sau một tổ gồm các đồng chí Nguyễn Khoách, Huỳnh Họa, Bùi Cả lên đến nơi. Tên phản động này trải chiếu mời ngồi nhưng lại không nói chỗ để súng, xin đợi nó đi tìm người biết chỗ. Biết tên phản động này tìm cách đi báo cho lính đồn đến bắt, đồng chí Nguyễn Khoách liền nói thẳng vào mặt tên phản động: "*Tao dám đánh Pháp, đánh Nhật, mà chỉ là tên tép riu. Coi chừng cách mạng chặt đầu có ngày*".

Giữa tháng 4 năm 1945¹ đồng chí Nguyễn Chánh mới lên đến nơi Đội đóng quân. Đồng chí đã tham gia cách mạng từ những năm 1930-1931, bị địch bắt và giam ở lao Hòa Bân, ra tù tiếp tục hoạt động. Năm

1. Theo đồng chí Nguyễn Đôn, sau hội nghị Tỉnh ủy lâm thời vì thấy đồng chí Nguyễn Chánh còn yếu nên đồng chí Nguyễn Đôn đề nghị đồng chí Chánh về nhà nghỉ một tuần, nên đến giữa tháng 4 năm 1945, đồng chí Chánh mới lên chiến khu.

1939, đồng chí là Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, đồng thời là Bí thư liên tỉnh ủy Nam - Ngãi - Bình - Phú. Bị địch bắt và đày đi nhiều nơi. Khi Nhật đảo chính Pháp, đồng chí cùng với một số chính trị phạm phá nhà lao về địa phương công tác và được Tỉnh ủy lâm thời cử lên làm chính trị viên Đội du kích. Đồng chí Nguyễn Đồn làm Chính trị viên phó.

Thời gian này, Đội vừa chuyển về Nước Lá, tinh thần tư tưởng đều vững vàng. Tuy việc tiếp tế ở đồng bằng lên ngày càng nhiều, nhưng do khó khăn thiếu thốn kéo dài, bệnh sốt rét hoành hành nên sức khỏe toàn Đội giảm sút.

Sau khi nắm tình hình mọi mặt, đồng chí Nguyễn Chánh lập tức triệu tập hội nghị chi bộ gồm 4 đảng viên: Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách. Hội nghị đã xem xét mọi mặt lãnh đạo của chi bộ trong thời gian qua và bàn nhiệm vụ lãnh đạo trong thời gian tới.

Về nhiệm vụ xây dựng Đội, chi bộ quyết định: Đẩy mạnh việc học tập chính trị, quân sự. Xây dựng nền nếp sinh hoạt chặt chẽ. Tiếp tục vận động nhân dân, mở rộng cơ sở quần chúng, củng cố và mở rộng căn cứ địa ra các vùng Sơn Hà, Minh Long và phía nam, tạo điều kiện phát triển sang An Lão của tỉnh Bình Định. Đề nghị Tỉnh ủy lâm thời chuẩn bị cơ sở để chuyển dân Đội du kích về đồng bằng.

Để tăng cường sức lãnh đạo của chi bộ, chi bộ chủ trương khôi phục Đảng tịch cho 2 đồng chí Phan Phong

(Hùng) và Nguyễn Niên (Hường). Như vậy chi bộ có 6 đảng viên¹.

Mấy ngày sau, trong một cuộc sinh hoạt Đội, đồng chí Nguyễn Chánh đề nghị: Mỗi đội viên trong Đội du kích phải lấy bí danh bằng một con số. Số gốc là 200. Từ đó, bí danh của đồng chí Nguyễn Chánh là 201, đồng chí Phạm Kiệt 202... Về sau Phạm Kiệt đề nghị lấy chữ cuối của tên mình là T cộng với số cuối của bí danh là 2, ghép lại là T2 (T đơ) để gọi cho gọn.

Tình hình cách mạng diễn biến mau lẹ. Mọi công việc đều khẩn trương.

Về luyện tập quân sự, mỗi tiểu đội đều có bãi tập riêng. Hàng ngày hai tiểu đội huấn luyện, một tiểu đội tuần tra canh gác.

Sinh hoạt chính trị tiến hành đều đặn, kỷ luật được tăng cường, nội bộ ngày càng đoàn kết, thương yêu đằm ấm.

Công tác vận động quần chúng do hai đồng chí Phạm Kiệt và Phan Phong đảm nhận. Mỗi người đi về một hướng. Những buổi lễ "ăn thề" liên tiếp được tổ chức. Khắp rừng núi Ba Tơ đâu đâu cũng hừng hực khí thế đánh Nhật, đuổi Tây.

Thời gian này chiến tranh thế giới đang ở vào thời điểm sắp kết thúc. Ngày 7 tháng 5 năm 1945, phát xít

1. Hầu hết các chiến sĩ du kích đều là đảng viên, nhưng theo chỉ thị của Trung ương, các đảng viên khi ra tù, đều phải có thời gian xem xét trước khi phục hồi Đảng tịch.

Đức đầu hàng Đồng minh. Phát xít Đức đã bị tiêu diệt. Ở phương Đông, quân phiệt Nhật bị dồn vào thế bao vây và bị uy hiếp từ bốn phía, giờ tận số của phát xít Nhật sắp điểm.

Ở trong nước, phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần đang diễn ra rất sôi nổi ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Hội nghị quân sự Bắc Kỳ do Trung ương triệu tập, họp ngày 15 tháng 4 năm 1945 đã quyết định phát triển các lực lượng vũ trang và thống nhất Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân thành Việt Nam giải phóng quân. Cao trào chống Nhật, cứu nước đang dâng lên mạnh mẽ trong toàn quốc. Thời cơ lớn đã xuất hiện, cuối tháng 4 năm 1945, chi bộ và Ban chỉ huy Đội đã nhận định: Từ khi rút vào căn cứ đến nay đã gần 2 tháng, thời gian chưa nhiều, nhưng trải qua rèn luyện, thử thách đã không ngừng tiến bộ cả về chính trị và quân sự. Toàn Đội đã trưởng thành vững chắc. Từng thành viên trong Đội đều vững vàng, đủ sức làm nòng cốt trong việc xây dựng những đơn vị vũ trang mới hoặc làm cán bộ vận động quần chúng xây dựng cơ sở trong một địa bàn nhất định. Mặt khác, qua công tác vận động xây dựng cơ sở của Đội, căn cứ rừng núi đã được mở rộng và tương đối vững chắc. Tuy nhiên, do cơ sở vật chất thiếu thốn, bệnh tật ồm đau đã làm cho quân số của Đội bị thu hẹp; địa bàn rừng núi dân cư thưa thớt nên việc phát triển lực lượng hầu như không thực hiện được. Trong lúc đó phong trào ở các huyện đồng bằng đang phát triển mạnh. Thực lực của ta ở một số vùng đã

ở thế áp đảo địch. Đây là thời cơ thích hợp nhất để chuyển Đội về đồng bằng. Đội du kích về đồng bằng không những sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để nhanh chóng phát triển lực lượng mà còn có tác dụng tích cực trong việc động viên tư tưởng quần chúng, tạo điều kiện cho lực lượng chính trị của tỉnh phát triển nhanh hơn.

Từ nhận định đó, cuộc họp đã nhất trí đề nghị tỉnh ủy lâm thời cho chuyển Đội du kích về đồng bằng và cử đồng chí Nguyễn Chánh về báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy lâm thời.

Về kế hoạch chuyển về đồng bằng, cuộc họp chủ trương chia làm hai bộ phận:

Bộ phận thứ nhất do ba đồng chí Phạm Kiệt, Phan Phong, Nguyễn Khoách chỉ huy chuyển về đứng chân ở ba huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa.

Bộ phận thứ hai do các đồng chí Nguyễn Đôn, Lê Văn Đức chỉ huy chuyển về đứng chân ở ba huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành.

Trong lúc toàn Đội đang khẩn trương chuẩn bị cho việc di chuyển thì ngày 27 tháng 4 quân Nhật mở cuộc càn lớn vào căn cứ¹.

Tin cơ sở từ Trường An báo: Lực lượng địch có 30 lính Nhật, 100 lính bảo an và 200 thân binh của tổng Ngủi - một tên tay sai đắc lực của địch. Sau khi rải quân kiểm soát khu vực Trường An - Bến Buông, địch

1. Theo đồng chí Nguyễn Đôn thì ngày quân Nhật đánh vào căn cứ là ngày 14 tháng 3 (Ấm lịch).

đang tiến vào căn cứ. Tiếp đến tù trưởng Run cũng cho người đến báo với trạm liên lạc của Đội: Quân Nhật đang kéo vào.

Toàn Đội báo động, Ban chỉ huy Đội họp. Có ý kiến đề nghị không đánh mà rút lui để bảo toàn lực lượng. Sau khi hội ý, nếu ta rút lui vào ban ngày qua đồi trống sẽ bị lộ; hơn nữa lúc này ta có điều kiện tiêu diệt, tiêu hao một phần lực lượng địch, nên Ban chỉ huy quyết định:

- Triển khai lực lượng chiến đấu. Trong chiến đấu phải kiên quyết không để xảy ra trường hợp có người của Đội bị địch bắt và cũng không tạo ra cơ để địch đàn áp nhân dân.

- Nếu trong ngày địch không vào thì đêm ta sẽ chuyển chỗ ở và chuyển dân về đồng bằng theo kế hoạch.

Liên sau đó, trinh sát được tung bám địch.

Toàn Đội dựa vào công sự đã chuẩn bị và chia làm ba bộ phận. Lực lượng ở chính diện do đồng chí Phạm Kiệt và đồng chí Nguyễn Đôn chỉ huy. Bộ phận bên trái do các đồng chí Phan Diệt và đồng chí Nguyễn Trinh Anh chỉ huy. Bộ phận bên phải do các đồng chí Phan Phong và Lê Văn Đức chỉ huy. Tất cả các đường đi vào căn cứ đều được rập kín. Từng người tranh thủ thời gian củng cố thêm công sự. Từ đài quan sát cán bộ và chiến sĩ ta dùng ống nhòm nhìn xuống thấy lính địch đi lại trước nhà chánh Run. Khoảng chín giờ, ông Run cho người lên báo cáo: Nhật chưa dám lên.

Để tìm tung tích Đội du kích, địch bắt dân tra khảo, nhưng tất cả đều trả lời: Không thấy, không biết. Chúng bắt người con trai 10 tuổi của ông Run tra hỏi. Thường ngày em vẫn ra vào chơi với Đội, nhưng lúc này em chỉ lắc đầu trả lời không biết. Lính Nhật cho ngựa cắn trầy da đầu của em và bảo: Chỉ chỗ cộng sản quan lớn sẽ tha cho. Em vẫn một mực lắc đầu.

Gần trưa quân Nhật vẫn loanh quanh dưới chân núi. Khoảng 12 giờ, cơ sở lại lên báo tin: Quân Nhật bắt đầu tra hỏi ông Run, nhưng ông đã nói: Từ ngày an trí về đây, dân không ai dám lên núi Cao Muôn. Nay họ ở chỗ này mai ở chỗ khác, đi về như con ma. Họ đông hơn quân các ông, lại có thứ súng to bằng đầu gối. Bây giờ họ ở đâu khó biết lắm.

Tra hỏi không được, lính Nhật không dám đi đầu mà thúc quân của tổng Ngủ đi trước dò đường. Bọn này cũng sợ nên đòi lính Nhật đi trước. Lính Nhật lại đùn cho lính bảo an. Đùn đẩy mãi, rút cuộc chẳng bọn nào dám đi. Tên sĩ quan Nhật tức quá rút kiếm kề vào cổ ông Run thét lớn: *"Tao cắt cổ mày. Du kích cộng sản đâu nói mau"*. Nói xong nó khía một nhát vào gáy. Máu chảy ròng ròng, nhưng người tù trưởng nổi tiếng gan góc chống Tây này vẫn điềm tĩnh đáp: *"Tao già rồi, có chết cũng được. Nhưng tao chết, con cháu tao nổi lên làm loạn thì bọn mày chịu đấy. Ở đây không có du kích, không có cộng sản"*.

Không tìm được du kích, không khuất phục được nhân dân, nên sáng hôm sau quân Nhật phải rút quân.

Toàn Đội du kích Ba Tơ bắt đầu chuyển quân theo kế hoạch. Lúc này trong đội có hai đồng chí ốm, đơn vị định kiêng theo. Nhưng một trong hai đồng chí bị ốm nói: "Việc chủ yếu là bảo tồn lực lượng, Đội để chúng tôi ở lại đây vì kiêng theo sẽ trở ngại cho việc chung". Rồi cả hai, mỗi người xin một thanh kiếm để nếu quân Nhật có đến sẽ đâm chết một vài tên trước lúc hy sinh. Đội đã gửi hai người lại cho tù trưởng chánh Run nuôi, bảo vệ và tìm cách đưa về đồng bằng. Ngoài ra, Đội còn để lại hai trinh sát nắm tình hình địch, liên lạc với cơ sở quần chúng và phụ trách trông nom săn sóc hai đồng chí ốm.

Sau đó, Đội rời Nước Lá, nghi binh đi về phía bắc rồi tiến về hướng đồng bằng.

Bài học sâu sắc nhất đối với cán bộ, chiến sĩ của Đội du kích Ba Tơ trong những ngày ở căn cứ là sức mạnh của lòng dân. Sự chăm sóc, nuôi nấng, giúp đỡ, bảo vệ của nhân dân mãi mãi in sâu trong tâm trí của từng người. Mỗi chiến sĩ trong đội nguyện sẽ chiến đấu quên mình để đền đáp xứng đáng với nghĩa tình sâu nặng đó.

Câu hỏi 8: Từ căn cứ ở rừng núi, Đội du kích Ba Tơ đã trở về đồng bằng hoạt động như thế nào? Việc thành lập hai đại đội du kích tập trung: Đại đội Phan Đình Phùng ở phía bắc tỉnh và Đại đội Hoàng Hoa Thám ở phía nam được tiến hành ra sao?

Trả lời:

Theo kế hoạch, từ Nước Lá, cán bộ và chiến sĩ của Đội du kích Ba Tơ xuyên rừng đi về hướng Minh Long.

Do quân Nhật càn quét và kiểm soát gắt gao đường tiếp tế từ Trường An - Bến Buông vào căn cứ, nên khi chuyển quân, mỗi chiến sĩ du kích chỉ còn khoảng 2 lon gạo (hơn nửa ki-lô-gam). Trên đường hành quân, Đội phải vượt dãy núi Tai Mèo dốc đứng với năm eo núi nối tiếp nhau. Từng người vừa đi vừa dùng báng súng gạt lau lách, cành lá nhích dần từng bước. Đi liên năm giờ, toàn Đội mới vượt qua được eo núi thứ nhất. Núi cao, dốc đứng. Đói khát mệt nhọc, càng về khuya càng thấm mệt nhưng phía trước mặt người chiến sĩ vẫn là đỉnh núi này chổng lên đỉnh núi khác. Sau một đêm xuyên rừng, vượt núi, toàn Đội mới vượt qua được eo núi thứ năm. Từ trên đỉnh núi nhìn ra phía trước, không phải là đất rừng Minh Long mà là một dòng sông uốn khúc. Trong lúc xuyên rừng, Đội đã đi chệch về phía đông. Từ trên núi cao nhìn xuống, dòng sông Vệt từ Ba Tư chảy về đang lượn ven theo các làng Phú Khương, Phú Thọ thuộc đất Nghĩa Hành. Phía hữu ngạn là những bãi soi xanh mướt của đất Suối Bùn, chệch về phía nam là dãy Núi Lớn thuộc huyện Mộ Đức.

Nếu leo ngược núi về hướng Minh Long theo kế hoạch cũ đơn vị khó đi nổi, hơn nữa trong kế hoạch dự kiến khu vực Núi Lớn sẽ là một trong những điểm đóng quân của Đội khi về đồng bằng nên Ban chỉ huy Đội quyết định tạm dừng ở núi Tai Mèo (giáp giới giữa Nghĩa Hành và Minh Long). Hai đồng chí Nguyễn Đôn và Phan Phong tìm đường xuống núi bắt liên lạc với cơ sở Việt Minh ở Suối Bùn (Nghĩa Hành). Lương thực phải để dự trữ. Toàn Đội hái rau rừng ăn trừ bữa,

nhưng hai que diêm cuối cùng khi dùng lại không phát lửa, nên mọi người phải ăn rau sống.

Sau khi hai đồng chí Nguyễn Đôn và Phan Phong vào bắt liên lạc, cơ sở Việt Minh ở Suối Bùn tổ chức cho phụ nữ cứu quốc chuẩn bị ngay khoai lang, cơm vắt đồng thời cho hai đội viên cứu quốc là Hiến và Tư cấp tốc dẫn đường lên Suối Chí tiếp tế. Từ Suối Chí, Đội tiếp tục hành quân về tạm trú ở Núi Lớn, chờ đồng chí Nguyễn Chánh về cơ quan Tỉnh ủy. Hai ngày sau, liên lạc đã đón và đưa được đồng chí Nguyễn Chánh về đến nơi, mang theo mấy vò mạch nha của đồng bào Mộ Đức úy lạo. Sau khi quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, Ban chỉ huy Đội quyết định chia lực lượng thành hai bộ phận.

Đi về phía bắc tỉnh gồm các đồng chí Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt, Nguyễn Khoách (Thạnh), Võ Nhiếp, Phan Diệt, Phan Phong, Võ Thứ, Lê Đồng, Lê Cần, Phạm Bá Mộc, Bùi Cả, Đinh Nép, Võ Tuôi, già Hương, theo đường Eo Gió, Truong Ổi vượt sông Trà Khúc về Sơn Tịnh.

Đi về phía nam có các đồng chí Nguyễn Đôn, Nguyễn Tấn Phước, Phạm Hương (Xuân), Nguyễn Trinh Anh, Nguyễn Hoa (Hường), Lê Văn Lạc (Đức), Nguyễn Cừ (Nhạn), Huỳnh Họa, Huỳnh Quang Lâu, Võ Trung Thành (Hy). Bộ phận này lại chia làm hai nhóm nhỏ; một men theo sông Vệ về phía bắc Mộ Đức, một vượt đèo Đồng Ngõ về đông Mộ Đức.

Số vũ khí của hai bộ phận: súng cứ bốn khẩu trong một bó mía, dạn xếp vào thúng rồi đổ lúa lên trên đũa

xuống hai chiếc thuyền nhỏ xuôi theo dòng sông Vẹ; do các đồng chí Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn chịu trách nhiệm đưa về nơi quy định. Theo kế hoạch đã bố trí trước, số vũ khí của bộ phận phía nam khi xuống đến đập Bến Thóc sẽ có các đồng chí Trần Lương và Hồ Thiết đón nhận. Thuyền vũ khí của bộ phận phía bắc tiếp tục xuôi luôn xuống cửa Cỏ Lũy, sau đó ngược sông Trà Khúc, khi đến Phước Lộc sẽ có đồng chí Nguyễn Chót đón nhận¹.

Bộ phận phía Bắc, sau khi vượt sông Trà Khúc lại chia thành ba nhóm nhỏ về đứng chân ở khu vực Khánh Mỹ, Phương Đình, Châu Nhai, Vĩnh Lộc... Đây là vùng bán sơn địa, xóm làng, ruộng lúa xen kẽ với đồi cây. Lúc này cơ sở Việt Minh ở Tây Sơn Tĩnh đã phát triển khá rộng. Dựa vào bản đồ này, từng nhóm 2, 3 người đi vào các thôn xóm liên hệ với cơ sở Việt Minh tiếp tục làm công tác vận động quần chúng qua đó tuyển lựa những hội viên cứu quốc tích cực nhất, có sức khỏe để huấn luyện quân sự.

Đánh đuổi ngoại xâm, giành và bảo vệ độc lập dân tộc là truyền thống của dân tộc ta, là nguyện vọng thiết tha của nhân dân ta từ khi đất nước bị thực dân Pháp thống trị, nguyện vọng đó càng cháy bỏng thêm khi nhân dân ta bị sa vào cảnh "một cổ hai tròng". Các tổ công tác đi đến địa phương nào cũng được nhân dân nô

1. Đồng chí Nguyễn Chót là anh đồng chí Nguyễn Đôn, cán bộ 1930-1931 tham gia Tỉnh ủy sau khởi nghĩa Ba Tơ.

nức đón mừng. Ở đâu, nhân dân, nhất là các tầng lớp thanh niên đều háng hái tham gia tập luyện quân sự, thiết tha xin gia nhập Đội du kích. Chỉ sau nửa tháng huấn luyện, tổ du kích về công tác ở Vĩnh Lộc - Châu Nhai đã tuyển được gần 20 hội viên cứu quốc và thành lập ngay một đội du kích tập trung.

Sau một thời gian tổ chức huấn luyện, phát triển lực lượng ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, bộ phận đi về phía bắc lại chuyển sang Tư Nghĩa ở phía nam sông Trà Khúc. Ở đây Đội đã huấn luyện, tuyển thêm một số hội viên cứu quốc ở An Hội, Xuân Phổ, Phước Lâm, rồi kéo lên lập căn cứ Đá Sơn ở chân núi Thạch Bích.

Thạch Bích là một dãy núi cao tương đương với núi Cao Muôn ở Ba Tơ, hai núi này cũng nối liền một mạch với nhau. Ở được một tuần, vào một đêm đồng chí gác thấy cộp liên nổ súng. Đề phòng địa điểm có thể bị lộ, Đội phải chuyển lên vùng Tà Ót. Ở đây khí hậu quá khắc nghiệt, nhiều người bị sốt rét. Sau khi nghiên cứu kỹ địa thế và phong trào chung ba huyện phía bắc, bộ phận chỉ huy hướng này quyết định chuyển toàn bộ lực lượng về Sơn Tịnh và chọn vùng Vĩnh Tuy - một nơi có phong trào Việt Minh mạnh, vừa là một địa bàn cơ động: phía sau dựa lưng vào vùng rừng núi Trà Bồng, Sơn Hà; phía trước dễ dàng liên lạc với cơ sở cách mạng ba huyện phía bắc tỉnh, đồng thời có điều kiện liên lạc với huyện Tam Kỳ và vùng rừng núi tây nam tỉnh Quảng Nam. Từ đó Vĩnh Tuy mang mật danh là Chiến khu Vĩnh Sơn.

Trong lúc đó, bộ phận đi về phía nam, lúc đầu lấy vùng bán sơn địa Gò Huyện - Thiết Trường (nay là vùng giáp ranh giữa xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức) dọc ven sườn đông bắc Núi Lớn, làm nơi đứng chân. Từ bàn đạp này một bộ phận phát triển xuống liên lạc với các tổ chức cứu quốc các xã Thi Phổ Nhất, Thi Phổ Nhì, Minh Tân, Lương Nông, Văn Bán... ở phía đông đường số 1. Một bộ phận đi vào vùng Tân Phong, An Tây, Văn Trường... rồi vượt sang phía nam đèo Mỹ Trang vào đến vùng biển Sa Huỳnh, huyện Đức Phổ. Đến đây, các tổ chức của Đội du kích Ba Tơ cũng nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự cho một số hội viên cứu quốc tích cực, qua đó chọn những người ưu tú nhất để xây dựng đội du kích tập trung. Được sự cổ vũ của phong trào chung và tác động trực tiếp của Đội du kích Ba Tơ, phong trào cứu quốc ở các huyện phía nam ngày càng mạnh mẽ, sôi nổi. Bộ máy tay sai vừa mới lập của Nhật ở một số thôn, xóm đã bị vô hiệu hóa. Hoạt động huấn luyện quân sự gần như được tiến hành công khai trong những đêm trăng sáng. Núi Lớn - một dãy núi đứng như tên gọi, ở phía tây nam Mộ Đức, phía tây nối liền với vùng rừng núi Ba Tơ, Minh Long liên kết với huyện Nghĩa Hành ở phía bắc, huyện Đức Phổ ở phía nam, có đường liên lạc thuận lợi với các huyện Hoài Nhơn, An Lão của tỉnh Bình Định. Đây cũng là một trong những căn cứ của nghĩa quân do Nguyễn Bá Loan lãnh đạo trong phong trào Cần Vương vào những năm 1885-1888, được chọn để xây dựng thành căn cứ phía nam của Đội du kích Ba Tơ.

Giữa tháng 6 năm 1945, Tỉnh ủy lâm thời quyết định thành lập Ban Quân sự. Đồng chí Nguyễn Chánh được chỉ định làm Trưởng ban, hai đồng chí Phạm Kiệt và Nguyễn Đôn làm Phó ban. Ban Quân sự Tỉnh ủy đồng thời là Ban Chỉ huy chung Đội du kích Ba Tơ.

Đến lúc này phong trào học tập quân sự đã diễn ra sôi nổi trong toàn tỉnh. Số hội viên cứu quốc được chọn bổ sung cho Đội du kích cũng đã lên đến gần vài trăm. Quân số phát triển, nhưng cơ sở vật chất của một đội quân lại chưa được chuẩn bị. Lực lượng tập trung này cứ để phân tán trong dân thì khó có điều kiện rèn luyện nâng cao chất lượng, nhưng nếu tập trung lên căn cứ thì công tác bảo đảm sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Từ tình hình đó, Ban Quân sự chủ trương:

Về biên chế tổ chức:

a) Thành lập hai đại đội du kích tập trung: Đại đội Phan Đình Phùng ở phía bắc tỉnh; căn cứ đứng chân là Chiến khu Vĩnh Sơn. Đại đội Hoàng Hoa Thám ở phía nam, đứng chân ở Chiến khu Núi Lớn.

Đây là lực lượng tập trung cơ động của tỉnh.

b) Tiểu tổ du kích: lực lượng này phần lớn là các đội viên đã được huấn luyện quân sự, nhưng bố trí ở tại địa phương để làm nòng cốt trong việc trấn áp bọn phản cách mạng trong nhiệm vụ bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng. Đây cũng là lực lượng dự bị để bổ sung cho hai đại đội tập trung (do đó có lúc gọi là du kích dự bị).

c) Tự vệ cứu quốc: là những người hăng hái, tích cực trong hàng ngũ các đoàn thể cứu quốc, có nhiệm vụ canh gác bảo vệ an ninh trật tự ở thôn, xóm.

Về huấn luyện quân sự:

Với hai đại đội tập trung, việc huấn luyện được tổ chức luân phiên cho từng trung đội. Mỗi trung đội sau khi tập trung về chiến khu (Vĩnh Sơn hoặc Núi Lớn) học tập một thời gian sẽ trở về tiếp tục bám dân, làm công tác xây dựng cơ sở, huấn luyện quân sự, tuyển chọn thêm lực lượng để cho trung đội khác rút về chiến khu học tập. Nội dung học tập là động tác cá nhân chiến đấu, tổ chức chiến đấu, cách đánh du kích. Tỉnh ủy Quảng Trị đã giới thiệu đồng chí Trần Công Khanh¹ vào để tăng cường cho đội ngũ cán bộ huấn luyện quân sự.

Công tác chính trị của Đội được hết sức coi trọng. Từ trung đội trở lên đều có chính trị viên. Lời thề: "*Hy sinh vì Tổ quốc*" luôn luôn là điều tâm niệm hàng ngày của từng đội viên du kích. Sau mỗi đợt công tác mỗi đợt huấn luyện đều có kiểm điểm và thưởng phạt nghiêm minh. Các đội viên du kích mới được kết nạp từ khi Đội xuống đồng bằng đều được học tập theo một chương trình thống nhất gồm năm nội dung:

- Vì sao ta bị mất nước?
- Mất nước thì dân tộc ta, gia đình ta bị khốn khổ như thế nào?
- Việt Minh là ai? Để cứu nước, Việt Minh phải làm gì?

1. Đồng chí Trần Công Khanh nguyên là lính khố xanh của Pháp, nhưng là cơ sở cách mạng, bị Pháp bắt bỏ tù, sau đưa về cãng an trí Trà Khê; sau ngày Nhật đảo chính Pháp, đồng chí trốn khỏi cãng an trí, về tham gia cách mạng ở địa phương.

- Nước nhà được độc lập tự do, thì dân tộc ta, gia đình ta và bản thân ta được lợi gì?

- Vì sao có du kích Ba Tơ, nhiệm vụ du kích Ba Tơ là gì?

Học theo lối hỏi và trả lời, xen giữa buổi học có kể các mẩu chuyện về các cuộc chống ngoại xâm, về gương cứu nước của các bậc anh hùng, hào kiệt.

Một ban công tác chính trị do đồng chí Phan Tâm phụ trách được thành lập để chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho toàn Đội. Đến cuối tháng 6 năm 1945 theo chỉ thị của Tỉnh ủy, Ban Quân sự cho phát hành tờ báo *Xung phong*, số đầu tiên phát hành ngày 1 tháng 7 năm 1945. Trang đầu của tờ báo có ký họa một nhóm du kích đang tập luyện trong một khu rừng thưa và hai câu thơ: "*Còi xung phong mỗi khi thúc giục, dù chông gai bom đạn cũng không sờn lòng*". Bên trong có thư kêu gọi cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; thư kêu gọi cứu nước của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi, xã luận: Phải tranh thủ thời cơ nổi dậy cứu nước của đồng chí Nguyễn Chánh và bài của các đồng chí lãnh đạo khác nói về nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, nhiệm vụ của người du kích. Tờ báo ra đời đã góp phần tích cực vào việc tuyên truyền giáo dục trong nội bộ Đội du kích và đấu tranh phê phán những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động tay sai của Nhật ở địa phương. Tuy hình thức công tác chính trị còn đơn giản, nhưng với nội dung thiết thực, dễ hiểu, giải đáp được những vấn đề bức xúc đang diễn ra nên dễ thấm sâu vào lòng người, do đó đã góp phần vào việc nâng cao nhận thức, bồi dưỡng ý chí

cách mạng, động viên tinh thần hăng say học tập, công tác, đoàn kết nội bộ ngày càng được củng cố. Chiến sĩ cũ dìu dắt chiến sĩ mới, người khá giúp đỡ người kém, nên đã phát huy được bản chất cách mạng và nâng cao tinh thần chiến đấu cho các chiến sĩ du kích.

Công việc nuôi dưỡng và trang bị cho Đội du kích được Tỉnh ủy lâm thời và Ủy ban vận động Cứu quốc tỉnh tích cực giải quyết.

Ngày 2 tháng 6 năm 1945, Ủy ban vận động Cứu quốc tỉnh ra thông báo kêu gọi các hội viên cứu quốc cùng toàn thể nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia vào các việc:

- Thu thập sắt, sắt vụn, sắt khí giới cho tiểu tổ du kích, vận động thợ rèn.

- Quyên góp xe đạp, đồng hồ, tìm mua ống nhôm và kim chỉ nam (la bàn).

- Tổ chức úy lạo Đội du kích.

Ba ngày sau (ngày 5 tháng 6 năm 1945) Ủy ban vận động Cứu quốc tỉnh lại ra thông cáo số 4, nêu rõ: *"Muốn đánh đổ kẻ thù phải có khí giới"*. Đến thời kỳ cách mạng trực tiếp thì việc mua khí giới lại tối cần. Nhưng mua khí giới là một vấn đề quan trọng không thể chạy đầu này vỡ đầu nọ năm hào, mười đồng mà mua được. Vì vậy, toàn thể Hội nghị tỉnh quyết nghị mỗi tháng lấy ngày 27 làm ngày lạc quyên đặc biệt để mua khí giới, gọi là *"Một ngày mua khí giới"*.

Sở dĩ tổ chức ngày 27 làm "Ngày mua khí giới cốt làm cho quảng đại quần chúng hiểu rõ ngày ấy là ngày ở Ba Tư tiếng súng cứu quốc nổ, bóng cờ độc lập bay, đồng thời để ra đội quân du kích cứu quốc ngày nay".

"Mỗi tháng đến ngày 27, huy động toàn thể hội viên ra làm tiền một ngày đặc biệt. Kẻ giàu cho nhiều, người nghèo ít nhiều cũng hy sinh một ngày tiền công hoặc sinh lợi để sung vào quỹ một ngày mua khí giới".

Việc trang bị vũ khí đã khó, việc ăn mặc cho hàng nghìn chiến sĩ du kích lại càng khó hơn. Ủy ban vận động Cứu quốc đã phát động một đợt vận động quyên góp tài chính để nuôi quân, gồm các nội dung:

- Hội phí hàng tháng của hội viên cứu quốc đều phải nộp lên trên 50 phần trăm.

- Thành lập các nhóm ủng hộ quỹ Ba Tư hay cứu quốc ở các địa phương. Mỗi tháng mỗi người góp một số tiền nhất định để nuôi du kích.

- Nhóm những người ủng hộ cách mạng, đóng góp nhiều hay ít tùy theo hảo tâm và không có kỳ hạn nhất định.

Trong một thông báo khác, sau khi giải thích cho nhân dân hiểu rõ những khó khăn về tài chính và sự cần thiết phải giúp đỡ Đội du kích, Ủy ban vận động Cứu quốc đã giao nhiệm vụ cho các chi hội, các ban chấp hành: Nếu người lính du kích ở làng nào mới nhập ngũ mà nghèo quá không đủ mua sắm những đồ dùng cần thiết thì Ban chấp hành ở làng ấy tự xuất của mình ra cho, hoặc xin trong các hội viên để sắm cho họ:

- Một cái ruột ghé.
- Một đoạn dây dừa.
- Một nồi đồng lớn cỡ ba đến năm người ăn.
- Một cái mền.
- Ba lon gạo rang.
- Một thùng diêm.
- Một ca uống nước.
- Một cái dao bảy năm.

Một ban vận động tài chính để chỉ đạo công tác xây dựng Quỹ cứu quốc được thành lập do đồng chí Hồ Thiết - Ủy viên Thường trực Ủy ban vận động Cứu quốc tỉnh làm trưởng ban chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, trong đó có ban chuyên trách chăm lo vấn đề tài chính gồm có các ông Nguyễn Công Phương, Võ Bẩm, Phạm Quang Lược, Huỳnh Đạt..., do ông Nguyễn Duân làm trưởng ban và Ban Quân nhu chăm lo việc tiếp tế cho Đội du kích gồm có ông Trần Hàm - Trưởng ban, Trương Phương và Đào Du - Phó ban, cùng một số ủy viên và người phụ trách tài chính của Ủy ban cứu quốc các huyện. Theo chỉ đạo chung, Ban chỉ huy các đại đội Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám in một số phiếu biên nhận có dấu của đại đội và phát cho các trung đội. Khi đứng chân hoặc cơ động đến địa phương nào sẽ trực tiếp nhận tiếp tế với cán bộ phụ trách quân nhu huyện hoặc xã.

Nhằm đẩy nhanh hơn nữa việc quyên góp cho Quỹ ủng hộ du kích Ba Tơ giữa tháng 7 năm 1945, Ủy ban

lại gửi thư kêu gọi nhân dân toàn tỉnh hết lòng giúp đỡ
Đội du kích. Bức thư có đoạn viết:

*"Hiện nay chúng tôi đang đeo đuổi hai nhiệm vụ cấp
bách:*

1. Ủng hộ Đội du kích cứu quốc Ba Tơ.
2. Đoàn kết đồng bào cho kịp thời cơ sắp đến.

Dù mục đích cứu quốc chính đáng đến đâu, mà tiền
không có thì công việc vận động cứu nước khó thành.

Đội du kích cứu quốc Ba Tơ, dù khí giới đã có, chỉ hy
sinh dũng cảm sẵn sàng mà lương thực bạc tiền thiếu
hụt e cũng khó lòng đeo đuổi chiến đấu (...).

Thư đồng bào, Ủy ban Cứu quốc chúng tôi cũng như
Đội cứu quốc Ba Tơ tuyên thệ trước đồng bào nổi gót
tiền nhân, hy sinh đến giọt máu cuối cùng giành độc lập
cho Tổ quốc, để khỏi phụ lòng của toàn thể đồng bào
Việt Nam".

Hội viên cứu quốc và nhân dân toàn tỉnh nhiệt liệt
góp tiền của, lương thực, sắt thép. Nhiều chủ lò rèn
xung phong đưa đe, búa, lò thổi lên chiến khu để rèn
gươm, mã tấu cho du kích. Người thợ rèn đầu tiên lên
chiến khu Vĩnh Sơn là Từ Nhại, người xã Vĩnh Lộc (nay
là xã Tịnh Bình) huyện Sơn Tịnh. Tuy là thợ rèn nhưng
Từ Nhại là một người giỏi võ nghệ. Nên sau một thời
gian Từ Nhại được chuyển sang chiến đấu và đã hy sinh
khi kiểm tra vũ khí. Để tưởng nhớ người chiến sĩ du
kích đã cống hiến cả tính mạng của mình cho công cuộc
giải phóng quê hương, Ban Quân sự tỉnh đã đặt tên cho

một trung đội của đại đội Phan Đình Phùng là trung đội Từ Nhạ và sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, một xưởng sản xuất vũ khí cũng được đặt tên là xưởng quân giới Từ Nhạ. Có gia đình cả hai anh em như gia đình Huỳnh Thế, Huỳnh Trí đã đưa lò rèn lên chiến khu phục vụ cách mạng. Khi phong trào Việt Minh đã làm chủ phần lớn nông thôn thì các lò rèn ở địa phương đều rèn vũ khí cho du kích. Thôn An Phú (nay là thôn Minh Khánh, xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh) cả thôn đều làm nghề rèn, nhà nào cũng ngày rèn nông cụ cho dân sản xuất, đêm rèn dao kiếm cho tự vệ cứu quốc. Sắt thép nhân dân quyên góp không đủ, tự vệ cứu quốc một số địa phương đã bóc đường ray xe lửa chuyển lên chiến khu. Sắt đường ray rất cứng, mọi người phải lao động miệt mài suốt ngày đêm để đủ gươm, dao bẫy cho du kích tập luyện. Mỗi chiến khu còn tổ chức một bộ phận chữa súng vì phần lớn số súng do nhân dân và cơ sở thu lượm ở những nơi lính Pháp cất giấu khi chạy trốn, hoặc trong các kho cũ của Pháp đều bị sét gỉ, hư hỏng hoặc thiếu phụ tùng.

Việc ăn ở của các đơn vị du kích tập trung ở các chiến khu trong thời kỳ đầu còn nhiều thiếu thốn, có lúc phải ăn khoai lang trừ bữa, chiếu không đủ nên phải lót lá rừng làm chỗ ngủ. Về sau việc quyên góp của nhân dân ngày càng tốt hơn nên đời sống cũng khá dần lên. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng các chiến sĩ du kích đã sống hòa mình trong nhân dân, được sự đùm bọc của nhân dân, vừa rèn luyện học tập vừa luân phiên cùng với các

hội cứu quốc vận động quần chúng, phát triển lực lượng, sẵn sàng chờ thời cơ lớn.

Sau khởi nghĩa Ba Tơ, phong trào các huyện đồng bằng ngày càng phát triển. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận lần lượt được thành lập ở hầu hết các thôn xã. Trong lúc đó phong trào cách mạng ở các tỉnh ven biển miền Trung cũng phát triển khá mạnh. Nhân dân Quảng Nam đấu tranh chống nộp thuế, chống bắt phu đi làm đường, làm sân bay cho Nhật. Nhân dân Phú Yên, Khánh Hòa kiên quyết chống lại lệnh thu vét bông vải. Ở Tây Nguyên, tổ chức Việt Minh lần lượt được bí mật thành lập ở một số đồn điền ở Đắc Lắc, Lâm Viên.

Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi đã bắt liên lạc được với các đồng chí ở Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Bình Định... Một số đảng viên vừa thoát khỏi nhà tù đế quốc và một số đồng chí ở các tỉnh lân cận như Trần Tống, Ngô Đức Dệ, Trần Lê... cũng tìm đến liên hệ với Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Đội du kích Ba Tơ.

Trước phong trào cách mạng đang sôi sục và ngày càng mạnh, bọn cầm đầu phản động thân Nhật trong giáo phái Cao Đài cùng với các tổ chức phản động Tân Việt Nam, Quốc dân đảng, một số phần tử trong AB đoàn¹ cũng ra sức hoạt động nhằm giành quần chúng với cách mạng, mua chuộc các phần tử biến chất ngả nghiêng, nói xấu, phản đối cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội

1. Viết tắt hai chữ An-ti Bôn-sê-vích (chống Cộng).

du kích Ba Tơ; xuyên tạc, phá phong trào ủng hộ Đội du kích Ba Tơ.

Bọn cầm đầu phản động một số nơi ở Bình Sơn, Mộ Đức đã chuẩn bị sẵn: bao bố, lạt tre, vôi bột và mù xương rồng để khi chúng khởi sự sẽ bắt, giết những đảng viên, cán bộ cốt cán của Việt Minh rồi bỏ vào bao bố thả trôi sông.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy lâm thời đã chủ trương:

- Đối với Cao Đài: bắt bọn phản động đầu sỏ, ngoan cố chống lại cách mạng, tìm cách thuyết phục, giáo dục, giác ngộ quần chúng.

- Đối với bọn thân Nhật: chỉ bắt bọn ngoan cố chống lại cách mạng, chờ sau khi giành chính quyền sẽ đưa ra xét xử. Với tổ chức thân Nhật (Tân Việt Nam) thì phá tan ban lãnh đạo, thuyết phục giáo dục quần chúng, đập tan ảnh hưởng của chúng trong quần chúng.

Đối với quan lại bù nhìn: trừng trị những tên phản động ngoan cố chống lại cách mạng, hết sức thuyết phục những kẻ lầm đường, làm cho bộ máy chính quyền của địch ở nông thôn tan rã.

Thông qua hai tờ báo "*Chơn độc lập*"¹ của Tỉnh ủy và tờ "*Xung phong*" của Đội du kích Ba Tơ, Ủy ban vận động Cứu quốc tỉnh đã vạch trần những luận điệu tuyên truyền lừa bịp của các tổ chức phản động, hô hào và vận động quần chúng phá tan nhiều cuộc mít tinh ủng hộ

1. "*Chơn độc lập*" (Chân độc lập - độc lập thật sự) là để đối nghịch với độc lập giả hiệu của Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim.

"độc lập" giả hiệu của bọn thân Nhật. Một số tên phản động cầm đầu ngoan cố vũ trang trắng trợn làm tay sai chống lại và dẫn bọn hiến binh Nhật đi lùng bắt cán bộ, khủng bố nhân dân khiến cho bọn chúng càng trở nên cô lập trong quảng đại quần chúng.

Uy tín của Việt Minh và Đội du kích Ba Tơ ngày càng lan rộng và ăn sâu trong quần chúng, những người trong các tầng lớp trung gian cũng bắt đầu ngả theo cách mạng.

Ở các xóm làng nhân dân bí mật tổ chức "*Hũ gạo Ba Tơ*". Hàng ngày từng nhà quyên góp gạo, khoai, sắn ủng hộ cách mạng, có gia đình một lần ủng hộ 50 ang lúa, có gia đình ủng hộ 100 ang lúa (1 ang lúa là 5 ki-lô-gam). Một gia đình ở Văn Trường (Đức Phổ) ủng hộ 1 cây vải (20 mét) để may quần áo cho du kích.

Hàng tuần hay nửa tháng các huyện lại tổ chức một chuyến tiếp tế lên cho hai chiến khu Núi Lớn và Vinh Sơn. Việc vận chuyển do các đội tự vệ và thanh niên cứu quốc đảm nhiệm. Phương tiện vận chuyển thường bằng gồng gánh hoặc dùng xe đẩy. Có chuyến vận chuyển gặp bọn hương lý, chúng đòi khám xét, tự vệ chiến đấu đi bảo vệ đã cảnh cáo và đuổi chúng đi rồi tiếp tục lên đường. Những lần gặp lính Nhật hoặc hiến binh tuần tra có khó khăn nguy hiểm hơn, nhưng với tinh thần hăng hái, không quản hy sinh, các đoàn vận chuyển vẫn hoàn thành nhiệm vụ.

Thời gian này, quân Nhật ở Quảng Ngãi thường trưng dụng ghe bầu có trọng tải từ 10 đến 20 tấn của

nhân dân vào Sài Gòn chở gạo ra cho chúng. Tổ chức Việt Minh ở Sơn Tịnh đã vận động giáo dục một số chủ thuyền trong đoàn vận tải khi chở gạo về đến nơi lợi dụng sơ hở của địch tìm cách cập bến ở những bãi ngang, giao gạo cho các đội tự vệ và đoàn thể cứu quốc chuyển lên chiến khu. Bị mất một số thuyền gạo, bọn Nhật lỏng lộn truy tìm, nhưng bộ máy tay sai ở nông thôn lúc này đã suy sụp nên chúng đành bó tay.

Cao trào cách mạng của quần chúng đã làm tê liệt bộ máy chính quyền của địch ở nhiều thôn xã. Ở những xã có phong trào mạnh của các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ... quần chúng vượt qua bọn tay sai, tìm đến với cán bộ Việt Minh nhờ giải quyết những vấn đề về đời sống. Nhiều tên hương lý cũng tìm gặp cán bộ ta để thanh minh việc làm của mình rồi nằm im không chống phá cách mạng. Một số tên tri huyện, tri phủ và cả tỉnh trưởng Quảng Ngãi trong nhiều trường hợp cũng nhắm mắt làm ngơ trước những hoạt động cách mạng sôi nổi và những hoạt động gần như công khai của cán bộ Việt Minh, của Đội du kích.

Một lần đồng chí Trần Ruộng - Tỉnh ủy viên mang 2.500 đồng tiền quỹ nuôi quân từ Đức Phổ lên tỉnh, khi đi ngang qua chợ Đồng Cát bị một toán lính Nhật chặn lại. Thấy trong người đồng chí Ruộng có một số tiền to và nhiều tài liệu có dấu của Việt Minh, vừa dẫn đồng chí đi chúng vừa tra hỏi "*Bọn Ba Tư ở đâu?*". Quần chúng cách mạng liền nổi trống mõ để uy hiếp. Cả bọn hoảng sợ vội đẩy đồng chí Trần Ruộng lên xe chạy về thị xã. Tra tấn mãi không có kết quả, hiến binh Nhật giao

người, tài liệu và tiền cho tỉnh trưởng bù nhìn xét xử. Khi giáp mặt tỉnh trưởng Lương Trọng Hối, đồng chí Trần Ruộng đã nói thẳng: "*Tôi là người của Việt Minh, tiền này, giấy này là của Việt Minh, ông xử sự thế nào thì ông chịu trách nhiệm với Việt Minh*". Trước khí thế cách mạng sôi sục trong toàn tỉnh, tỉnh trưởng bù nhìn phải thả đồng chí Trần Ruộng, đồng thời trả đủ số tiền và tài liệu.

Câu hỏi 9: Từ thắng lợi của Đội du kích Ba Tơ khi tiến về đồng bằng, phong trào cách mạng ở tỉnh Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Mặt trận Việt Minh, Quảng Ngãi đã phát triển như thế nào? Quá trình chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở đây?

Trả lời:

Từ sau khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ thành lập, Quảng Ngãi đã trở thành trung tâm của phong trào cách mạng ở các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ. Đội du kích Ba Tơ là đội du kích đầu tiên được thành lập ở khu vực này. Nó không chỉ là niềm tin, niềm hy vọng của nhân dân Quảng Ngãi mà còn là niềm tin, niềm hy vọng, là một động lực thúc đẩy phong trào cách mạng của nhiều tỉnh ven biển miền Trung. Ủy ban vận động cứu quốc Khánh Hòa đã vận động nhân dân quyên góp ủng hộ du kích Ba Tơ 30 đồng, một ống nhòm và một số dép cao su, đồng thời gửi thư cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi hứa: *Đem hết năng lực kêu gọi, vận động du kích tổ chức tại Khánh Hòa để làm cho lực lượng du kích ngày*

càng phát triển. Việt Minh tỉnh Bình Định cũng gửi cho Đội du kích Ba Tư một số thuốc ký ninh và một số vật phẩm khác.

Đến cuối tháng 6 năm 1945, Mặt trận Việt Minh Quảng Ngãi đã tập hợp dưới cờ trên 70 nghìn hội viên cứu quốc. Riêng phụ nữ cứu quốc đã có gần 47.600 hội viên. Tự vệ cứu quốc và tiểu tổ du kích đã được xây dựng ở hầu khắp nông thôn và nhiều khu phố trong thị xã Quảng Ngãi với số lượng hơn 2 nghìn người. Cơ sở cách mạng bắt đầu được xây dựng trong một số đơn vị lính bảo an. Hội Binh nhân cứu quốc đã được tổ chức trong đơn vị lính bảo an đóng ở thị xã Quảng Ngãi. Trong số này có một số là hạ sĩ quan (cai đội). Một cơ sở cách mạng được tổ chức Việt Minh ở Việt Bắc bố trí vào quân đội Pháp, bị địch điều vào Quảng Ngãi là Trương Cao Dững cũng tìm bắt liên lạc cơ sở của ta ở thị xã. Trên thực tế đã hình thành trạng thái hai chính quyền song song tồn tại. Chính quyền của bọn phản động tay sai thân Nhật và chính quyền của nhân dân. Nhưng ở nhiều nơi chính quyền tay sai của Nhật chỉ là hình thức, nhiều vấn đề trong đời sống ở nông thôn đều do cán bộ Việt Minh giải quyết.

Cũng trong thời điểm này phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Trung cũng phát triển mạnh. Tháng 6 năm 1945, tỉnh Quảng Nam thành lập đội du kích Vũ Hùng gồm 180 cán bộ, chiến sĩ. Vùng rừng núi tây nam huyện Tam Kỳ tiếp giáp với Quảng Ngãi là trung tâm căn cứ của Đội. Đầu tháng 7 năm 1945, Tỉnh ủy Bình Định xây dựng khu căn cứ An Đổ - An Sơn là vùng rừng

núi nối liền với phía nam của căn cứ du kích Ba Tơ Quảng Ngãi và bắt đầu xây dựng đội tự vệ "Sắt" ở các huyện phía bắc tỉnh. Cuối tháng 7 năm 1945, đội tự vệ cứu quốc của công nhân nhà máy dệt Đơ-li-nhông (ở Phú Phong) ra đời. Tiếp đến các đội du kích Dư Khánh, đội tự vệ chiến đấu Vĩnh Hy, đội danh dự Tháp Chàm ở Ninh Thuận lần lượt được thành lập. Trên Tây Nguyên, lực lượng nòng cốt trong công nhân đồn điền Ca Đa ở Đắc Lắc đã tổ chức thành hai trung đội tự vệ chiến đấu. Mỗi tiểu đội bảo an người Ê Đê được cơ sở cách mạng giáo dục đã trao toàn bộ vũ khí cho đội tự vệ cứu quốc trước khi bỏ về nhà làm ăn. Các đội tự vệ cứu quốc và đội du kích kế tiếp nhau ra đời ở các địa phương thể hiện sự quán triệt sâu sắc quan điểm cách mạng bạo lực, ý thức kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang của lãnh đạo ở các địa phương, đặc biệt nó báo hiệu thời cơ trực tiếp cách mạng đã đến gần.

Trong lúc đó, ở địa bàn núi rừng Việt Bắc, kết hợp với các cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang giải phóng là các cuộc khởi nghĩa từng phần liên tục nổ ra ở các địa phương. Hàng loạt chiến khu mới được thành lập ở Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. Ngoài khu giải phóng Việt Bắc và các chiến khu lớn, mỗi địa phương cũng xây dựng những khu căn cứ của mình.

Phong trào ở các đô thị cũng diễn ra hết sức sôi nổi, rầm rộ trong công nhân, thanh niên, học sinh, sinh viên. Các đội tuyên truyền xung phong của Việt Minh Hà Nội liên tiếp tổ chức những cuộc diễn thuyết vạch mặt bọn tay sai thân Nhật, kêu gọi nhân dân đoàn kết

dấu tranh. Đội danh dự Hoàng Diệu (Hà Nội) đã trừng trị những tên tay sai gian ác, làm cho nhiều tên mật thám của Nhật khiếp sợ. Tại Sài Gòn, ta đã tổ chức Đại hội thành lập Công đoàn Nam Bộ. Đảng bộ Sài Gòn dựa vào tổ chức Công đoàn làm hạt nhân để lãnh đạo "*Thanh niên tiên phong*". Những người hăng hái nhất trong Công đoàn và Thanh niên xung phong được lựa chọn tổ chức thành đội "*Xung phong công đoàn*" hoặc "*Tự vệ xung phong*" để chuẩn bị khởi nghĩa.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sục sôi từ Bắc vào Nam.

Ở Quảng Ngãi, vấn đề bức xúc nhất lúc này là chưa bắt được liên lạc với Trung ương nên không nhận được những chủ trương chỉ đạo mới. Tuy vậy, căn cứ vào tinh thần Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 8, nhất là chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", ngày 29 tháng 6 năm 1945, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi đã quyết định sẽ phát động nhân dân trong tỉnh khởi nghĩa giành chính quyền khi có một trong 4 điều kiện sau:

1. Được lệnh khởi nghĩa của Trung ương.
2. Quân đồng minh đổ bộ đánh Nhật ở miền Trung.
3. Quân Nhật đầu hàng đồng minh.
4. Cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở một số tỉnh lân cận.

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị lực lượng, kịp thời hành động khi thời cơ đến, Tỉnh ủy lâm thời đã gửi thư kêu gọi các đoàn thể cứu quốc và nhân dân trong tỉnh. Bức thư có đoạn viết:

"Nước ta mất về tay giặc Pháp đã lâu, thù ấy chưa trả được xong, nay lại sa vào tay Nhật.

Đời nô lệ kéo dài, nhục vong quốc thêm nặng, chúng ta đang tâm ngời nhìn quân giặc thay nhau xâu xé đồng bào hay sao?

Không, quyết không! Chúng ta là con cháu của những vị Anh hùng cứu quốc bất hủ: Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, chúng ta quyết không chịu làm tôi cho giặc mãi được.

Từ khi mất nước đến nay, đồng bào tỉnh ta luôn góp sức vào công việc giết giặc cứu nòi. Sự nghiệp của các chiến sĩ văn thân, kháng sĩu 1930-1931 vẫn còn vang, gương sáng của các lãnh tụ: Cử Đình, Tú Tân, Trần Cao Vân, Nguyễn Nghiêm đương treo cao...

Hiện nay cơ hội đã đến; bên châu Âu, Liên Xô toàn thắng, đánh tan giặc Đức, ở Á châu, Nhật Bản đại bại, bị đánh ba mặt bốn bề, khắp nước ta phong trào cứu quốc bùng bột, Cứu quốc quân của Việt Minh chiến đấu với phát xít Nhật ở Bắc Kỳ. Ngay trong tỉnh ta Đội du kích cứu quốc Ba Tư đang phát triển lực lượng nhanh chóng, giặc Nhật chết đến nơi; cơ hội đến rồi; chúng ta không nỗ lực chiến đấu còn chờ đợi lúc nào?"

Bức thư đã cổ vũ mạnh mẽ ý chí chiến đấu của các tầng lớp nhân dân. Cả rừng núi và đồng bằng, cả nông thôn và đô thị bừng bừng khí thế một phen sống mái với quân thù.

Thời cơ khởi nghĩa đang đến gần, nhưng Xứ ủy Trung Kỳ vẫn chưa được khôi phục. Trước tình hình đó

Tỉnh ủy các tỉnh ven biển từ Quảng Trị trở vào đã tìm cách bắt liên lạc với nhau. Với tinh thần chủ động phối hợp, đầu tháng 7 năm 1945 phần lớn đại biểu các tỉnh ở Trung Kỳ, trong đó có các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Lê Tự Nhiên, Hồng Xích Tâm, Trần Quế... đã tập trung về Quảng Ngãi để tổ chức một hội nghị liên tịch nhằm thống nhất chủ trương và hành động để phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau đẩy mạnh phong trào toàn Xứ, đồng thời hình thành trung tâm liên lạc tiến lên khôi phục Xứ ủy Trung Kỳ.

Sau khi thảo luận và thống nhất những chủ trương, kế hoạch phối hợp chung, Hội nghị đã thông qua bốn điều kiện khởi nghĩa của Quảng Ngãi và bầu Ban liên lạc chung.

Khi hội nghị sắp sửa bế mạc thì đồng chí Tố Hữu - một trong ba đồng chí được Trung ương giao nhiệm vụ vận động khôi phục lại Xứ ủy Trung Kỳ, đã kịp có mặt và phổ biến cho các đại biểu dự hội nghị những chủ trương mới và chỉ thị về chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Sau đó Hội nghị bầu hai đồng chí Nguyễn Chí Thanh và Trần Quý Hai làm đại biểu đi dự hội nghị toàn quốc.

Sau hội nghị, công việc chuẩn bị khởi nghĩa được gấp rút triển khai, quân chúng càng thêm hăng hái gia nhập các hội cứu quốc. Phong trào toàn tỉnh phát triển rất nhanh. Ta gần như làm chủ nông thôn phía tây và phần lớn vùng nông thôn phía đông đường số 1.

Riêng về lực lượng vũ trang, đến cuối tháng 7 năm 1945, quân số của hai đại đội Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám đã lên đến gần 1.000 người.

Đại đội Phan Đình Phùng do đồng chí Phạm Kiệt làm đại đội trưởng và đồng chí Nguyễn Chánh làm chính trị viên, đồng chí Phan Phong và đồng chí Võ Thứ làm đại đội phó. Đại đội gồm năm trung đội: Xung phong - Cao Thắng, Bó Khiết, Ấm Loan, Từ Nhại, Trương Quang Trọng.

Đại đội Hoàng Hoa Thám do đồng chí Trần Công Khanh làm đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Đôn làm chính trị viên, đồng chí Nguyễn Khoách (Thạnh) và đồng chí Lê Văn Đức (Lạc) làm đại đội phó. Đại đội biên chế năm trung đội: Phạm Hồng Thái, Củ Đình, Nguyễn Nghiêm, Ngô Đáng, Nguyễn Tự Tân¹.

Các trung đội vẫn luân phiên nhau huấn luyện ở căn cứ và vận động quần chúng, huấn luyện quân sự cho cơ sở ở địa phương.

Lực lượng tự vệ cứu quốc và tiểu tổ du kích lên đến mấy nghìn người. Nhưng việc huấn luyện các lực lượng này chủ yếu chỉ dùng súng gỗ, lựu đạn gỗ nên thiếu thực tế, chất lượng rất hạn chế. Từ giữa tháng 6 năm 1945, sau khi chuẩn bị nơi ăn ở và thao trường, Ban Quân sự tỉnh đã liên tiếp mở nhiều lớp huấn luyện mỗi lớp cho từ 1 đến 2 trung đội, thời gian 10 ngày. Nhờ đó chất lượng của các tiểu tổ du kích cũng dần dần được nâng cao.

Đầu tháng 8 năm 1945, nhằm tạo ra khí thế mới trong quần chúng, Tỉnh ủy lâm thời chủ trương thành

1. Trung đội Nguyễn Tự Tân mới tập trung được hai tiểu đội.

lập các tiểu ban tuyên truyền ở tổng, huyện hoặc phải đồng thời chuẩn bị tổ chức một số cuộc tuyên truyền xung phong, tiến hành những cuộc mít tinh tập dượt cho quần chúng đấu tranh. Về mặt quân sự, đưa lực lượng du kích ra hoạt động công khai. Đại đội Phan Đình Phùng được giao nhiệm vụ đánh một số trận trên đường giao thông. Lễ xuất quân được tiến hành dưới hình thức một cuộc duyệt binh.

Ngày 10 tháng 8 năm 1945, tại chiến khu Vĩnh Sơn, 500 cán bộ và chiến sĩ của đại đội Phan Đình Phùng, trang phục màu đen, tay cầm súng, thắt lưng đeo dao bẫy, trang nghiêm đứng trước cờ. Đồng chí Hồ Thiết thay mặt Tỉnh ủy và Mặt trận Việt Minh tỉnh trao gươm, cờ và giao nhiệm vụ đánh trận mở đầu cho việc phát động chiến tranh du kích trong toàn tỉnh. Đại diện cho Đảng bộ và Việt Minh tỉnh Bình Định - đồng chí Đinh Trung đọc thư của nhân dân Bình Định đặt niềm tin yêu đối với Đội du kích Ba Tơ. Thay mặt toàn đơn vị, đồng chí Nguyễn Chánh nhận cờ, gươm và nhắc lại lời tuyên thệ: "*Hy sinh vì Tổ quốc*", 500 con người đứng im phăng phắc. Có người là những chiến sĩ cách mạng đã trải qua đấu tranh trong lao tù đế quốc, có người là thanh niên nông thôn đã còng lưng vì sưu cao thuế nặng, vì tô tức, vì đòn roi áp bức của địa chủ, của hào lý có người là thanh niên học sinh mang trong mình dòng máu yêu nước của tổ tiên. Căm thù giai cấp bóc lột, oán hờn quân cướp nước đã siết chặt 500 con người thành một khối rắn chắc. Buổi lễ chỉ tiến hành trong nội bộ, nhưng từng người chiến sĩ như vẫn thấy trước mắt

mình hàng trăm, hàng nghìn cánh tay đang vẫy gọi, vẫn nghe văng vẳng bên tai lời nhấn nhủ hãy xông lên quyết chiến với quân thù.

Cờ khởi nghĩa đã phát cao súng lệnh đã nổ, trận đấu quyết định đã bắt đầu.

Câu hỏi 10: Hãy nêu quá trình chiến đấu anh dũng của Đội du kích Ba Tơ trong những ngày tháng Tám năm 1945. Du kích Ba Tơ đã cùng với nhân dân Quảng Ngãi tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi vẻ vang như thế nào?

Trả lời:

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng do Trung ương triệu tập đang họp thì nhận được tin Nhật đầu hàng Đồng minh.

Phân tích tình hình, Hội nghị nhận thấy: Nhật đổ, hàng ngũ chỉ huy của chúng ở Đông Dương chia rẽ đến cực điểm, quân lính Nhật tan rã, mất tinh thần, bọn Việt gian thân Nhật hoảng sợ. Nhân dân Đông Dương cực khổ căm tức, cách mạng hóa; đến một phần quan lại cũng ngả về phe cách mạng. Cao trào kháng Nhật cứu nước do Đảng lãnh đạo ngày một mạnh mẽ sâu rộng khắp Bắc, Trung, Nam. Căn cứ du kích mở rộng, khu giải phóng và quân giải phóng thành lập. Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục địa vị của chúng ở Đông Dương. Toàn dân tộc đang sôi nổi chờ đợi khởi nghĩa. Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới. Tình thế vô cùng khẩn cấp¹.

1. Trích Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương (8-1945).

Từ những nhận định đó, Hội nghị quyết định: Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Lúc này ở Quảng Ngãi, sau cuộc duyệt binh ở Vĩnh Sơn, đại đội Phan Đình Phùng đang khẩn trương chuẩn bị đánh các đoàn xe vận tải của Nhật trên các đoạn đường từ Đồng Ké đi Sơn Hà và Châu Ổ đi Trà Bồng; đại diện Tỉnh ủy và Mặt trận Việt Minh tỉnh đang chuẩn bị làm lễ duyệt binh và trao cờ, gươm cho đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu Núi Lớn. Trưa ngày 14 tháng 8 đồng chí Nguyễn Đôn - Tỉnh ủy viên - chính trị viên đại đội Hoàng Hoa Thám trên đường đến cơ quan Thường trực Tỉnh ủy ở làng Thi Phổ Nhất (Mộ Đức) thì gặp Trần Chí Hiền từ Huế vào Nha Trang. Trần Chí Hiền vội báo tin: Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Sau đó cả hai lập tức đến cơ quan Thường trực. Thường trực tại cơ quan chỉ có đồng chí Trương Quang Giao - Bí thư Tỉnh ủy.

Đây là điều kiện thứ ba để phát động khởi nghĩa mà Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã xác định và Hội nghị liên tịch các tỉnh miền Trung đã thông qua.

Do dự sẽ mất thời cơ, tuy chỉ có hai người nhưng lệnh khởi nghĩa lập tức được ban hành:

"Quân Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Các cấp hội, các ban chấp hành phải cấp bách huy động toàn dân chúng vũ trang để kịp thời khởi nghĩa.

Các đội tự vệ, tiểu tổ du kích phải sẵn sàng.

Ban chấp hành các cấp hội đều phải thi hành kỷ luật triệt để.

Huy động bằng hình thức công khai, truyền đơn, cờ áp phích, biểu tình, mít tinh, võ trang bắt giữ Việt gian.

Tình thế cấp bách, phải thi hành triệt để chỉ thị không được chậm trễ.

Các đồng chí phải nỗ lực "Hy sinh vì Tổ quốc".

Tiếng trống lệnh khởi nghĩa từ nhà một cơ sở cách cơ quan thường trực 200 mét nổi lên rung động giữa trưa hè oi ả.

Lúc đó là 13 giờ ngày 14 tháng 8 năm 1945 (ngày 7 tháng 7 năm Ất Dậu).

Viết lệnh xong, đồng chí Nguyễn Đôn vội phóng xe ra Sơn Tịnh tìm đồng chí Nguyễn Chánh; ra đến Núi Bút thì gặp đồng chí Nguyễn Chánh phóng xe vào.

Trên đường vào dự lễ trao cờ, gươm cho đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu Núi Lớn, đồng chí Nguyễn Chánh được cơ sở ở thị xã Quảng Ngãi báo tin Nhật đã đầu hàng Đồng minh.

Đến cơ quan, đồng chí Hồ Thiết đã có mặt. Một chỉ thị mới lại được ban hành:

"1. Tước khí giới quân Nhật và bọn bảo an trong những nơi đã võ trang quần chúng. Cương quyết thi hành.

2. Phải huy động tự vệ, du kích bảo vệ và giữ gìn chiến sĩ và cơ quan cách mệnh.

3. Phải huy động thợ rèn trong các làng để rèn khí giới công khai.

4. Các cấp Bộ, ban chấp hành tổng, lùng đều phải may cờ Việt Minh, băng cho nhiều (băng viết áp phích sẽ gửi về sau).

Lúc đó là 16 giờ ngày 14 tháng 8 năm 1945.

Lệnh khởi nghĩa tuy chỉ mới kịp chuyển đến một vài địa phương ở gần cơ quan Thường trực nhưng theo quy định từ trước tiếng trống khởi nghĩa vừa nổi lên ở Thị Phố thì tiếng trống hưởng ứng cũng lập tức nổi lên ở các xã thôn lân cận. Và cứ thế nó lan truyền vang xa, âm âm sôi động, giục giã lòng người. Thôn xóm bừng lên. Người người náo nức. Những đoàn quân khởi nghĩa vũ trang bằng bất cứ vũ khí gì: gậy gộc, dao thái rau, mã tấu... rầm rập xuống đường. Toàn dân nổi dậy. Muôn người như một. Khí thế ngất trời.

Sau khi phát lệnh khởi nghĩa, Thường trực Tỉnh ủy cùng với các đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Đôn trao đổi và thống nhất kế hoạch quân sự.

Bước một: Tập trung lực lượng đánh chiếm một số huyện lỵ và cứ điểm quan trọng ở căn cứ rừng núi và vùng giáp ranh, sau đó chuyển lực lượng về phối hợp với quân chúng khởi nghĩa chiếm các huyện lỵ đồng bằng.

Bước hai: Phối hợp hai cánh quân bao vây tỉnh lỵ Quảng Ngãi và huyện lỵ Tư Nghĩa, chờ mệnh lệnh tiếp theo.

Cụ thể: Đại đội Phan Đình Phùng đánh chiếm đồn Di Lăng, các châu lỵ Sơn Hà, Trà Bồng, sau chuyển

xuống phối hợp với nhân dân khởi nghĩa chiếm huyện lỵ Bình Sơn, Sơn Tịnh và phía tây Tư Nghĩa.

Đại đội Hoàng Hoa Thám đánh chiếm đồn và châu lỵ Ba Tơ, châu lỵ Minh Long và huyện lỵ Nghĩa Hành sau chuyển xuống phối hợp với nhân dân khởi nghĩa chiếm huyện lỵ Mộ Đức, Đức Phổ.

Đánh chiếm đồn Di Lăng, các châu lỵ Sơn Hà, Trà Bồng; huyện lỵ Bình Sơn: 20 giờ ngày 14 tháng 8 năm 1945, chi bộ đại đội Phan Đình Phùng họp. Bí thư chi bộ Nguyễn Chánh báo cáo nhanh và gọn:

Nhật đã đầu hàng. Tỉnh ủy chủ trương phát động nhân dân khởi nghĩa cướp chính quyền. Nhiệm vụ trước mắt của đại đội Phan Đình Phùng là nhanh chóng đánh chiếm đồn Di Lăng, các châu lỵ Sơn Hà, Trà Bồng, thị trấn Châu Ổ, sau đó kéo về phía trên cầu Trường Xuân chờ lệnh.

Mặc dù có bất ngờ, nhưng chi bộ nhanh chóng bàn kế hoạch lãnh đạo thực hiện và phân công cán bộ phụ trách các hướng chiến đấu.

Lệnh báo động chưa đầy 7 phút, toàn đại đội đã tập trung đủ.

Đồn Di Lăng là một đồn sơn phòng của Pháp có địa thế tương đối hiểm trở, công sự khá kiên cố và là một mắt xích nối liền các cứ điểm của quân Pháp ở Quảng Ngãi với cứ điểm Com Plông ở Kon Tum trong kế hoạch chuẩn bị đối phó với quân Nhật của quân Pháp trước đây. Cứ điểm hiện do hai trung đội bảo an đóng giữ và do Quản Trân - một tên Việt gian lợi hại chỉ huy.

Đồn đóng trên một điểm cao, sau lưng có sông, cổng đồn hướng về phía đông nhìn thẳng ra tỉnh lộ từ đồng bằng lên. Bên cạnh đồn có một sân bay cho các loại máy bay trinh sát hạ cánh. Bốn phía là đồi trọc. Trước khi Nhật đảo chính Pháp, máy bay Mỹ đã nhiều lần đến thả dù tiếp tế cho quân Pháp. Từ đó đồn Di Lăng có giao thông hào xây bằng gạch và lô cốt xi măng.

Khoảng 21 giờ ngày 14 tháng 8, trung đội Xung phong - Cao Thắng (trung đội mạnh nhất của đại đội Phan Đình Phùng) và ba tiểu đội của trung đội Ấm Loan, do trung đội trưởng Trương Quang Nguyên và trung đội phó Nguyễn Tuấn Tài chỉ huy bắt đầu xuất phát. Do tính chất quan trọng của trận đánh nên hai đồng chí Nguyễn Chánh và Phạm Kiệt trực tiếp chỉ huy trận này. Đơn vị hành quân liên tục cho đến 17 giờ ngày 15 tháng 8 mới đến cách Di Lăng 2 ki-lô-mét.

Theo kế hoạch, đồng chí Nguyễn Chánh cùng hai chiến sĩ đi trước bắt liên lạc với hai cơ sở binh vận trong đồn. Tại nhà riêng của một trong hai cơ sở tên là Duẩn, đồng chí Nguyễn Chánh nói rõ:

- Nhật đầu hàng rồi. Chúng tôi lên đây là lấy đồn. Đây là dịp anh lấy công chuộc tội.

Theo kế hoạch của Ban chỉ huy trận đánh, Duẩn bảo vợ làm thịt gà, mua rượu mời Quân Trân tối ra uống rượu. Tên Việt gian lợi hại này dinh ninh rằng tại đây hắn vẫn kiểm soát được tình hình nên đã ra đúng hẹn và trước khi ăn uống vẫn theo ý chủ nhà cởi khẩu súng lục đưa cho chủ nhà cất trong ngăn kéo tủ.

Sau khi bắt được Quản Trân, lực lượng ta tiến hành vây đồn và buộc Quản Trân kêu gọi binh lính trong đồn đầu hàng. Trong đồn vẫn im lặng. Một loạt súng bắn vào. Trong đồn có vài phát súng bắn ra. Sợ ta trị tội, Quản Trân vừa cuống quýt van lạy ta đừng bắn và ríu rít gọi đích danh từng tên đội, cai, bảo không được bắn ra. Lính bảo an cũng như cai đội trong đồn đang do dự, thì cơ sở binh vận thứ hai của ta tên là Liên lên tiếng gọi binh lính trong đồn đầu hàng. Chiếm được đồn Di Lãng, ta thu thêm 37 súng trường và 1 súng lục.

Hoàn thành nhiệm vụ, đồng chí Phạm Kiệt cùng một tiểu đội ở lại Di Lãng để sáng hôm sau tổ chức mít tinh và thành lập chính quyền cách mạng. Lực lượng còn lại do đồng chí Nguyễn Chánh chỉ huy ngay trong đêm cấp tốc hành quân về đồng bằng để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

Một việc bất ngờ đã xảy ra, 3 giờ sáng chiến sĩ gác báo tin Quản Trân bị giam trong một hầm xi măng kiên cố, cửa khóa, có gác bên ngoài nhưng đã trốn thoát. Thì ra lúc xây dựng công sự, lính Pháp đã làm một đường ngầm thoát ra ngoài. Lợi dụng đường hầm này tên Việt gian đầy tội ác đã trốn thoát. Nhưng lưới trời lồng lộng; hắn đã bị du kích Hà Thành bắt được lúc 12 giờ ngày 16 tháng 8 và buộc phải đền tội.

Châu lỵ Sơn Hà một thị trấn nhỏ ở miền núi, dân cư đông đúc hơn các huyện ở miền núi khác. Ở đây ngoài trụ sở hành chính còn có đồn bảo an.

Cũng như mọi châu miền núi khác, ở châu lỵ có một tiểu đội lính lệ trang bị đủ súng trường làm nhiệm vụ

canh gác. Đồn bảo an đóng trên một gò đất cao, có bờ rào vây quanh, ngoài rào có một hào giao thông. Trong đồn có một số ụ súng chiến đấu. Lực lượng ở đồn bảo an khoảng một trung đội. Trước đây đồn thường do một thiếu úy hoặc trung úy người Pháp chỉ huy. Lúc này do một hạ sĩ quan người Việt (quản hay đội) chỉ huy.

Lực lượng đánh Sơn Hà gồm trung đội Từ Nhại và lực lượng còn lại của trung đội Ấm Loan, do đại đội phó Phan Phong, trung đội trưởng Phan Diệt, các trung đội phó Lê Cần (Súy), Phạm Bá Mộc (Đại) và chính trị viên Tạ Phương chỉ huy. Chiều ngày 15 tháng 8 năm 1945, khi ta hành quân đến nơi thì quân địch đã chuẩn bị đối phó. Ban chỉ huy trận đánh nhanh chóng triển khai lực lượng. Tên kiểm lý cho lính trong đồn bắn ra. Ta nổ súng và tổ chức xung phong. Nhân dân quanh vùng nổi trống, mõ và kéo đến bao vây thanh viện. Tiếng trống mõ, tiếng reo hò của hàng trăm quân chúng hòa cùng tiếng súng tấn công của ta khiến cho lính bảo an hoang mang sợ hãi, cuối cùng kéo nhau ra hàng. Tên kiểm lý bị bắt. Về ta, một chiến sĩ bị thương nhẹ. Ta thu 35 súng và toàn bộ đạn dược. Hoàn thành nhiệm vụ, các đơn vị hành quân ngay về đồng bằng. Sáng ngày 16 tháng 8 năm 1945, khi đơn vị về đến Hà Thành thì gặp hai trung đội đánh Di Lãng cũng vừa về đến nơi. Hai bộ phận sát nhập lại và hành quân về Phước Lâm.

Bộ phận đánh châu lý Trà Bồng gồm hai trung đội Bó Khiết và Trương Quang Trọng do đồng chí Võ Thứ đại đội phó và các trung đội trưởng Võ Nhiếp, Tôn Long Cứu chỉ huy. Từ Vĩnh Sơn, bộ phận này hành quân

suốt đêm đến mờ sáng ngày 15 mới ra đến đường từ Châu Ổ đi Trà Bồng. Đơn vị quyết định giấu súng trong những bó bã mía và đi lẫn vào trong dân, tiếp tục hành quân ban ngày. Chiều ngày 15 tháng 8, khi đơn vị lên đến nơi thì tên kiểm lý đã nộp súng và đầu hàng. Quân chúng cách mạng và du kích địa phương đã làm chủ huyện lỵ. Trước tình hình đó, toàn đội liền cấp tốc hành quân về đánh chốt gác của lính Nhật ở Châu Ổ và huyện lỵ Bình Sơn.

Ở Châu Ổ có một chốt lính gác của lính Nhật đóng trong nhà Võ Hiển - một nhà buôn khá lớn, cạnh bờ bắc sông Trà Bồng. Theo kế hoạch, lực lượng ta chia làm ba mũi có sự phối hợp của tiểu tổ du kích và tự vệ cứu quốc xã Bình Trung. Hai mũi đánh vào phía trước và phía sau nhà. Mũi thứ ba dùng thuyền từ cầu xe lửa xuôi xuống áp sát bờ sông đánh lên. Lúc bảy giờ các xã trong huyện đã khởi nghĩa giành chính quyền. Lính Nhật đã đề phòng. Trong lúc các mũi trên bộ đang triển khai lực lượng thì mũi đường sông do người lái thuyền không am hiểu địa thế nên đã cho thuyền đi quá mục tiêu nên phải quay thuyền trở lại¹. Thấy thuyền lạ, ban đêm xuôi xuống rồi lại quay lên, lính Nhật nghi ngờ và nổ súng. Thuyền bị chìm, trung đội phó Võ Tuôi và một đồng chí nữa hy sinh. Phối hợp với trận đánh vào chốt gác của Nhật ở đầu cầu Châu Ổ, các đội tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích và quân chúng cách mạng ở thị trấn Châu Ổ và

1. Có ý kiến cho rằng người lái thuyền làm phản cố ý chèo thuyền xuôi luôn nên về sau đã bị chính quyền cách mạng xử lý.

một số xã lân cận do Bí thư Huyện ủy Phạm Quang Lăng chỉ huy đã nhanh chóng làm chủ huyện lỵ Bình Sơn. Lính Nhật ở chốt gác tuy không bị tiêu diệt nhưng hôm sau cũng hoảng sợ tháo chạy về thị xã Quảng Ngãi, khi chạy đến phía nam cầu Châu Ổ bị du kích bắn chết một tên.

Chiếm các huyện lỵ Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành: Lúc này đại đội Hoàng Hoa Thám mới vừa tập trung về chiến khu và đang chuẩn bị làm lễ duyệt binh. Mọi công việc sắp xếp lực lượng, điều chỉnh vũ khí, giao nhiệm vụ, động viên tư tưởng phải khẩn trương làm suốt đêm. Về phân công nhiệm vụ:

Trung đội Ngô Đáng do trung đội trưởng Trịnh Anh và chính trị viên Nguyễn Cừ (Nhạn) chỉ huy tiến lên phối hợp với du kích và nhân dân đánh chiếm châu lỵ và đồn Ba Tơ.

Trung đội Cử Đình do trung đội trưởng Nguyễn Hoa và chính trị viên Phạm Khai chỉ huy, phối hợp với du kích và nhân dân đánh chiếm châu lỵ và đồn Minh Long.

Trung đội Phạm Hồng Thái và trung đội Nguyễn Nghiêm đánh chiếm huyện lỵ Nghĩa Hành.

Trung đội Nguyễn Tự Tân làm dự bị.

Ở Ba Tơ, đến đầu tháng 8 năm 1945 phong trào cách mạng gần như đã công khai. Các thôn xã người Kinh đã có đội du kích. Phong trào cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng hết sức sôi nổi.

6 giờ sáng ngày 15 tháng 8, vừa nhận được lệnh khởi nghĩa của tỉnh, Ủy ban khởi nghĩa của huyện đã nhanh chóng thông báo và hướng dẫn kế hoạch thực hiện cho các xã. Từ 8 giờ sáng, "bão táp" đã nổ ra ở các xã dọc đường số 5 từ Bằng Chay lên đến Mang Đốc trung tâm châu lỵ rồi lan dần đến các làng xã khác. Ở đồn Ba Tư có 12 lính Nhật, nhưng khi nghe tin khởi nghĩa nổ ra ở đồng bằng, chúng đã bỏ chạy từ hôm trước. Lính bảo an ngả theo cách mạng. 10 giờ ngày 15 tháng 8, du kích địa phương và quần chúng cách mạng đã chiếm châu lỵ và đồn bảo an, bắt sống lần thứ 2 tên kiểm lý Bùi Danh Ngũ, thu toàn bộ vũ khí, tiền bạc và hồ sơ tài liệu. Khi trung đội Ngô Đáng lên đến nơi thì mọi việc đã giải quyết xong. Ở Trường An cũng không còn địch. Các đồng chí Nguyễn Trinh Anh và Nguyễn Nhuận chỉ huy trung đội này liên cho đơn vị hành quân về Đức Phổ.

Ở Minh Long, khi trung đội Cử Đình lên đến nơi thì Ủy ban khởi nghĩa của huyện đã lãnh đạo nhân dân và du kích nổi dậy đồng thời lôi kéo được trung đội bảo an ngả theo cách mạng nên đã làm chủ tình hình. Toàn đội lại cấp tốc quay về phối hợp với lực lượng đang hoạt động ở Nghĩa Hành.

Ở Nghĩa Hành, từ chiều ngày 15 tháng 8 nhân dân các xã ở phía tây đã rầm rộ kéo về huyện lỵ để giành chính quyền. Trước khí thế mãnh liệt của hàng nghìn quần chúng với băng biểu ngữ và dao mác, gậy gộc, quân địch ở đây vô cùng hoảng sợ, nhưng vẫn dợi chờ nghe ngóng nên chưa chịu đầu hàng. Mờ sáng ngày 16 tháng 8, hai trung đội của đại đội Hoàng Hoa Thám do

các đồng chí Trần Công Khanh và Nguyễn Đôn trực tiếp chỉ huy vừa đến nơi đã lập tức tổ chức bao vây quân địch. Quân chúng cũng ba bên, bốn mặt cờ giông, trống gióng ào ào kéo đến. Dọc bờ sông Vệ đã rục rờ sao. Trong làn sóng người vang lên những tiếng hô: "*Việt Nam độc lập muôn năm*", "*Mặt trận Việt Minh muôn năm*". Trước áp lực chính trị và áp lực quân sự, tên tri huyện vội vã đầu hàng. Chiều ngày 16 tháng 8 sau khi hoàn thành nhiệm vụ đại đội chia làm hai bộ phận. Đồng chí Nguyễn Đôn và đồng chí Huỳnh Quang Lâu chỉ huy một bộ phận tiến xuống thị trấn Sông Vệ sẵn sàng tiến công vào thị xã Quảng Ngãi khi có lệnh. Bộ phận còn lại do đồng chí Trần Công Khanh chỉ huy tiến về phía huyện lỵ Mộ Đức.

Đánh quân Nhật ở trận Xuân Phổ và Mỏ Cày: Xuân Phổ cách thị xã Quảng Ngãi về phía tây khoảng 5 ki-lô-mét, là một thôn có phong trào cách mạng sôi nổi qua nhiều thời kỳ đấu tranh cách mạng. Sau khi phát lệnh khởi nghĩa cho các địa phương, Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh đã từ Thị Phổ (Mộ Đức) chuyển ra đây để trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ở thị xã Quảng Ngãi.

Lo sợ trước những cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở khắp các vùng nông thôn, quân Nhật ở Quảng Ngãi tung nhiều toán hiến binh đi dò xét tình hình. Chiều ngày 15 tháng 8 năm 1945, một xe Gíp chở một sĩ quan Nhật cùng một thông ngôn và ba lính Nhật từ thị xã lên. Chúng đỗ xe ở ngoài đường, rồi kéo vào làng dò xét. Lực lượng canh gác lập tức báo động. Tiếng trống, mõ, tù và ở các trạm gác của tự vệ nổi lên. Nhân dân vũ

trang gương, giáo, gậy gộc ào ào xông tới. Cùng lúc nhân dân cũng phá sập cổng, ngăn không cho quân Nhật từ sân bay kéo đến tiếp cứu. Trước khí thế sôi sục căm thù của quần chúng, cả toán lính Nhật hốt hoảng bỏ xe tháo chạy. Các chiến sĩ tự vệ, tiểu tổ du kích đổ ra đâm nát lốp xe và đuổi theo vây bắt và tiêu diệt tại trận tên sĩ quan và 2 lính Nhật, bắt sống tên phiên dịch.

Nhận được tin về trận đánh, hai đồng chí Nguyễn Chánh và Phạm Kiệt lúc này đã có mặt ở Phước Lâm, thống nhất nhận định ngày hôm sau quân Nhật sẽ kéo lên khủng bố. Kế hoạch đánh địch, bảo vệ dân được gấp rút triển khai. Trung đội Từ Nhại do đại đội phó Phan Phong và trung đội trưởng Phan Diệt chỉ huy được lệnh hành quân về bố trí chặn đánh toán quân Nhật từ An Hội tiến lên Xuân Phổ. Một bộ phận khác do hai đồng chí Nguyễn Chánh và Phạm Kiệt trực tiếp chỉ huy sẵn sàng đón đánh toán quân Nhật có thể từ hướng cầu Trường Xuân (cầu xe lửa) thọc vào phía bắc làng Xuân Phổ.

Chiều ngày 16 tháng 8, hơn 40 lính Nhật từ thị xã kéo lên. Đến An Hội, chúng xuống xe và hành quân bộ vào làng với thái độ nghênh ngang, có tên súng vẫn mang trên vai như đi vào chốn không người. Các chiến sĩ ta bí mật bố trí trong ruộng mía chờ cho lính Nhật đến gần mới nhất tề nổ một loạt súng rồi nhảy xổ ra vùng gương đánh giáp lá cà. Trung đội trưởng Phan Diệt dẫn đầu đơn vị xung phong dùng lê đâm chết một lính Nhật, nhưng đồng chí đã trúng đạn hy sinh. Với hai thế đánh hiểm đồng chí Bội đã chém bị thương hai tên Nhật, nhưng bị một tên Nhật khác bắn bị thương nặng.

Các chiến sĩ du kích vẫn tiếp tục xông lên dùng gươm đánh giáp lá cà. Giữa lúc trận chiến đấu đang giằng co thì nhân dân trong làng nổi trống, mõ và mang gậy gộc, gươm, giáo ào ra chi viện. Tiếng trống, mõ, thanh la, tiếng chân chạy rầm rập hòa cùng tiếng thét xung phong của hàng trăm con người khiến cho lính Nhật vô cùng khiếp đảm nên vội vã rút lui chỉ kịp mang theo 5 tên bị chết, bỏ lại tại trận xác 1 lính Nhật, 1 súng trường, 1 địa bàn, 1 ống nhòm.

Trận đánh kết thúc nhanh, gọn. Bên ta hy sinh 1 đồng chí, bị thương 1 đồng chí. Thắng lợi của trận đánh chứng tỏ quân du kích hoàn toàn có khả năng đánh bại quân Nhật, nhưng ý nghĩa thắng lợi lớn nhất là đã bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

Mừng chiến thắng, ngay đêm đó nhân dân đã mổ bò khao thưởng các chiến sĩ du kích.

Mỏ Cày ở ven đường số 1 cách thị xã Quảng Ngãi khoảng 17 ki-lô-mét về phía nam. Đây là một cánh đồng ruộng trồng có một mương nước chạy dọc phía đông đường số 1. Phía tây đường khoảng 500 mét có một ngọn đồi thấp. Ven chân đồi là một khu dân cư có trồng nhiều tre. Sát phía đông đường có một xóm nhỏ chỉ 4 nhà, xung quanh các ngôi nhà đều trồng nhiều tre.

Mỏ Đức là nơi nhận được lệnh khởi nghĩa sớm nhất và cũng là nơi bão táp cách mạng bùng lên sớm nhất. Các đồn bảo an Quán Lát, Trung Hòa, Thiết Trường, Thạch Trụ đều bị các tiểu đội du kích và tự vệ cứu quốc bao vây uy hiếp và đã nhanh chóng đầu hàng nộp súng

cho cách mạng. Đến chiều ngày 15 tháng 8 nhân dân đã cơ bản giành được chính quyền ở các thôn xã.

Tối 15 tháng 8, một xe chở lính Nhật từ phía nam ra bị hỏng máy phải dừng lại ở phía nam thôn Thiết Trường. Đồng chí Trần Thành chỉ huy tự vệ định bí mật tập kích nhưng bị lộ. Lính Nhật nổ súng, đồng chí Thành hy sinh. Nhân dân nổi trống mõ, lính Nhật bỏ xe chạy lên ngọn đồi thấp ở phía tây đường số 1.

Trung đội Củ Đình do trung đội trưởng Nguyễn Hoa và chính trị viên Phạm Khai chỉ huy, sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở Minh Long đã kéo quân về Mộ Đức. Trưa ngày 17 tháng 8, khi trung đội đang bố trí trong khu vực chợ Thi Phổ thì có một xe chở lính Nhật từ phía nam chạy ra. Ta nổ súng, địch không dừng lại chống cự mà mở hết tốc lực chạy trốn. Trên xe rơi xuống một súng tiểu liên và 75 viên đạn. Phán đoán sẽ có xe Nhật ra nữa nên trung đội chuyển ra bố trí ở khu vực Mỏ Cà (phía bắc chợ Thi Phổ khoảng 1 ki-lô-mét).

Gần đến nửa đêm vẫn không thấy động tĩnh gì, trung đội thu quân để chuyển về phía đông Tư Nghĩa. Đang hành quân thì một đoàn gồm bốn xe chở quân Nhật từ phía bắc chạy vào. Trung đội nhanh chóng mai phục ngay hai bên đường. Xe Nhật đến, toàn trung đội nổ súng. Đền xe vụt tắt. Chiếc đi đầu trúng đạn, ba chiếc sau dồn tới. Ta xung phong dùng gươm, mã tấu đánh giáp lá cà. Quân Nhật cũng nhảy xuống xe đánh trả. Tiếng trống, mõ, thanh la, tù và chi viện của nhân dân xóm phía tây đường vang dội cả một vùng trời. Giữa lúc trận đánh diễn ra quyết liệt thì phía Bắc một đoàn

xe 10 chiếc chở đầy lính Nhật kéo đến tiếp viện, trận đánh trở nên không cân sức. Chính trị viên Phạm Khai bị thương nặng. Một số chiến sĩ khác hy sinh và bị thương. Đạn gần hết, trung đội trưởng Nguyễn Hoa chỉ huy đơn vị vừa chiến đấu vừa lần lượt rút khỏi trận địa. Ta đã rút, nhưng quân Nhật vẫn bắn cầm canh đến sáng mới thu dọn xác chết chở đầy ba xe rồi chạy về phía Nam. Bên ta năm đồng chí hy sinh, bị thương năm, trong đó có một đồng chí bị thương nặng. Trên đường chạy về phía Nam, lính Nhật đã lùng sục và đốt cháy một số nhà dân.

Nghe tiếng súng nổ nhiều ở phía Mỏ Cày, Chính trị viên Nguyễn Đôn cho trung đội trưởng Huỳnh Quang Lâu đưa trung đội ra phục kích ở phía bắc thị trấn Sông Vệ. Cả đêm 17 tháng 8 và buổi sáng ngày 18 tháng 8 vẫn không có đoàn xe nào của Nhật ra vào. Gần trưa đơn vị thu quân để chuyển về phía tây đường sắt, nhưng cán bộ địa phương yêu cầu đơn vị ở lại để nhân dân úy lạo. Vừa ăn cơm xong thì một đoàn xe Nhật từ phía nam chạy ra. Thấy nhân dân tập trung đông, chúng hết hoảng nổ súng bắn bừa bãi, rồi mở hết tốc lực chạy về hướng thị xã. Một số đồng bào bị thương, trung đội trưởng Huỳnh Quang Lâu và chiến sĩ Nguyễn Như Côn hy sinh.

Một số trận xung đột lẻ tẻ khác giữa ta và Nhật cũng diễn ra ở Hòa Vinh (Nghĩa Hành); Trà Câu, Sa Huỳnh (Đức Phổ). Các tiểu tổ du kích và tự vệ cứu quốc ở những nơi này đã phối hợp với nhân dân kiên quyết

đánh trả các cuộc càn quét đốt nhà của lính Nhật, hoặc bao vây cắt đứt tiếp tế buộc chúng phải tháo chạy.

Đồn Thương Chánh ở Cổ Lũy có bốn lính Nhật và một số lính bảo an. Đoàn đại biểu Việt Minh xã đến thương lượng với tên chủ sự để hẳn trao đồn cho ta nhưng tên này không chịu. Nhân dân các xã Ba La (Nghĩa Đông), Vạn Tượng (Nghĩa Dũng) phối hợp với các tiểu tổ du kích và tự vệ cứu quốc tiến công đồn. Cả bọn rút vào kho muối cố thủ. Sau nhiều lần ta kêu gọi đầu hàng, cả bọn đều ngoan cố chống lại. Ta liền chất củi đốt kho. Lửa cháy rừng rực khắp bốn phía kho. Thấy không còn lối thoát cả bọn vội xin tha, buông vũ khí đầu hàng.

Yểm trợ cho cuộc thương lượng với quân Nhật ở thị xã Quảng Ngãi: Thị xã Quảng Ngãi là trung tâm chính trị quân sự của địch. Về lực lượng quân sự có một tiểu đoàn bảo an, đóng ở đồn lính khố xanh cũ và trường tiểu học nữ ở trong thành. Đồn lính khố đỏ cũ chỉ có 10 tên làm nhiệm vụ giữ kho. Quân Nhật có một tiểu đoàn đóng ở khu vực sân bay và một số nơi trong thị xã.

Về phía ta, cơ sở Việt Minh phát triển khá mạnh. Tiểu tổ du kích và tự vệ cứu quốc đã được thành lập ở nhiều vùng nông thôn phụ cận và cả trung tâm thị xã. Trong lính bảo an đã thành lập Hội Bình nhân cứu quốc. Nhiều viên chức trong bộ máy tay sai đã tham gia hàng ngũ cứu quốc hoặc ngã về với cách mạng. Tỉnh trưởng Lương Trọng Hối, án sát Phạm Như Phiên đã dao động và trong chừng mực nhất định đã có một số

hành động có tính chất lập công chuộc tội. Nhật đầu hàng Đồng minh, lính Nhật ngỡ ngàng hoang mang, bộ máy tay sai càng thêm dao động. Anh Trương Cao Dững là cơ sở của ta trong đồn khố xanh đã bắt liên lạc với Việt Minh thị xã, mở kho súng cho ta lấy một số súng.

Chiều ngày 14 tháng 8 năm 1948, sau khi nhận lệnh khởi nghĩa, đồng chí Bùi Định cấp tốc từ Thi Phổ Nhất (Mộ Đức) quay về thị xã triệu tập các đồng chí phụ trách các hội công nhóm thanh niên, phụ nữ, nông dân và Bùi Châu - Hội phó Binh nhân cứu quốc cùng một số cốt cán trong lính bảo an để bàn kế hoạch khởi nghĩa ở thị xã¹.

Kế hoạch của ta là kết hợp nội công ngoại kích. Cơ sở binh vận trong đồn bảo an và lực lượng tự vệ xung kích bên ngoài phối hợp đánh chiếm đồn bảo an và đồn khố đỏ cũ, sau đó đánh chiếm sở mật thám và các công sở khác. Trong lúc đó các hội cứu quốc huy động quần chúng nổi dậy vây bắt những tên phản động, đồng thời đốt cây, đắp ụ ngăn đường không cho lính Nhật ngày hôm sau tự do đi lại khủng bố nhân dân. Công nhân hỏa xa và nhà máy điện tháo gỡ các bộ phận quan trọng đem cất giấu. Tuy nhiên kế hoạch trên không thực hiện được, vì đêm đó hội phó Binh nhân cứu quốc làm nhiệm vụ trực ban, mãi đến 3 giờ sáng ngày 15 tháng 8 mới ra họp.

Ngày 15 tháng 8, cuộc khởi nghĩa đã diễn ra ở nhiều vùng nông thôn trong tỉnh. Ở thị xã, thợ xe lửa đình

1. Hội trưởng Binh nhân cứu quốc là Cao Thanh Trà do bị địch nghi ngờ nên chúng đã điều ra đơn vị bảo an đang đóng ở đảo Lý Sơn.

công, các chợ không họp... Sau khi nắm lại tình hình và dự kiến kế hoạch đối phó với các tình huống có thể xảy ra, cuộc khởi nghĩa ở thị xã vẫn tiến hành theo kế hoạch đã bàn.

Trời vừa tối, một đội tự vệ xung kích hơn 30 người trang bị gươm, dao, gậy... do đồng chí Bùi Định trực tiếp chỉ huy, phân thành từng tốp bí mật áp sát đồn bảo an. Trong lúc đó cơ sở binh vận trong đồn làm nhiệm vụ trực chỉ huy ngày hôm ấy đã triệu tập tất cả quản, đội, cai và lính đúng 8 giờ tối phải có mặt ở trong đồn để nhận lệnh. Lính gác kho, gác cổng và tuần tra đều là cơ sở của ta hoặc do cơ sở của ta chỉ huy. Viên lãnh binh cũng được mời đến họp. Khi các tên đội, cai, lính bảo an đang lác đác vào đồn, thì Bùi Châu cơ sở của ta, đội trực đêm đó ra đưa đồng chí Bùi Định và ba tốp xung kích của ta vào đồn.

Mọi việc đều diễn ra gần đúng như ý định. Sau khi nghe nói về việc Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân cả nước nổi dậy giành chính quyền, xây dựng nền độc lập, đồng chí Bùi Định nhân danh Tỉnh bộ Việt Minh kêu gọi anh em lính bảo an hãy đứng về phía cách mạng. Đồng chí Bùi Định vừa dứt lời tất cả lính bảo an đều hoan hô. Viên lãnh binh tái mặt song vẫn quay lại định hỏi ý kiến bọn cai đội nhưng bị trấn áp ngay. Tước vũ khí xong, tất cả cai đội và lính bảo an không phải cơ sở đều được đưa về phía Cửa Bắc. Riêng viên lãnh binh được tự vệ dẫn về nhà với lời răn: Không được liên lạc với Nhật nữa.

Đồn khố đồ chỉ có 10 lính nên cũng được giải quyết gọn trong đêm.

Ngày và đêm 16 tháng 8, lực lượng khởi nghĩa tiếp tục chiếm sở mật thám, thu giữ nguyên vẹn toàn bộ hồ sơ. Chánh mật thám Bùi Trọng Lê - một tên mật thám gian ác khét tiếng, đã bỏ chạy từ trước nhưng vẫn bị nhân dân bắt được. Ở các công sở khác, quần chúng cách mạng đều nhanh chóng làm chủ tình hình. Tỉnh trưởng Lương Trọng Hối và án sát Phạm Như Phiên ngoan ngoãn nộp ấn tín. Phạm Như Phiên hướng dẫn cán bộ ta đi kiểm kê tài sản ở Ty ngân khố.

Đến giữa đêm ngày 16 tháng 8, chính quyền cấp tỉnh của Nhật đã bị xóa bỏ. Lực lượng cách mạng làm chủ tình hình ở thị xã. Tuy nhiên về mặt công khai ta vẫn để Lương Trọng Hối ở nguyên trong dinh tỉnh trưởng để làm môi giới giao thiệp với tên sĩ quan chỉ huy quân Nhật.

Tình hình diễn ra thuận lợi, nhưng sau các trận đánh nhằm mục đích bảo vệ dân ở Xuân Phổ, Mỏ Cày thái độ quân Nhật trở nên gay gắt. Để yểm trợ cho cuộc đấu tranh với quân Nhật, Ban lãnh đạo khởi nghĩa của tỉnh đã ra lệnh cho đại đội Phan Đình Phùng đưa lực lượng áp sát khu vực từ cầu Trường Xuân trở vào. Đại đội Hoàng Hoa Thám bố trí từ xóm Xiếc đến ga Phú Nhiêu và núi An Đại ở tây nam thị xã. Một trung đội của đại đội Phan Đình Phùng do trung đội trưởng

Nguyễn Tuấn Tài, trung đội phó Châu Khải Dịch, chính trị viên Bùi Truyền Nga chỉ huy tiến vào thị xã, và tiếp đó tuần tra hàng ngày trên đường phố. Cùng với áp lực quân sự, Ban lãnh đạo khởi nghĩa còn ra lệnh triệt phá một số đoạn đường giao thông ra vào thị xã, đồng thời bao vây cắt đứt tiếp tế lương thực, thực phẩm.

Sau hơn một tuần thương lượng giằng co, chiều ngày 25 tháng 8, giữa ta và Nhật đã ký một hiệp ước có các điều quy định.

Về phía Nhật.

- + Không can thiệp vào nội bộ của Việt Nam.
- + Rút tất cả lực lượng về tỉnh lỵ.
- + Không được đốt phá nhà cửa và khủng bố nhân dân.

Về phía ta:

- + Trả lại tù binh và xác chết cho Nhật.
- + Đình chỉ các cuộc bãi công, bãi thị.
- + Sửa lại đường sá như cũ.
- + Không động chạm đến người Nhật nếu Nhật không tấn công ta.

Thi hành các điều khoản đã ký, quân Nhật rút hết về thị xã và đến đầu tháng 9 năm 1945 đã rút hết về Đà Nẵng. Quảng Ngãi đã trừ được một hiểm họa, không bị quân Nhật theo lệnh Grleclý - tư lệnh Sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh, trưởng phái bộ Đồng minh, chiếm

giữ vị trí và đánh vào sau lưng ta khi quân Pháp đánh đến như một số tỉnh khác ở Nam Trung Bộ¹.

Để thi hành hiệp định hòa bình, Ủy ban khởi nghĩa lập tức ra lệnh cho nhân dân:

Đình chỉ tất cả các cuộc tấn công quân Nhật. Không được xâm phạm đến người Nhật. Phải tránh tất cả những cuộc xô xát đổ máu vô ích. Nhưng nếu quân Nhật khiêu khích đánh phá, đồng bào ta cần phải đánh để tự vệ. Địa phương nào đã bắt được người Nhật phải báo cáo lên cấp trên để đem trả lại cho người Nhật.

Đình chỉ tất cả những cuộc đình công, bãi thị. Những người làm việc trong các công sở phải đi làm việc lại. Gấp rút sửa sang những đường đã bị phá hủy. Các ngành bưu điện, thông tin, vận tải phải hoạt động bình thường trở lại.

Khẩu hiệu chính lúc này là: chính quyền nhân dân; Việt Nam hoàn toàn độc lập; tước khí giới của quân Nhật²; diệt trừ Việt gian.

1. Các tỉnh của Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở vào (khu vực do quân Anh làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật còn có quân Nhật là: Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên) thì sau này theo lệnh Grây-xi đều chiếm giữ bàn đạp phối hợp tiến công khi quân Pháp đánh đến như: Nha Trang (Khánh Hòa), Đà Lạt (Lâm Viên) hoặc gây khó khăn cho ta rất nhiều, buộc ta phải chiến đấu liêu diệt (Quy Nhơn quân Nhật chỉ có 50 tên) hoặc bị thiệt hại nặng phải tháo chạy như ở Phan Rang (Ninh Thuận), Phan Thiết (Bình Thuận).

2. Ủy ban có ghi chú: tước khí giới đây không phải là gập đầu tước đũa mà sẽ đấu tranh bằng ngoại giao, buộc chúng trao khí giới cho ta.

Hai bên điều đình xong, Ủy ban khởi nghĩa ra chỉ thị tổ chức một cuộc tổng biểu tình vũ trang toàn tỉnh để giới thiệu Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 30 tháng 8, nhân dân toàn tỉnh vũ trang bằng mọi thứ vũ khí hiện có và mang cờ, khẩu hiệu ô ạt kéo về thị xã. Ủy ban nhân dân cách mạng Lê Trung Đình (tên mới của tỉnh Quảng Ngãi) ra mắt nhân dân¹.

Lần đầu tiên trong tỉnh mới có một cuộc biểu tình không lồ như thế. Nó tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết chiến đấu và chí khí quật cường của một dân tộc anh hùng. Quá trưa, biển người bắt đầu cuộn cuộn kéo đi tuần hành thị uy, rồi phân tán về các địa phương. Mỗi lần đi qua đồn Nhật, sóng người lại cuộn lên hô khẩu hiệu. Suốt ngày hôm ấy, lính Nhật không dám ló ra khỏi đồn. Mãi đến tối mịt, người biểu tình mới ra hết thị

1. Ủy ban gồm có:

- Trần Toại: Chủ tịch (sau một thời gian ngắn, đồng chí Toại bị ốm, cụ Nguyễn Công Phương thay).

- Hồ Thiết: Phó chủ tịch.

- Trần Quý Hai, Nguyễn Quang Lâm: thường vụ phụ trách hành chính và tư pháp.

Và các ủy viên:

- Bùi Diệp: phụ trách công chánh kiêm thủy lâm.

- Huỳnh Chư: phụ trách tài chính.

- Võ Hựu: phụ trách tuyên truyền kiêm lao động.

- Nguyễn Duân: phụ trách kinh tế kiêm cứu tế.

- Phạm Kiệt: phụ trách quân sự.

xã. Cùng với cao trào cách mạng, không khí độc lập và tự do đã bao trùm lấy Quảng Ngãi¹.

Trong những ngày lịch sử sôi động này, cán bộ và chiến sĩ của Đội du kích Ba Tư đã hành động anh dũng, mau lẹ, kiên quyết, hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian quy định, góp phần tích cực vào thắng lợi chung của toàn tỉnh. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã chiến đấu dũng cảm, thực hiện trọn lời thề "Hy sinh vì Tổ quốc", mở đầu cho truyền thống chiến đấu vẻ vang của các lực lượng vũ trang Quân khu 5 sau này.

Câu hỏi 11: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, các chiến sĩ Ba Tư đã đóng vai trò nòng cốt xây dựng các đơn vị mới ở địa phương và là hạt nhân của các lực lượng vũ trang Liên khu 5 như thế nào?

Trả lời:

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, nhưng ở vào thế bị chủ nghĩa đế quốc bao vây bốn mặt và với tính chất triệt để chống chủ nghĩa đế quốc, lại ở vào vị trí đi đầu trong

1. Ngày cướp chính quyền ở các phủ, huyện, châu và tỉnh lỵ:

- Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tư, Minh Long, Đức Phổ và đôn Gi-lăng ngày 15-8-1945.

- Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành: ngày 16-8-1945.

- Mộ Đức: ngày 17-8-1945.

- Thị xã Quảng Ngãi: 28-8-1945 và ngày 30-8-1945 chính quyền nhân dân cách mạng Quảng Ngãi ra mắt đồng bào.

phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam châu Á nên cách mạng Việt Nam là đối tượng chống phá quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

Mặt khác, âm mưu tái chiếm Đông Dương của thực dân Pháp đã được hoạch định ngay từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng. Ngày 14 tháng 3 năm 1945, năm ngày sau khi Nhật hất cẳng Pháp ở Đông Dương, Đờ Gôn, lãnh tụ phái kháng chiến lưu vong đã nói rõ ý đồ đen tối đó: Đông Dương sẽ được thành lập theo kiểu liên bang gồm năm xứ (Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên và Ai Lao), Liên bang Đông Dương cùng với nước Pháp xây dựng thành khối Liên hiệp Pháp mà quyền đối ngoại phải do Pháp đại diện.

Ngay trước khi Cách mạng tháng Tám thành công, thực dân Pháp đã mở đầu kế hoạch tái chiếm Đông Dương bằng những cuộc nhảy dù biệt kích đưa bọn sĩ quan cai trị đến Việt Nam. Tiếp đến, ngày 22 tháng 8 khi nhân dân cả nước ta đang sôi nổi cướp chính quyền, thực dân Pháp lại nhờ máy bay của Không quân Hoàng gia Anh thả một tốp nhân viên xuống biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, trong đó có tên đại tá Xê-di được Đờ Gôn trao chức Ủy viên cộng hòa tại Nam Kỳ. Tiếp theo máy bay của quân Anh lại thả một tốp nhân viên khác xuống Hiền Sĩ phía tây Huế khoảng 15 ki-lô-mét.

Trong lúc đó, bọn phản động Tưởng Giới Thạch, núp dưới danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí quân Nhật, đang ráo riết thực hiện kế hoạch "Hoa quân nhập Việt",

với dã tâm tiêu diệt Đảng ta, giúp bọn phản động đánh đổ chính quyền nhân dân, thành lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng.

Giặc ngoài, thù trong hoành hành, đất nước đang trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc.

Tình hình trên, Đảng ta đã sớm nhận rõ, Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 8 đã khẳng định: *"Quân Đông minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục địa vị của chúng ở Đông Dương"*. Từ đó, Đảng ta đã đề ra những chủ trương, biện pháp cơ bản để đối phó với những khó khăn phức tạp nhất định sẽ diễn ra. Một vấn đề cơ bản mà Đảng ta hết sức quan tâm là xây dựng phát triển lực lượng cơ bản của cách mạng.

- Củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân, lực lượng chính trị hùng hậu của quần chúng có tổ chức chặt chẽ là nhân tố hết sức quan trọng để bảo vệ chính quyền nhân dân, chủ quyền dân tộc, là cơ sở vững chắc để xây dựng phát triển lực lượng mọi mặt của cách mạng.

- Trên cơ sở lực lượng chính trị hùng hậu mà thực hiện vũ trang toàn dân, hình thành và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân.

Ở Quảng Ngãi, sau khi chính quyền toàn tỉnh thành lập, các tầng lớp nhân dân, trong không khí phấn khởi chưa từng có của cách mạng, đã nô nức gia nhập Việt Minh, các hội cứu quốc trong Mặt trận, nhất là công nhân cứu quốc, nông dân cứu quốc, thanh niên cứu

quốc, phụ nữ cứu quốc phát triển mạnh mẽ. Đến cuối năm 1945, hội Công giáo cứu quốc, và hội Phật giáo cứu quốc cũng được thành lập. Khối công nông liên minh do giai cấp công nhân lãnh đạo là nền tảng của Mặt trận được mở rộng và củng cố vững chắc. Đây là lực lượng chính trị hùng hậu có tổ chức của quần chúng, giữ vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc bảo vệ chính quyền nhân dân. Nó cũng là nền tảng để thực hiện vũ trang toàn dân, để hình thành và phát triển lực lượng vũ trang trong tỉnh.

- Việc vũ trang toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang toàn tỉnh phát triển thuận lợi và nhanh chóng. Mỗi người dân, nhất là các hội viên cứu quốc đều hăm hở tìm sắm vũ khí. Ở nông thôn, các lò rèn ngày đêm tập trung rèn giáo, mác, mã tấu... Ở thị xã, thanh niên đi lục tìm súng đạn ở các kho, các nơi đóng quân của Nhật, của lính bảo an. Mọi người đều tìm cách trang bị cho mình một loại vũ khí để sẵn sàng bảo vệ cách mạng, bảo vệ Tổ quốc. Tất cả mọi người, già, trẻ, gái, trai kể cả thiếu niên đều tham gia luyện tập quân sự. Truyền thống chống ngoại xâm oanh liệt của tổ tiên đang trở lại dậy mạnh mẽ, quật cường. Trên các bãi tập suốt ngày đêm không lúc nào vắng người.

Trên cơ sở lực lượng chính trị rộng rãi và phong trào vũ trang toàn dân mạnh mẽ, việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân tiến hành khẩn trương trong toàn tỉnh.

Tự vệ cứu quốc và tiểu tổ du kích - lực lượng xung kích cùng với nhân dân nổi dậy giành chính quyền,

trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, được nhanh chóng củng cố và phát triển. Đây là công cụ chuyên chính bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ trật tự trị an trong thôn xóm, trấn áp bọn phản cách mạng. Đến cuối năm 1945, ở tất cả các thôn, xã ở nông thôn và đường phố của thị xã đều đã có tổ chức tự vệ. Nơi ít nhất cũng từ một đến hai trung đội nơi nhiều thì từ một đến hai đại đội, tạo nên một mạng lưới vũ trang cơ sở ở khắp rừng núi, đồng bằng, đô thị.

Việc xây dựng lực lượng vũ trang tập trung cũng được tiến hành hết sức khẩn trương.

Đội du kích Ba Tư, đơn vị vũ trang có tổ chức chặt chẽ và chất lượng cao, có kinh nghiệm hoạt động và chiến đấu được dùng làm nòng cốt để xây dựng các đơn vị mới.

Trong lúc cuộc đấu tranh giành cơ với quân Nhật ở thị xã chưa kết thúc, nhưng chấp hành chỉ thị của Xứ ủy một số cán bộ và chiến sĩ của đại đội Phan Đình Phùng và đại đội Hoàng Hoa Thám đã được tách ra làm bộ khung; đồng thời điều động một số tiểu tổ du kích và tự vệ chiến đấu của các huyện về gấp rút thành lập ba trung đội Trần Giã, Trần Thành, Võ Tuôi¹. Cuối tháng 8 năm 1945, đồng chí Nguyễn Chánh được bổ sung vào Xứ ủy và được cử làm Ủy viên trưởng quốc phòng Trung Bộ. Ba trung đội Trần Giã, Trần Thành, Võ Tuôi và một số cán bộ cùng ra Huế với đồng chí Nguyễn Chánh. Khi

1. Ba du kích hy sinh trong ngày khởi nghĩa.

đến Huế ba trung đội này đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ Xứ ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời Trung Bộ và đóng quân ở khu vực đồn Khố Xanh cũ đồn Mang Cá và thôn Vĩ Dạ bảo vệ Xứ ủy ở Tòa Khâm Sứ cũ. Các trung đội này cũng là đội quân danh dự trong buổi lễ thoái vị của Bảo Đại, ngày 30 tháng 8 năm 1945. Cuối tháng 9 năm 1945, khi quân Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch đến Huế, ba trung đội của ta lùi ra đứng chân trong khu vực An Hòa, vừa luyện tập vừa sẵn sàng chiến đấu¹.

Lực lượng còn lại của hai đại đội Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám được bổ sung thêm một số du kích dự bị và tự vệ cứu quốc cùng với hội viên thanh niên cứu quốc biên chế thành ba đại đội: Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Lương Ngọc Quyến.

Trên cơ sở ba đại đội này, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời của tỉnh theo sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương, quyết định thành lập chi đội Lê Trung Đình sau đó đổi thành Chi đội 2. Chi đội tổ chức theo hình thức tam tam chế: Đại đội có ba trung đội, trung đội có ba phân đội, phân đội có ba tiểu đội, tiểu đội có 12 người. Lực lượng chính của chi đội đóng ở thị xã Quảng Ngãi. Ở các vị trí xung yếu như Cổ Lũy (Tư Nghĩa), Sa Huỳnh (Đức Phổ) và miền Tây, mỗi nơi một trung đội, riêng Cầu Cháy (Bình Sơn) một đại đội. Nhiều chị em cũng xung phong gia nhập quân đội. Cuối tháng 8 năm

1. Theo lời kể của đồng chí Nguyễn Văn Tiến - trung đội trưởng trung đội Trần Giã và Trần Quán - chiến sĩ trung đội Trần Thành. Dẫn theo "Lịch sử đội du kích Ba Tơ", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 140.

1945, tỉnh thành lập trung đội nữ giải phóng quân Minh Khai.

Cùng với việc làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, nhiều cán bộ và chiến sĩ của Đội du kích Ba Tơ còn được điều đi giúp xây dựng các đơn vị giải phóng quân một số tỉnh theo chỉ thị của Ủy viên trưởng quốc phòng Trung Bộ hoặc theo yêu cầu của địa phương.

Từ cuối tháng 8 năm 1945 một phân đội du kích Ba Tơ đã cùng với các đồng chí Lê Văn Đức, Nguyễn Khoách, Võ Bẩm vào giúp tỉnh Phú Yên xây dựng Chi đội 4. Khi Chi đội 4 chuyển thành Trung đoàn 79, đồng chí Võ Bẩm được chỉ định làm Chính ủy, đồng chí Nguyễn Khoách làm Trung đoàn phó¹.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tỉnh Quảng Nam thành lập Chi đội Trần Cao Vân do các đồng chí Phan Quang Trọng làm Chi đội trưởng và đồng chí Võ Toàn làm Chính trị ủy viên. Sau một thời gian, đồng chí Võ Toàn chuyển sang công tác khác. Theo điều động của trên, đồng chí Nguyễn Nhạn nguyên chính trị viên Trung đội Ngô Đán của Đại đội Hoàng Hoa Thám ra làm Chính ủy, cùng với đồng chí Nguyễn Nhạn còn có một bộ phận cán bộ và chiến sĩ du kích Ba Tơ được điều ra tăng cường cho công tác chỉ huy và huấn luyện. Giữa năm 1946, đồng chí Nguyễn Nhạn mất ở Hội An.

1. Khi là Chi đội 4, đồng chí Lê Văn Đức làm Chi đội trưởng, nhưng lúc này được điều lên làm Chi đội trưởng Chi đội ở Kon Tum.

Ở Bình Định, ngày 4 tháng 9 năm 1945, tỉnh thành lập Chi đội Phan Đình Phùng gồm ba đại đội Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Huệ, Mai Xuân Thưởng. Nhưng theo lệnh của Ủy viên trưởng quốc phòng Trung Bộ, Quảng Ngãi đưa Đại đội Hoàng Hoa Thám, do đồng chí Phan Phong chỉ huy vào đóng ở thành Bình Định. Tháng 10 năm 1945, Đại đội Hoàng Hoa Thám được điều lên Gia Lai, bổ sung thêm số thanh niên mới nhập ngũ của tỉnh và tổ chức thành Chi đội Tây Sơn gồm ba đại đội Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ. Đồng chí Phan Phong làm Chi đội trưởng, đồng chí Võ Văn Dật - Chi đội phó, đồng chí Phan Thêm - Chính trị ủy viên.

Ở Gia Lai, khi được Xứ ủy cử vào tăng cường chỉ đạo phong trào, đồng chí Phan Thêm đã rút bảy cán bộ và chiến sĩ trong đơn vị du kích Ba Tơ được điều ra bảo vệ Xứ ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời Trung Bộ, vào làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh. Trong lúc đó, đồng chí Trần Thông - cán bộ Việt Minh của huyện An Khê, trực tiếp ra Quảng Ngãi yêu cầu và tỉnh Quảng Ngãi đã cử hai đồng chí Châu Khải Dịch và Nguyễn Thứ cán bộ trung đội vào giúp An Khê về mặt quân sự¹.

Ở Kon Tum, tháng 12 năm 1945, khi thành lập Chi đội 7, Ủy ban kháng chiến Nam Việt Nam đã điều đồng chí Lê Văn Đức từ Phú Yên lên làm Chi đội trưởng, đồng chí Lê Tự Thắng làm Chính trị ủy viên, đồng thời

1. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia 1996, tr. 90.

điều một trung đội du kích Ba Tư lên làm nòng cốt xây dựng Chi đội¹.

Riêng Chi đội 2, từ lúc thành lập đã liên tục đưa lực lượng đi làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang cho nhiều tỉnh ở Nam Trung Bộ và từ 23 tháng 9 năm 1945 đã đưa nhiều đơn vị đi chiến đấu ở các chiến trường theo lệnh của Bộ Tổng Tham mưu và của Ủy viên trưởng quốc phòng Trung Bộ, nên đã liên tục tuyển quân, liên tục xây dựng các đơn vị mới. Tháng 2 năm 1946 trước yêu cầu chuẩn bị chiến đấu của các mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, đường 21 - Buôn Ma Thuột, đường 19 - Plây Cu, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam đã điều Chi đội vào đứng chân trong khu vực bắc Bình Định - nam Quảng Ngãi. Sở Chỉ huy Chi đội đứng ở Bồng Sơn, sẵn sàng làm nhiệm vụ cơ động theo yêu cầu chiến đấu. Tháng 4 năm 1946, Chi đội 2 đổi tên thành Trung đoàn 94.

Vừa làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang trong tỉnh, vừa đưa cán bộ, chiến sĩ đi làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang cho nhiều tỉnh ở miền Trung Đội du kích Ba Tư - trung tâm của cao trào chống Nhật, cứu nước ở Nam Trung Bộ² trước Cách mạng tháng Tám cũng chính là hạt nhân của các lực lượng vũ trang Liên khu 5³ trong thời kỳ đầu xây dựng sau Cách mạng tháng Tám.

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum*. Sơ thảo, trang 66.

2, 3. *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tr. 154.

Câu hỏi 12: Tóm tắt những hoạt động chính của các chiến sĩ du kích Ba Tơ cùng các đơn vị bạn trên các mặt trận ở miền Nam Việt Nam và Trung Lào trong năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trả lời:

Sau ngày Độc lập, tình hình chuẩn bị kháng chiến của đất nước ta từ cuối tháng 9 năm 1945 ngày một khẩn trương.

Riêng ở chiến trường phía Nam, từ đầu tháng 9 năm 1945, với danh nghĩa vào tước khí giới quân Nhật, sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh đã đổ bộ vào Sài Gòn, kéo theo một số đơn vị quân Pháp để giúp cho Pháp tái chiếm Đông Dương, trước tiên là chiếm lại khu vực từ vĩ tuyến 16 trở vào.

Đến ngày 22 tháng 9 năm 1945, lực lượng quân địch ở Sài Gòn đã lên đến 10 nghìn tên, gồm:

- Quân Anh: 1 lữ đoàn 2.500 tên.

- Quân Pháp: 1 tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5èRIC) 600 tên và số tù binh của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11 (11èRIC) vừa mới được quân Anh thả ra và trang bị 1.500 tên, thường dân Pháp được vũ trang 500 người.

- Quân Nhật: 5.000 tên (khoảng 7 tiểu đoàn).

Ngoài ra, sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 (9èRIC) của quân Pháp đang trên đường sang Đông Dương; quân Nhật khoảng 4 vạn tên đóng ở hầu hết các tỉnh từ phía Nam vĩ tuyến 16 trở vào.

Cuộc chiến tranh sắp bùng nổ trong tình thế so sánh lực lượng không có lợi cho ta.

Tin quân Pháp trở lại và hành động tráo trở của quân Anh, quân Nhật, làm sôi sục lòng dân cả nước.

Ngày 8 tháng 9 năm 1945, hai ngày sau khi quân Anh vào Sài Gòn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố:

"Nhân dân Việt Nam hoan nghênh quân Đồng minh kéo vào Việt Nam để tước khí giới quân Nhật, nhưng kiên quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam vì mục đích của họ chỉ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa.

Hỡi quốc dân đồng bào!

Hiện một số quân Pháp để lọt vào nước ta.

Đồng bào hãy sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu"¹.

Đã tâm của thực dân Pháp đã rõ. Cuộc chiến đấu mà Đảng, Chính phủ và nhân dân ta không muốn nhất định sẽ xảy ra.

Với sự đồng lõa của Đa Glót Grây-xi (Doug Los Gracely) - tư lệnh sư đoàn Hoàng gia Anh, quân Pháp hành động mỗi ngày một trắng trợn. Tình thế mỗi lúc một khẩn trương.

Tinh thần bảo vệ độc lập, bảo vệ chính quyền nhân dân hừng hực trong toàn dân khắp cả nước.

1. Những lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội 1960, tr. 19.

Ở Quảng Ngãi, thanh niên nô nức nhập ngũ. Chi đội 2 vừa mới thành lập liên tục đưa quân đi giúp các tỉnh bạn theo sự chỉ đạo của trên. Đơn vị này vừa lên đường, đơn vị khác được thành lập ngay để sẵn sàng chiến đấu.

Giữa lúc đó, đêm ngày 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp được quân Anh giúp sức, trắng trợn nổ súng ở Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Chiều ngày 23 tháng 9 năm 1945, Thường vụ Trung ương Đảng họp khẩn cấp, hạ quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và kêu gọi nhân dân cả nước chi viện sức người, sức của cho nhân dân Nam Bộ.

Đêm ngày 23 tháng 9 năm 1945, Bộ Tổng Tham mưu điện khẩn cho các tỉnh Nam Trung Bộ - địa bàn gần Nam Bộ nhất, yêu cầu đưa ngay lực lượng vào chi viện cho Sài Gòn.

Cuộc kháng chiến đã diễn ra ở Nam Bộ, sớm muộn gì cũng sẽ lan ra Nam Trung Bộ. Hội nghị Quân sự của Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Trung Bộ do Ủy viên trưởng quốc phòng Nguyễn Chánh chủ trì đã quyết định:

1. Giữ vững giao thông suốt để chi viện cho Nam Bộ kháng chiến.

2. Huy động quần chúng tuần hành, thị uy chống quân Pháp, quân Anh xâm lược, đồng thời uy hiếp quân Nhật bằng quân sự, binh vận.

3. Điều động lực lượng quân sự ở các tỉnh phía Bắc vào tăng cường cho các tỉnh cực Nam.

4. Thành lập Ủy ban quân chính Nam Trung Bộ.

Tiếp theo, Ủy viên trưởng Quốc phòng Trung Bộ cử đồng chí Nguyễn Đôn và ông Phan Tử Lăng làm phái viên đi kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu ở các tỉnh Nam Trung Bộ.

Trên tư thế người dân nước độc lập, với khí thế sục sôi nhiệt huyết của những ngày khởi nghĩa tháng Tám, quân và dân Quảng Ngãi sôi sục căm thù địch, một lòng hướng về Nam Bộ, hết lòng chi viện Nam Bộ kháng chiến.

Nhận được điện hỏa tốc của Trung ương, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Quảng Ngãi đã ra lệnh cho Chi đội 2 đưa ngay một đại đội vào Nam Bộ.

Nam tiến, vào Nam chiến đấu là nguyện vọng thiết tha, là niềm khát khao cháy bỏng của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Bắc, miền Trung. Ngày 24 tháng 9 năm 1945, một đại đội giải phóng quân Lê Trung Đình¹, do đồng chí Bùi Truyền Nga làm đại đội trưởng và đồng chí Hoàng Minh Thi làm Chính trị viên lên tàu hỏa vào Nam chiến đấu.

Hai ngày sau, ngày 26 tháng 9 năm 1945, Chi đội 3 (sau này gọi là Chi đội Nam Long) làm lễ xuất phát tại thị xã Thanh Hóa và lên tàu hỏa vào Nam Bộ.

Từ ngày đó, không ngày nào không có những toa tàu chở những đoàn quân Nam tiến hối hả băng về phương Nam.

1. Tên gọi tỉnh Quảng Ngãi sau Cách mạng tháng Tám.

Cũng từ ngày đó, lần lượt hết đơn vị này đến đơn vị khác của Quảng Ngãi - mà nòng cốt là cán bộ, chiến sĩ du kích Ba Tơ tiến vào Sài Gòn, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và phần lớn các chiến trường nóng bỏng ở Nam Trung Bộ hợp sức cùng quân và dân Nam Bộ quyết sống mái với kẻ thù.

*** Trên Mặt trận Bắc Sài Gòn và Đông Nam Bộ**

Kế hoạch của thực dân Pháp là đánh chiếm thành phố Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ trong bốn tuần, tiếp theo, sẽ phát triển đánh chiếm khu vực còn lại của nước ta từ vĩ tuyến 16 trở vào. Nhưng sau một tuần chiến đấu, chúng vẫn bị quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định vây chặt trong thành phố. Bị lâm vào cảnh không điện, thiếu nước, thiếu lương thực, thực phẩm... quân Pháp không còn cách nào khác là vờ xin hoãn binh để chờ quân tiếp viện. Biết rõ thủ đoạn của địch, nhưng để biểu thị lập trường chính nghĩa, đồng thời tranh thủ thời gian củng cố lực lượng, tổ chức thế trận, Ủy ban nhân dân Nam Bộ thỏa thuận ngừng bắn một tuần. Lúc này đại đội Lê Trung Đình do các đồng chí Bùi Truyền Nga và Hoàng Minh Thi chỉ huy đã vào đến bắc Sài Gòn, để chuẩn bị chiến đấu, bộ phận trinh sát của đại đội đã vào nắm địch ở khu vực Hàng Xanh.

Cuối tháng 9 năm 1945 trong một cuộc họp ở Chợ Lớn do ông Trần Văn Giàu chủ trì, quyết định thành lập ba mặt trận ở vòng ngoài tại Bắc, Nam và Trung Sài Gòn. Chiến đấu tại Mặt trận bắc Sài Gòn, có các đơn vị vũ trang địa phương và một số đơn vị Nam tiến và Đội

du kích Ba Tơ¹. Để thuận lợi cho việc chỉ huy chiến đấu, Ban chỉ huy Mặt trận bắc Sài Gòn quyết định sáp nhập đại đội Lê Trung Đình vào Chi đội 3. Lúc này đồng chí Mông Phúc Thơ - Chi đội trưởng Chi đội 3 được cử làm Ủy viên Quân sự Mặt trận Bắc Sài Gòn, đồng chí Nam Long - nguyên là Chính trị viên chuyển sang làm Chi đội trưởng, đồng chí Bùi Truyền Nga giữ chức Chính trị viên Chi đội. Từ đây Chi đội 3 là Chi đội Nam Long.

Có thêm quân tăng viện, ngày 12 tháng 10 năm 1945 quân Pháp đánh nong ra bắc và đông bắc Sài Gòn. Đại đội Lê Trung Đình đã chiến đấu với quân địch ở Hàng Xanh, cầu Bình Lợi, sau đó cùng Chi đội Nam Long lùi về Thủ Đức. Ở đây, một sĩ quan Nhật tìm gặp đồng chí Hà Huy Giáp - một trong những người lãnh đạo Mặt trận bắc Sài Gòn báo tin: Chúng đã nhận được lệnh đánh vào phía sau quân ta và đề nghị đánh nhau sẽ không có lợi cho ta, vậy ta nên rút lui. Khi rút lui hai bên cùng bắn chỉ thiên. Ngày 23 tháng 10 năm 1945, Chi đội Nam Long (bao gồm cả đại đội Lê Trung Đình) rút về đến Xuân Lộc. Tại đây Chi đội tiếp tục đánh nhau với quân Nhật. Trong một trận chiến đấu ở gần ngã ba Dầu Giây, hai chiến sĩ Nguyễn Tỏa và Lê Mạnh của đại đội Lê Trung Đình đã anh dũng hy sinh. Đầu tháng 11 năm 1945, Chi đội Nam Long lùi về Bình Thuận.

Sau những trận đánh với quân Nhật ở ngã ba Dầu Giây, một bộ phận của đại đội Lê Trung Đình do đồng

1. *Miến Đông Nam Bộ kháng chiến 1945-1975*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, tr. 59.

chí Hoàng Minh Thi chỉ huy không rút cùng Chi đội về Bình Thuận mà ở lại chiến đấu và lùi dần về Tân Uyên. Đầu tháng 1 năm 1946 bộ phận này cùng với một bộ phận của Chi đội Nam Long do Hồng An chỉ huy phụ trách Mặt trận B Tân Uyên. Hồng An là chỉ huy trưởng và Hoàng Minh Thi là Chính trị viên Mặt trận B¹.

* Ở đồng bằng sông Cửu Long: Cuối tháng 10 năm 1945, đồng chí Vũ Đức (Hoàng Đình Giong) từ Ủy ban Quân chính nam phần Trung Bộ (Ninh Hòa) đi theo đường 14 vào miền Đông công tác. Để bảo vệ đồng chí Vũ Đức, ta đã tổ chức một đại đội do đồng chí Hồng An chỉ huy. Trong đó có một trung đội giải phóng quân Quảng Ngãi do đồng chí Tôn Long Niêm phụ trách. Đơn vị vào đến chiến khu Thuận Lợi (tỉnh Bình Phước hiện nay), trung đội đồng chí Tôn Long Niêm do đồng chí Hồng An chỉ huy được lệnh đánh địch ở đồn điền Đa Kia giành thắng lợi, thu nhiều chiến lợi phẩm. Trong trận này đồng chí Tôn Long Niêm đã anh dũng hy sinh.

Đầu tháng 11 năm 1945, tại chiến khu Thuận Lợi đơn vị được lệnh tuyển chọn một trăm cán bộ và chiến sĩ lập thành một đơn vị lấy tên là trung đội Đỗ Trữ do Nguyễn Bá chỉ huy để làm nhiệm vụ bảo vệ đồng chí Vũ Đức xuống làm khu trưởng Khu 9².

Lúc này quân Pháp đã đánh rộng ra miền Đông Nam Bộ cũng như các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Từ

1. *Phong trào Nam tiến*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr. 164.

2. Đỗ Trữ là tên một chiến sĩ của trung đội Huỳnh Quang Lầu hy sinh ngày 3 tháng 10 năm 1945 khi đánh nhau với quân Nhật ở đèo Rọ Tượng - Khánh Hòa. Trong trung đội này có một số cán bộ, chiến sĩ tỉnh Bình Định.

chiến khu Thuận Lợi, trung đội bảo vệ đồng chí Vũ Đức xuyên rừng xuống Long Thành (Bà Rịa). Từ đây, lúc đi đường bộ, lúc đi đường sông, trung đội đã vượt qua Tuy Hạ, Cần Giò, qua cửa Bình Đại vào Bến Tre. Từ Bến Tre, trung đội bảo vệ đồng chí Vũ Đức qua Vĩnh Long, Trà Vinh đến Cầu Ngang thì gặp lực lượng vũ trang địa phương và địch đang đánh nhau. Theo đề nghị của địa phương, sau khi bố trí mai phục một ngày đêm nhưng không gặp địch, đơn vị lại tiếp tục bảo vệ đồng chí Vũ Đức hành trình về Khu 9. Sau khi vượt sông Hậu, trung đội đã bắt liên lạc được với đồng chí Thanh Sơn (Nguyễn Văn Tây) - Thanh tra Chính trị miền Tây. Đến ngày 15 tháng 12 năm 1945, trung đội bắt liên lạc được với đồng chí Phan Trọng Tuệ ở Long Mỹ. Lúc này quân Pháp đang tiến công Long Mỹ bằng cả hai đường sông và đường bộ. Sau khi phối hợp với các đơn vị địa phương đánh địch, trung đội rút về Cái Trần, Mỹ Phước, tiếp đó rút và đóng quân ở Phước Long. Đây cũng là nơi đồng chí Vũ Đức chọn làm Sở chỉ huy tạm thời, lúc này đúng vào Tết Nguyên đán năm Bính Tuất (1946). Tại đây đã có một số đơn vị của các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá và bộ đội Thoại Sơn (Việt kiều ở Cam-pu-chia).

Ngày 15 tháng 2 năm 1946, quân Pháp đánh vào Phước Long, trung đội trưởng Nguyễn Bá được cử làm chỉ huy trưởng tất cả các đơn vị đang chiến đấu tại đây. Nhiệm vụ của các đơn vị là phải kiên quyết đánh và chặn địch từ 10 ngày đến 1 tháng để sở chỉ huy của Khu có đủ thời gian chấn chỉnh lực lượng và chuyển về an toàn khu ở Cà Mau. Tuy lực lượng kém hơn địch nhiều

lần, nhưng các đơn vị đã đánh lui nhiều cuộc tiến công của quân Pháp, diệt nhiều địch thu hàng chục súng cơ bản giữ vững trận địa cho đến khi có Hiệp định sơ bộ - ngày 6 tháng 3 năm 1946.

Sau một thời gian chiến đấu, trung đội rút về bảo vệ căn cứ của Khu 9 gồm 3 xã Khánh An, Khánh Bình, Khánh Lâm ở Cà Mau. Tại đây trung đội tiếp tục chiến đấu anh dũng, diệt được nhiều địch trong các trận đánh ở Tân Bàng, Cán Gáo, Rạch Cái Sắt, chợ Huyện Sủ...

Sau Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946, Khu trưởng Vũ Đức được lệnh trở về Trung ương. Trung đội cử một tiểu đội do tiểu đội trưởng Nguyễn Biểu chỉ huy bảo vệ đồng chí Vũ Đức đến địa phận tỉnh Trà Vinh an toàn. Sau khi bàn giao nhiệm vụ cho đơn vị bạn, tiểu đội trở về trung đội. Từ đây trung đội lấy phiên hiệu là trung đội 22 thuộc đại đội 66, tiếp tục chiến đấu ở đồng bằng sông Cửu Long cho đến khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc.

Với quân số 100 người, trung đội 22 đã chiến đấu liên tục trên các địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long cho đến ngày ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7 năm 1954); 97 cán bộ và chiến sĩ của trung đội đã vĩnh viễn nằm lại trên những dòng sông và những cánh đồng bát ngát của đồng bằng Nam Bộ.

Bộ phận còn lại của trung đội phối hợp với đơn vị do Hồng An chỉ huy (đơn vị này là của Chi đội Nam Long tách ra bảo vệ đồng chí Vũ Đức từ ga Lương Sơn, Khánh Hòa) lên Thuận Lợi đánh địch ở phía bắc Sông Bé. Sau

khi trung đội trưởng Tôn Long Niêm hy sinh. Lực lượng còn lại rút về hướng biên giới. Riêng một tiểu đội ở lại bảo vệ Chiến khu Thuận Lợi. Sau một thời gian chiến đấu tiểu đội còn một tổ ba người do Nguyễn Hoài làm tổ trưởng rút về Tân Uyên.

*** Trên Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa:** Cuối tháng 9 năm 1945, Ủy ban Quân chính Nam Trung Bộ do đồng chí Phạm Kiệt làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Đôn làm Phó ban và đồng chí Trương Quang Giao làm Chính trị ủy viên đã chuyển vào Khánh Hòa. Sở chỉ huy đặt tại ngôi đình của xã Ninh Phụng, huyện Ninh Hòa.

Tình hình chiến sự ở Nha Trang lúc này cũng rất khẩn trương. Theo lệnh của quân Anh, tàn quân Nhật ở Nha Trang bung ra lấn chiếm một số vị trí quan trọng, như: Nhà ga, nhà máy đèn, nhà máy nước... sẵn sàng phối hợp hành động khi quân Pháp từ ngoài đánh vào nhằm cắt đường chi viện của miền Bắc và miền Trung cho Nam Bộ; đồng thời chuẩn bị bàn đạp cho các cuộc hành quân đánh chiếm vùng Duyên Hải miền Trung từ vĩ tuyến 16 trở vào.

Ngày 1 tháng 10 năm 1945, quân Nhật theo lệnh phái bộ Anh kéo đến bao vây, đặt súng máy phong tỏa cổng ra vào trụ sở Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa rồi xông vào để bắt cán bộ lãnh đạo của ta. Nhưng ta đã bí mật di chuyển cơ quan đi nơi khác nên chúng chỉ bắt được một nhân viên đem về giam giữ. Ngày 6 đến ngày 12 tháng 10 năm 1945, quân Pháp liên tiếp đổ quân vào Nha Trang rồi cùng quân

Nhật chiếm thêm một số mục tiêu quan trọng khác trong đó có cảng Cầu Đá, đồng thời cho hải quân phong tỏa vùng biển từ Vũng Rô vào đến Cam Ranh. Đến giữa tháng 10 năm 1945, lực lượng địch ở Nha Trang có một sư đoàn bộ binh (thiếu) của Nhật, khoảng 6.000 quân; quân Pháp khoảng 1.200 tên bao gồm số quân mới đổ bộ vào số lính Pháp và viên chức; dân thường bị Nhật bắt giam trong cuộc đảo chính ngày 9 tháng 3 năm 1945, vừa được quân Anh thả ra và trang bị vũ khí.

Về phía ta, ở Nha Trang lúc này có đại đội tự vệ Nha Trang, đại đội Phan Diệt của tỉnh Lê Trung Đình do đại đội trưởng Lê Kích chỉ huy. Theo kế hoạch của Ban chỉ huy Mặt trận Nha Trang, đại đội tự vệ Nha Trang thông thạo địa hình bố trí xen kẽ với các đơn vị Nam tiến. Cũng theo kế hoạch này, một trung đội của đại đội Phan Diệt và một đơn vị tự vệ Nha Trang bao vây các đơn vị địch ở nhà ga, nhà đèn, sở thuốc, khách sạn Bô Ri-va-giơ (Beau Rivage), Gờ-răng Hô-tên (Grand Hotel); trung đội thứ hai cùng một đơn vị tự vệ Nha Trang bố trí ở khu vực đồi Trại Thủy, Mã Vòng ở cửa ngõ phía tây Nha Trang, nơi tập trung đầu mối giao thông từ Nha Trang đi Diên Khánh. Lực lượng còn lại của đại đội bố trí trong khu vực cầu Xóm Bống. Ở phía sau, trung đội Huỳnh Quang Lâu của tỉnh Lê Trung Đình do trung đội trưởng Võ Trung Thành (Hy) chỉ huy bố trí ở khu vực ngã ba đường 21 và đường xe lửa (Ninh Hòa)¹ làm nhiệm vụ bảo vệ sở chỉ huy của Ban quân chính Nam

1. Ninh Hòa có một đại đội Nhật đóng ở trường Ninh Hòa.

Trung Bộ; đồng thời cơ động chiến đấu theo mệnh lệnh. Đầu tháng 10 năm 1945, khi đại đội Thuận Hóa vào đến Nha Trang, Ban chỉ huy Mặt trận tăng cường cho Mặt trận Xóm Bóng một phân đội do Võ Quang Hồ chỉ huy. Ban chỉ huy Mặt trận Xóm Bóng, do Lê Kích làm chỉ huy trưởng và Võ Quang Hồ làm chỉ huy phó. Trong lúc đó quân Nhật do sự thúc ép của phái bộ Anh vẫn liên tục khiêu khích. Nhiều cuộc xung đột nhỏ đã diễn ra. Trong một cuộc chiến đấu ngày 3 tháng 10 năm 1945 ở đèo Rọ Tượng, đồng chí Đỗ Trữ (người xã Đức Minh - Mộ Đức) đã anh dũng hy sinh. Đây là người chiến sĩ Nam tiến đầu tiên của Quảng Ngãi hy sinh ở Mặt trận Khánh Hòa - Nha Trang.

Ngày 19 tháng 10 năm 1945, quân Pháp lại tiếp tục đổ bộ vào Nha Trang và cho hai trung đội đổ lên Hòn Cau. Tình hình càng thêm căng thẳng. Ban chỉ huy Mặt trận Nha Trang điều một số phân đội của tỉnh Lê Trung Đình và Thuận Hóa áp sát một số mục tiêu của địch ở trung tâm thị xã và hai trung đội của tỉnh Lê Trung Đình chiếm các điểm cao núi Một, miếu Sinh Trung, khu vực đầu cầu Hà Ra. Thế bố trí của ta lúc này gồm hai tuyến:

- Tuyến trong áp sát các vị trí đóng quân của địch ở trung tâm thị xã.

- Tuyến ngoài dọc theo các con sông và một số điểm cao hình thành một vòng cung ở phía bắc và phía tây thị xã.

Mệnh lệnh chiến đấu đã phổ biến đến các đơn vị. Cán bộ và chiến sĩ đang ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Chiều ngày 22 tháng 10 năm 1945, quân Nhật từ trung tâm thị xã nổ súng ra và nổ súng vào một số vị trí quân ta đang chiếm lĩnh. Tại đồi Trại Thủy, quân Nhật từ thị xã ra kết hợp với số quân đang ở tháp nước trên đỉnh đồi hai mặt đánh vào khu vực ta đang bố trí. Cùng lúc quân Nhật cũng tiến công vào trận địa ta ở khu vực miếu Sinh Trung. Các phân đội Lê Trung Đình ở các nơi này đã anh dũng chiến đấu, đánh bật tất cả các đợt tiến công của địch.

Địch đã gây chiến. Đêm 22 tháng 10 năm 1945, Ban chỉ huy Mặt trận Nha Trang do đồng chí Trần Chí Hiền - Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Mô - Chính trị ủy viên và đồng chí Hà Văn Lâu - Tham mưu trưởng hạ lệnh tiến công.

3 giờ sáng, tiếng mìn do đồng chí Lê Biên - chiến sĩ Lê Trung Đình phát hỏa trên đỉnh đồi Rù Rì là hiệu lệnh chung cho toàn Mặt trận.

Ở khách sạn Bô-ri-va-giơ (nay là khách sạn Hải Yến), đồng chí Phạm Rôi (người An Thạch, Phổ An, Đức Phổ) là người xung phong đầu tiên và cũng là người chiến sĩ đầu tiên anh dũng hy sinh ở Mặt trận Nha Trang¹.

Ở khu vực nhà máy đèn, một phân đội của tỉnh Lê Trung Đình có sự phối hợp của lực lượng trinh sát và tự vệ đã bí mật áp sát mục tiêu bất ngờ dùng lưới lê giết lính gác rồi đồng loạt xung phong dùng lựu đạn và chai xăng diệt địch. Bị đánh bất ngờ, quân địch vô cùng hỗn

1. Tên của liệt sĩ Phạm Rôi được dùng để đặt tên cho đơn vị Lê Trung Đình lên chiến đấu ở Mặt trận Buôn Ma Thuột - đường 21.

loạn. Quân Nhật đóng ở kho bạc vội kéo qua ứng cứu. Bộ phận đánh chặn của ta tìm chân địch ở ngã tư Y-éc-sanh - Hoàng Hoa Thám. Ba mươi phút sau, một toán quân Nhật khác theo đường Lý Thánh Tông đến tiếp cứu. Sau một thời gian chiến đấu giằng co, lực lượng ta rút khỏi trận địa.

Ở sở thuộc và khu vực Chợ Mới, hai phân đội khác của tỉnh Lê Trung Đình có sự phối hợp của tự vệ Nha Trang đã vây chặt và liên tục tiến công, tiêu diệt và làm bị thương nhiều địch. Trưa ngày 23 tháng 10 năm 1945 địch cho quân tiếp viện. Lực lượng ta lần lượt rút lên khu vực máy nước, phối hợp với một bộ phận của đại đội Thuận Hóa đang bố trí ở đây, tiếp tục đánh địch.

Trong lúc đó các đơn vị tự vệ Nha Trang và đại đội Thuận Hóa cũng dồn dập tiến công quân địch ở nhà ga, kho đạn Bình Tân, sân bóng đá...

Suốt ngày 23 tháng 10 năm 1945, tiếng súng tiến công của ta nổ liên tục khắp nơi trong thị xã. Tối ngày 23, theo lệnh Ban chỉ huy Mặt trận, đại đội Lê Trung Đình rút khỏi thị xã và lợi dụng dòng sông Cái chiếm lĩnh các điểm cao Cù Lao, tháp Pô-na-ga, đồi La San, núi Sạn, hình thành tuyến chiến đấu bờ bắc sông Cái, bịt chặt cầu Xóm Bóng. Ban chỉ huy Mặt trận tăng cường thêm một trung đội Thuận Hóa làm nhiệm vụ chiếm giữ núi Sạn.

Ngày 26 tháng 10, quân địch đánh vào khu vực đại đội Lê Trung Đình đang chiếm giữ ở Mã Vòng. Dựa vào ưu thế binh lực và hỏa lực, chúng dồn dập mở nhiều đợt tiến công. Đại đội trưởng Lê Kích rời sở chỉ huy xuống trực tiếp chỉ huy các phân đội chiến đấu. Các đồng chí

Bình, Đức đã chỉ huy đơn vị đánh bại các đợt xung phong của địch và cuối cùng đánh bật địch ra khỏi trận địa. Trung đội phó Hoàng Công Minh bị thương nặng ở chân, hai tên địch từ hai hướng xông lên. Đại đội trưởng Lê Kích dùng tiểu liên bắn gục cả hai tên địch, tạo điều kiện để đồng đội đưa thương binh về phía sau.

Pháo hạm địch bắn phá cả ngày đêm, bắn sâu vào hậu cứ của ta ở Đồng Trăng, Đất Sét. Ban đêm, pháo sáng của địch soi sáng khắp vùng. Địch vẫn liên tục tiến công để phá vỡ vòng vây. Vừa đánh địch, giữ vững trận địa, các chiến sĩ của đại đội Lê Trung Đình còn mưu trí, táo bạo dùng từng tổ nhỏ vượt sông vào quấy rối tiêu hao địch trong thị xã.

Từ giữa tháng 11 năm 1945, Mặt trận Nha Trang được tăng cường thêm các chi đội Thu Sơn từ miền Bắc vào, Chi đội Nam Long và một số đơn vị từ Nam Bộ rút ra¹.

1. Chi đội Nam Long đến Khánh Hòa ngày 5 tháng 10 năm 1945 nhưng đi luôn vào miền Đông Nam Bộ, đầu tháng 12 năm 1945 mới ra đến Nha Trang, các đơn vị khác của Nam Bộ lúc này cũng mới rút ra đến Nha Trang.

- Chi đội Thu Sơn, cuối tháng 10 năm 1945 mới xuất phát ở ga Đồng Giao. Đầu tháng 11 năm 1945 mới đến Ninh Hòa và nhận lệnh của Ủy ban quân chính Nam Trung Bộ tăng cường cho Nha Trang.

- Chi đội Bắc Bắc xuất phát ở Bắc Giang ngày 10 tháng 1 năm 1946, đến Nam Định tiếp nhận thêm 1 trung đội của Quảng Yên, ngày 17 hoặc 18 tháng 1 năm 1946 mới đến Quảng Ngãi. Khi đi vào Phú Yên, trung đội Quảng Yên tách ra lên Mặt trận Buôn Ma Thuột. Lực lượng còn lại ở Bắc Bắc vào Nha Trang.

- Đầu tháng 11 năm 1945, Chi đội Vi Dân mới xuất phát ở ga Ghềnh (Ninh Bình), đến Quảng Ngãi chia làm 3 bộ phận: một đi Plây Cu, một đi Đắc Lắc, một đi Phú Yên, không đơn vị nào vào Nha Trang.

- Chi đội độc lập đêm giao thừa, 1 tháng 2 năm 1946 ăn Tết ở Huế, sau đó vào Quảng Ngãi rồi phân đi các chiến trường Tây Nguyên, không đơn vị nào đi Nha Trang.

Ngày 11 tháng 11 năm 1945, quân Pháp đưa thêm một tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5èRIC) đến Nha Trang. Ngày 22 tháng 11 năm 1945 địch mở cuộc tiến công vào các phòng tuyến của ta ở cả phía bắc và phía nam.

Ở phía bắc, các chiến sĩ Lê Trung Đình dựa vào hệ thống công sự kiên cố, địa hình có lợi đã đánh bại tất cả các đợt tiến công của địch, giữ vững trận địa; bảo đảm cho tàu hỏa vẫn vào đến ga Lương Sơn, đưa các đơn vị Nam tiến, vũ khí, lương thực chi viện cho Nam Bộ.

Ở phía nam, các chiến sĩ Thuận Hóa và Chi đội Thu Sơn mới vào chiến trường anh dũng chiến đấu, đánh bại nhiều đợt tiến công của quân Pháp, ở khu vực ga Phú Vinh.

Chi đội Nam Long, trong đó có đơn vị Lê Trung Đình do đồng chí Bùi Truyền Nga chỉ huy từ Đông Nam Bộ rút ra lần lượt tham gia đánh quân Nhật ở thị xã Phan Thiết (từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 11), sau đó cơ động ra Phan Rang bằng tàu hỏa và ô tô. Từ ngày 17 đến ngày 24 tháng 11 năm 1945, đơn vị này phối hợp cùng các đơn vị vũ trang của tỉnh Ninh Thuận liên tục tiến công quân Nhật đang chiếm giữ một số vị trí trong thị xã Phan Rang. Tại đây đã có một trung đội Lê Trung Đình do Cao Thanh Trà chỉ huy cùng tham gia chiến đấu. Quân Nhật một số bị tiêu diệt, số còn lại vượt sông Dinh tháo chạy về phía Vườn Xoài, Đá Trắng, nhưng bị bộ phận bao vây của ta diệt một số tên. Trong trận này *"Trung đội Lê Trung Đình và 27 cảm tử quân Dự*

Khánh, chiến đấu rất dũng cảm, người trước ngã, người sau tiến lên anh dũng xông vào diệt địch"¹. Sau trận đánh ở Phan Rang, chi đội Nam Long lại hành quân ra Nha Trang.

Giữa tháng 11 năm 1945, đồng chí Trần Chí Hiền - Chỉ huy trưởng Mặt trận Nha Trang bị thương vì tai nạn ô tô. Đồng chí Trần Công Khanh - nguyên đại đội trưởng đại đội Hoàng Hoa Thám của Đội du kích Ba Tơ được trên điều vào làm chỉ huy trưởng.

Sau một tháng tiến công, nhưng vẫn không thể nào đột phá được tuyến phòng thủ của ta ở phía bắc Nha Trang nên quân Pháp đã tập trung lực lượng đánh mạnh vào tuyến phòng thủ của ta ở phía nam mà trọng điểm là khu vực Phú Vinh, Cây Đa - Quán Giếng.

Vào lúc 0 giờ ngày 24 tháng 11 năm 1945 ở một tiểu đoàn lê dương Pháp lợi dụng đêm tối đánh vào trận địa ta ở ga Phú Vinh. Bị đánh bất ngờ, một số chiến sĩ của ta bị thương vong, nhưng số còn lại đã anh dũng chiến đấu dưới hỏa lực địch và đẩy lui chúng về sát ga Phú Vinh. Chỉ huy trưởng Trần Công Khanh trực tiếp tham gia chiến đấu và chỉ huy bộ đội xung phong diệt địch. Tiếng hô của người chỉ huy Mặt trận "*Các chiến sĩ Việt Nam hãy anh dũng tiến lên, giết, giết hết bọn thực dân xâm lược*" đã động viên các chiến sĩ nô nức xông lên. Sau trận thất bại này, quân Pháp tạm thời co lại.

1. Thuận Hải 30 năm chiến tranh giải phóng tập 1 (1945-1954), Bộ Chỉ huy quân sự Thuận Hải, 1991, tr. 54.

Ngày 27 tháng 11, Chi đội Nam Long ra đến Nha Trang. Sau khi trinh sát thực địa, ngày 29 tháng 11 Chi đội trưởng Nam Long trực tiếp chỉ huy một trung đội phục kích ở gần ga Phú Vinh. Một trung đội lê dương Pháp đi vào trận địa. Ta nổ súng, 8 tên lê dương bỏ xác tại trận. Ta thu một súng cối 60 ly, 1 trung liên, 5 tiểu liên và súng trường.

Tháng 12 năm 1945 và tháng 1 năm 1946, quân Pháp được tăng thêm lực lượng lại tiếp tục tiến công về hướng Diên Khánh. Lực lượng ta cũng được tăng cường chi đội Bắc Bắc và một số đơn vị lẻ. Những trận tiến công và phản công giữa ta và địch liên tục diễn ra. Quân Pháp có lấn thêm một số khu vực, nhưng thế trận bao vây của ta vẫn vững.

Cuối tháng 1 năm 1946, đơn vị do đồng chí Hoàng Minh Thi chỉ huy từ Tân Uyên rút về Nha Trang. Trong trận chiến đấu ngày 28 tháng 1 năm 1946 ở khu vực Phú Vinh, đồng chí Hoàng Minh Thi bị thương nặng. Giữa lúc đó đồng chí Lê Kích trên đường trở về đơn vị sau khi cùng một số cán bộ chỉ huy Mặt trận đến nhận lệnh của đồng chí Võ Nguyên Giáp, đã thay đồng chí Hoàng Minh Thi chỉ huy chiến đấu cho đến lúc đánh bại các đợt tiến công của địch.

Cuối tháng 1 năm 1946, quân Pháp mở cuộc hành quân "Gô" (Gaur) ra Nam Trung Bộ. Một mũi tiến công của địch từ Đà Lạt theo đường 11 xuống Phan Rang và một mũi khác từ Buôn Ma Thuột theo đường 21 xuống Ninh Hòa. Sau đó từ hai hướng bắc và nam theo đường số 1 tiến công vào các tuyến phòng thủ vòng ngoài, kết hợp với lực lượng từ Nha Trang đánh ra.

Sau một số trận đánh tiêu hao, tiêu diệt nhỏ một bộ phận lực lượng địch ở đèo Rù Rì và đèo Rọ Tượng, ngày 2 tháng 2 năm 1946, các đơn vị của ta, một bộ phận lui về chiếm giữ vùng nông thôn, phát động chiến tranh du kích, một bộ phận lui về Phú Yên củng cố lực lượng chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Các chiến sĩ trên Mặt trận Nha Trang, trong đó có các đơn vị Lê Trung Đình mà nòng cốt là các chiến sĩ du kích Ba Tư đã kiên cường chiến đấu trước một kẻ địch đông gấp nhiều lần, mạnh gấp nhiều lần về trang bị vũ khí, đã anh dũng giam chân địch 101 ngày đêm, góp phần quan trọng đánh bại chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Thắng lợi 101 ngày đêm chiến đấu của quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa đã đi vào lịch sử như một điểm son chói lọi trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Việt Nam anh hùng.

Cuối tháng 1 năm 1946, Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam đưa đại đội Lương Ngọc Quyến của tỉnh Lê Trung Đình do đồng chí Bùi Châu làm đại đội trưởng đồng chí Nguyễn Tuấn Tài (Trần Kiên) đại đội phó, đồng chí Tạ Bá Phương (Trường) - Chính trị viên (sau một thời gian đồng chí Trần Kiên làm đại đội trưởng) vào thay cho một số đơn vị đã chiến đấu lâu ngày ở Nha Trang. Đơn vị vào đến Ninh Hòa cũng là những lúc mũi tiến công của Pháp từ Buôn Ma Thuột đánh xuống, đã chiếm được Ninh Hòa. Đại đội đã phối hợp cùng quân và dân Ninh Hòa - Vạn Giã đánh địch giữ quyền làm chủ của ta ở nhiều vùng nông thôn.

Thực hiện chủ trương "Hòa để tiến", ngày 6 tháng 3 năm 1946 Chính phủ ta ký với Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ. Nhưng quân Pháp vẫn tiếp tục vi phạm Hiệp định, đưa quân lấn chiếm các vùng ta đang kiểm soát. Ở Ninh Hòa do hai tên chánh tổng Cung và phó tổng Lang vốn là tay sai cũ của Pháp chỉ điểm nên địch đã đưa một tiểu đoàn Âu Phi cơ động từ Nha Trang ra để đánh úp tiểu đoàn Lương Ngọc Quyến đang đứng chân trong khu vực núi Ố Gà¹.

Lúc này Tiểu đoàn Lương Ngọc Quyến có ba đại đội. Đại đội 1 do đồng chí Trương Quang Viêm chỉ huy, đại đội 2 do Đỗ Đình Cẩn và Nguyễn Văn Tự (Lâm Tự) chỉ huy và đại đội 3 do đồng chí Mai Lão chỉ huy. Được cơ sở báo tin trước, tiểu đoàn đã triển khai lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Ngày thứ nhất địch chưa đến. Ngày thứ hai đơn vị ăn cơm từ mờ sáng, mỗi người được phát 2 nắm cơm để chiến đấu suốt ngày. Trận chiến đấu đã diễn ra quyết liệt. Các chiến sĩ ta đã anh dũng quần lộn với địch từ sáng đến xế chiều. Nhưng do lực lượng chênh lệch, nhất là chưa có kinh nghiệm đối phó với xe thiết giáp nên thương vong của ta mỗi lúc một nhiều. Trong số hy sinh có đại đội trưởng Trương Quang Viêm. Lui quân về vị trí mới, tiểu đoàn lại nhận được lệnh của Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam, giao nhiệm vụ hiệp đồng

1. Từ tháng 4 năm 1946, lực lượng vũ trang ta biên chế theo quy định mới: trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội. (Trước là chi đội, đại đội, trung đội, phân đội, tiểu đội) khi viết những sự kiện từ tháng 3 năm 1946 về trước, ban biên soạn thống nhất gọi chi đội, đại đội, từ tháng 4 về sau: trung đoàn, tiểu đoàn.

cùng một số đơn vị bạn đánh cùm quân địch ở phân khu Vạn Giã.

Theo mệnh lệnh do phái viên Mặt trận Cao Văn Khánh chuyển đạt, tiểu đoàn sử dụng đại bộ phận lực lượng đánh từ phía nam ra để phối hợp với hướng tiến công chủ yếu ở phía bắc của hai trung đoàn Vệ quốc quân do đồng chí Hữu Thành chỉ huy từ Phú Yên cơ động vào. Ngoài ra tiểu đoàn còn sử dụng một bộ phận chuẩn bị sẵn sàng chặn đánh bộ binh và thiết giáp địch từ Ninh Hòa ra ứng cứu.

Đêm ngày 7 tháng 5 năm 1946 lực lượng ta từ hai hướng, chia thành nhiều mũi đồng loạt tiến công vào nhiều mục tiêu của địch ở trong và quanh Vạn Giã. Sau một đêm chiến đấu, ta đã phá hủy hai phân ba phân khu Vạn Giã, đánh thiệt hại nặng hai cứ điểm Hiền Lương và Đồn Điền diệt 150 địch, thu nhiều vũ khí.

Trên chiến trường Nam Tây Nguyên, Đắc Lắc là cửa ngõ quan trọng, là hướng tiến công chủ yếu của địch hòng đánh chiếm toàn bộ Tây Nguyên, mái nhà của Nam Đông Dương. Mặt trận phía trước của Đắc Lắc là khu vực Ba biên giới, ngã ba đường 14 từ Nam Bộ ra và từ Cam Ru Lãng ở Cam-pu-chia sang.

Ngay từ giữa tháng 9 năm 1945, theo chỉ đạo của Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Trung Bộ, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Đắc Lắc đã thành lập Ban chỉ huy Mặt trận Ba ranh giới (người Pháp gọi là Ba biên giới) vì chúng xem Nam Kỳ, Trung Kỳ, Cao Miên là ba xứ (trong năm xứ) của Liên bang Đông Dương) do các đồng chí Nguyễn

Sĩ Tuấn, Phan Kiệm, Tống Đình Phương, Y Bih Aliô, sau thêm đồng chí Nguyễn Lợi chỉ huy. Lực lượng ở đây có một tiểu đoàn (một đại đội người Kinh, hai đại đội người dân tộc thiểu số), phần lớn là lính bảo an mới đi theo cách mạng.

Căn cứ vào địa hình, Ban chỉ huy Mặt trận bố trí đại đội do Y Nom chỉ huy trên đường 14 cách ngã ba hơn 1 ki-lô-mét về phía nam, sẵn sàng đánh địch từ Nam Bộ ra. Đại đội do Y Blook Êban chỉ huy trên tuyến đường từ Cam Ru Lăng sang. Ban chỉ huy Mặt trận và đại đội còn lại đóng ở khu vực ngã ba. Cuối tháng 10 năm 1945, Bộ chỉ huy Khu 6 (lúc này Nam Trung Bộ đã chia thành Khu 5 và Khu 6) tăng cường cho hướng quan trọng này hai đại đội quân giải phóng Lê Trung Đình, do đồng chí Nguyễn Tàu (Giáo Cát) chỉ huy. Hai đại đội này thay vào vị trí của các đại đội của các đại đội Y Nom và Y Blook để các đại đội trên bố trí địch lên phía trước, hình thành hai tuyến phòng thủ. Tuyến sau cách tuyến trước khoảng 5 ki-lô-mét. Ban chỉ huy Mặt trận được tăng cường thêm hai đồng chí Vũ Bình, Nguyễn Tàu. Đồng chí Vũ Bình được chỉ định làm chỉ huy trưởng Mặt trận.

Để thăm dò trận địa ta, tàn quân Nhật ở Cam-pu-chia theo lệnh quân Anh từ Cam Ru Lăng tiến theo đường 14 về Buôn Ma Thuột. Ta buộc phải cho đi vì đã có thông báo để cho Nhật mượn đường chuyển quân.

Ngày 29 và 30 tháng 11 năm 1945, quân Pháp từ Cam-pu-chia và Nam Bộ có xe bọc thép yểm trợ đánh vào trận địa ta. Dựa vào ưu thế binh lực, hỏa lực địch ào

ạt tiến vào đã phá vỡ được một số khu vực chiến đấu của ta. Trước sức tiến công của địch, Chỉ huy trưởng Mặt trận quyết định cho bộ đội rút lui và cho đốt kho lương thực. Một số cán bộ chỉ huy đề nghị nên tiếp tục tổ chức chiến đấu chặn địch trên đường 14 nhưng không được chấp nhận. Các đơn vị xuyên rừng rút về hướng đồn điền Ca Đa.

Nhận được tin địch tiến công vào Ba biên giới, lãnh đạo tỉnh nhận định: Lực lượng ta ở đó nếu không đánh lui được địch thì cũng có thể giữ được trận địa vài ba ngày.

Ngày 1 tháng 12, một phái đoàn do Chủ tịch tỉnh Phan Sĩ Vinh lãnh đạo đi lên nắm tình hình và ủy lạo cán bộ, chiến sĩ. Qua ngã ba Đắc Song, xe phải dừng lại để sửa chữa. Đúng lúc đó quân Pháp tràn đến và nổ súng. Các thành viên của phái đoàn chạy thoát nhưng lái xe hy sinh. Quân Pháp chiếm xe, để nguyên cờ đồ sao vàng ở đầu xe và dùng xe này dẫn đầu đoàn xe của chúng.

Ngày 1 tháng 12 năm 1945 là ngày thứ bảy. Buổi chiều các công sở đều không làm việc. Lãnh đạo tỉnh đang họp bàn việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội vào đầu tháng 1 năm 1946 và kế hoạch tăng cường cho khu vực Ba biên giới. Lúc này ở thị xã chỉ còn một số tự vệ của các khu phố, riêng tại đồn lính khố xanh cũ có một phân đội Lê Trung Đình vừa hành quân đến, đang nghỉ tạm chờ sáng hôm sau theo đường 14 vào Nam Bộ. Tất cả đều ở trạng thái không sẵn sàng chiến đấu.

14 giờ, quân Pháp tràn tới. Đi đầu là xe cấm cờ lệnh của ta. Tự vệ gác thấy xe của phái đoàn về liền mở cổng. Lúc này mới phát hiện ra địch. Tự vệ đồn điền Mô Ri (Công ty Xây lắp hiện nay) nổ một quả mìn báo động, nhưng không ai chú ý vì tưởng đó là tiếng lựu đạn tập của tự vệ. Quân Pháp tràn vào và chia làm ba mũi đánh vào đồn khố đỏ cũ (khu vực Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh hiện nay), đồn khố xanh cũ (nay là khu triển lãm) và nhà lao Buôn Ma Thuột.

Bị đánh bất ngờ lại đang ở trạng thái không chuẩn bị nên các đơn vị ta lâm vào thế bị động.

Ở đồn lính khố xanh, nơi phân đội Lê Trung Đình đang ở, quân Pháp đặt hai đại liên bắn chéo vào sân, phong toả các cổng ra vào. Trong thế bị động, toàn phân đội đã anh dũng chiến đấu và tất cả đều hy sinh. Nhân dân thị xã Buôn Ma Thuột mãi mãi khắc sâu hình ảnh chiến đấu kiên cường của các chiến sĩ Lê Trung Đình trong ngày 1 tháng 12 năm 1945. Hàng năm cứ đến ngày 27 tháng 10 âm lịch (ngày 1 tháng 12 năm 1945 là ngày 27 tháng 10 năm Ất Dậu) nhân dân thị xã đều tổ chức lễ tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh kể cả trong những năm thị xã Buôn Ma Thuột sống trong cảnh ngọt ngào do ách kìm kẹp ngặt nghèo của quân Pháp rồi Mỹ - ngụy¹.

1. Trong phong trào Nam Tiến, Nguyễn Chí Hướng đã viết có một phân đội của Chi đội Vi Dân cũng vừa đến vào sáng ngày hôm đó và đã hy sinh và bị thương một số lớn. Đây có thể là đơn vị được kể trong sách: Đắc Lắc - 30 năm chiến tranh giải phóng. Tập 1 có viết là: Một bộ phận học viên của Trường Quân chính (Dẫn theo "Lịch sử Đội du kích Ba Tơ", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 173).

Chiếm được thị xã nhưng quân Pháp không dám ở lại. Sáng ngày 2 tháng 12 năm 1945, chúng vội rút về khu vực Ba biên giới. Lực lượng ta tiến vào giải quyết hậu quả, sơ tán kho tàng, vật tư... mà địch chưa kịp phá. Được tin quân Pháp đánh xuống Buôn Ma Thuột, Ủy ban Quân chính Nam Trung Bộ điều ngay một phân đội của tỉnh Lê Trung Đình do phân đội trưởng Phạm Dũng lên ngay Buôn Ma Thuột. Quân Pháp đã rút khỏi thị xã, phân đội được lệnh tiến lên bố trí ở khu vực cầu Sê Rê Pốc, sẵn sàng đánh địch khi chúng tiến công trở lại. Tiếp đến ngày 6 tháng 12 năm 1945, đại đội Huỳnh Quang Lâu của tỉnh Lê Trung Đình do đại đội trưởng Võ Trung Thành (Hy) chỉ huy từ Ninh Hòa (Khánh Hòa) lên tăng cường cho Mặt trận Buôn Ma Thuột (trong đại đội có một số thanh niên Ninh Hòa mới xung phong gia nhập quân giải phóng).

Ngày 6 tháng 12 năm 1945, quân Pháp có pháo binh và xe bọc thép yểm trợ lại theo đường 14 tiến đánh thị xã Buôn Ma Thuột. Phân đội Phạm Rôi bố trí ở cầu Sê Rê Pốc đã gài mìn sẵn sàng phá cầu. Khi quân địch vừa đi đến giữa cầu thì mìn nổ, nhưng sức công phá yếu, cầu không sập. Quân địch ào ạt tràn qua. Lực lượng ta và địch chênh lệch. Sau khi tiêu hao một số địch, phân đội luồn rừng lui về cây số 3 trên đường 21 phía đông thị xã. Trong lúc đó các đơn vị vũ trang của Đắc Lắc sau khi quần nhau với địch trên các đường phố cũng rút ra chốt lại tại khu vực cây số 3 trên đường 14 ở phía bắc thị xã và một bộ phận phòng ngự bảo vệ Buôn Hồ.

Sau khi chiếm thị xã, quân Pháp lại theo đường 21 đánh về hướng Ma Đrăk. Lúc này đại đội Huỳnh Quang Lâu đã lên đến cây số 3. Ngày 8 tháng 12 một trung đội lính Pháp đánh vào khu vực bố trí của ta. Ta và địch chiến đấu giằng co đến khoảng ba giờ chiều địch lui về thị xã. Vừa chận đánh quân Pháp nóng ra, đại đội còn tổ chức từng tốp nhỏ luôn vào đánh địch trong thị xã, khiến cho địch phải thường xuyên đổi phó nên đã hạn chế được một phần những trận tiến công của quân Pháp vào trận địa của đại đội trên đường 21. Giữa tháng 12 năm 1945, Chi đội Nam Long lúc này còn khoảng 200 cán bộ và chiến sĩ lên tăng cường cho Mặt trận phía đông Buôn Ma Thuột. Tiếp theo, một trung đội của Chi đội Vi Dân do đồng chí Sơn Nam chỉ huy cũng được đưa lên Buôn Ma Thuột. Sau khi nghiên cứu tình hình đồng chí Nam Long lúc này là Khu phó Khu 6 quyết định đánh chiếm lại Buôn Ma Thuột theo ba hướng: bắc, đông, nam. Hướng đông là hướng chủ yếu do đơn vị Nam Long đảm nhiệm. Đại đội Huỳnh Quang Lâu của tỉnh Lê Trung Đình được giao nhiệm vụ đánh vào phía bắc thị xã. Lúc đầu cuộc chiến đấu diễn ra khá thuận lợi. Các mũi tiến công của ta đã chiếm được sân bay, đồn bảo an, một số công sở và nhiều khu phố, tiêu diệt và làm bị thương gần 100 địch. Quân Pháp phải co về xung quanh khu vực Băng Ga Lô và một số nơi ở phía tây thị xã. Trời sáng, quân Pháp có xe bọc thép yểm hộ tổ chức phản kích, ta lần lượt rút khỏi thị xã.

Sau trận đánh vào thị xã, đại đội Huỳnh Quang Lâu và trung đội Phạm Rồi tiếp tục bố trí đánh địch từ cây

số 3 đến cây số 5. Từ cây số 5 đến cây số 7 là đơn vị Nam Long. Một số trận chiến đấu vẫn diễn ra giằng co quyết liệt trên đường 21. Sau một thời gian chiến đấu, các đơn vị Lê Trung Đình bị thương một số, phải rút về bố trí phía sau trận địa do đơn vị Nam Long chiếm giữ. Quân Pháp tiếp tục tiến công. Dựa vào địa hình rừng núi hiểm trở, cán bộ và chiến sĩ Lê Trung Đình cùng với các đơn vị bạn ngoan cường chiến đấu chặn địch từng bước, cuối cùng buộc địch dừng lại ở cây số 19.

Sau khi chinh đốn lực lượng và có thêm quân tăng viện, ngày 20 tháng 1 năm 1946, quân Pháp lại mở cuộc tiến công lớn theo đường 21 xuống Ninh Hòa. Các đơn vị Lê Trung Đình, Nam Long, Vi Dân, Quảng Yên¹, Đắc Lắc kiên quyết chặn đánh bẻ gãy nhiều đợt tiến công của địch, phá hủy 28 xe cơ giới diệt nhiều địch, từng bước ngăn chặn địch ở khu vực cây số 24, cây số 59 rồi lui về án ngữ ở chân đèo Ma Đrăk. Trấn giữ trên đèo Ma Đrăk là các đơn vị Lê Trung Đình. Ngày 25, tháng 1 năm 1946, địch dùng máy bay ném bom và bắn phá vào trận địa ta ở Ma Định và đèo Phụcong Hoàng. Khi trận địa của ta ở cây số 62 bị phá vỡ, địch tập trung lực lượng đánh vào Ma Đrăk. Cùng với các lực lượng từ tuyến trên lui về các đơn vị Lê Trung Đình đã quyết tử đánh địch. Đại đội Huỳnh Quang Lâu đã hy sinh và bị thương hơn hai phần ba trong đó có đại đội trưởng Võ Trung Thành. Số còn lại phân tán từng nhóm nhỏ xuyên rừng rút về

1. Lực lượng Quảng Yên có một trung đội do Lê Hữu Quán chỉ huy lên đến đường Đắc Lắc vào giữa tháng 1 năm 1946.

Phú Yên và trong đó có tiểu đội trưởng Trần Như Công về đến Ninh Hòa. Riêng trong khu vực đỉnh đèo đã có 21 cán bộ và chiến sĩ hy sinh. Đó là các liệt sĩ: Phạm Thát (Đông Yên), Phạm Giao, Phạm Phụng (Bình Trung) Lê và Lợi (Tuyết Diêm), Long và Lực (Châu Me) ở huyện Bình Sơn; Long (Tịnh Minh); Thịnh và Tới (Châu Sa); Trinh (huyện Sơn Tịnh), Quyển, Nguyệt, Cát (Nghĩa Hành); Hoàn, Niên, Nhỏ (Mộ Đức) Nguyễn Thâm, Mô và hai nữ cứu thương là Ninh và Phụng người Ninh Hòa mới nhập vào đại đội¹.

Buôn Ma Thuột - đường 21 - đèo Ma Đrăk có bao nhiêu chiến sĩ Lê Trung Đình đã ngã xuống? Không ai nói chính xác được. Lịch sử mãi mãi ghi nhận tinh thần "Hy sinh vì Tổ quốc", ghi nhận tinh thần chiến đấu quên mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của các liệt sĩ anh hùng.

Trên Mặt trận đường 14 - đường 19 - Plây Cu: Ngày 23 tháng 11 năm 1945, thực hiện đòn nghi binh chiến dịch cho cuộc tiến công từ Ba biên giới xuống Buôn Ma Thuột, quân Pháp từ Stung Treng nhảy dù xuống chiếm Bô Keo, chuẩn bị bàn đạp để sau này đánh chiếm Plây Cu theo trục đường 19 kéo dài.

Về phía ta, ba đại đội Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ của Chi đội Tây Sơn sau khi thành lập đều

1. Do đồng chí Phạm Dung, du kích Ba Tơ, lúc chiến đấu ở Ma Đrăk là phân đội trưởng, Đại tá nghỉ hưu ở Nha Trang cung cấp danh sách này (Dẫn theo "Lịch sử Đội du kích Ba Tơ"), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 177.

đang khẩn trương huấn luyện. Được tin quân Pháp chiếm Bô Keo, Chi đội Tây Sơn đưa hai đại đội lên biên giới. Đầu tháng 12 năm 1945, mặt trận này được tăng cường một đơn vị của chi đội Vi Dân. Trong thời gian đầu, tình hình ở đây khá yên tĩnh, quân Pháp chỉ có một số hoạt động nhỏ nhằm thăm dò trận địa ta. Về phía ta cũng hai lần tổ chức đánh vào Bô Keo nhằm mục đích quấy rối, tiêu hao, uy hiếp để tìm chân địch.

Khi địch chiếm Buôn Ma Thuật, rồi theo đường 14 đánh ra Buôn Hồ, Ban chỉ huy Chi đội Tây Sơn đưa Đại đội Nguyễn Nhạc do đồng chí Trần Hiệp chỉ huy vào tăng cường cho mặt trận phía nam. Khi Đại đội Nguyễn Nhạc vào đến bắc Buôn Hồ, đã có các đơn vị vũ trang của Đắc Lắc và một đơn vị Nam tiến do Hùng Việt chỉ huy. Đại đội Nguyễn Huệ do đồng chí Nguyễn Anh Phải chỉ huy tiếp tục bảo vệ tuyến chiến đấu Yadao Plây Móc Đen cùng với một số đơn vị khác. Một số cán bộ nguyên là du kích Ba Tơ: Châu Khải Định, Lê Chánh Hồ... cũng được điều lên tăng cường cho cơ quan chỉ huy Chi đội và các đơn vị đang đóng ở phía trước.

Mặc dù đã ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, nhưng quân Pháp vẫn ngoan cố, rắp tâm phá hoại. Chúng liên tục cho quân nòng lún thăm dò và mở nhiều cuộc tiến công vào các khu vực quân ta đang chiếm giữ. Ngày 1 tháng 5 năm 1946, hơn 1.000 quân Pháp chia làm hai mũi đánh vào trận địa ta ở buôn Trung Thăng và buôn Bléch. Tiểu đoàn Nguyễn Nhạc đã chặn đánh bẻ gãy một trong hai mũi tiến công, giết và làm bị thương trên 100 tên, buộc chúng phải lui về vị

trí cũ. Tuy nhiên quân địch càng ngày càng bộc lộ rõ âm mưu đánh chiếm phần còn lại của Tây Nguyên.

Giữa tháng 6 năm 1946, nhằm thực hiện âm mưu "việc đã rồi", trước lúc Hội nghị Phông-ten-nơ Bờ-lô khai mạc, 5.000 quân Pháp tập trung ở bắc Buôn Hồ và hàng nghìn tên ở Bô Keo chuẩn bị cho cuộc tiến công hai gọng kìm nhằm đánh chiếm hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

Ngày 21 tháng 6 năm 1946, quân Pháp từ Vạn Giã (Khánh Hòa) đánh ra Đại Lãnh và từ Ma Đrăk (Đắc Lắc) theo đường 21 kéo xuống đánh Củng Sơn, nhằm thu hút sự chú ý của ta về hướng này. Đại đội Lương Ngọc Quyến - lúc này là tiểu đoàn 5 trung đoàn 80 đã chặn đánh tiêu diệt một số địch ở các buôn Cà Dân, Ma Thiêng.

Ở phía tây, sáng sớm ngày 22 hàng nghìn quân Pháp từ Bô Keo đánh vào trận địa phía trước của tiểu đoàn Nguyễn Huệ ở Bô Khâm. Sau khi tiêu hao một số địch, các chiến sĩ ta lui về khu vực bố trí trên tuyến Yadao Plây Móc Đen. Cùng ngày, quân Pháp cũng đánh vào trận địa ta ở bắc Buôn Hồ.

Vào lúc 3 giờ sáng ngày 23 tháng 6, Ban chỉ huy đại đội 23 họp bàn kế hoạch đối phó, trong đó có việc điều động một bộ phận lực lượng đang ở Kon Tum về tăng cường phòng thủ Plây Cu, đồng thời quyết định sáng 23 tháng 6 sẽ đi lên thị sát tình hình hướng biên giới Cam-pu-chia.

Ở Mặt trận bắc Buôn Hồ, tiểu đoàn Nguyễn Nhạc vừa tổ chức phá hoại cầu đường, vừa sử dụng bom mìn tiêu hao, ngăn chặn từng bước tiến của địch; đồng thời

tổ chức một số đơn vị nhỏ đánh vào phía sau lưng địch ở buôn Tung Thăng. Trong hai ngày 23 và 24 tháng 6. Tiểu đoàn Nguyễn Nhạc cùng với một đại đội của tiểu đoàn Nguyễn Lữ do đại đội trưởng Phan Thanh chỉ huy mới từ Công Tum vào chặn đánh quyết liệt mũi tiến công của địch ở cây số 90, diệt và làm bị thương gần 150 lính địch. Cùng lúc các đơn vị bạn cũng chặn đánh quyết liệt mũi tiến công của địch ở buôn Huynh, buôn Blêch. Hướng tiến công của quân Pháp theo đường 14 ra Plây Cu bị chặn lại.

Trên tuyến biên giới Cam-pu-chia, sau khi chiếm được Bô Khâm quân Pháp tiếp tục đánh vào các đơn vị ta đang tập kết ở Ydao Plây Móc Đen. Trong lúc tiểu đoàn Nguyễn Huệ đang chiến đấu giằng co với địch thì một bộ phận quân Pháp xuyên rừng đánh vào phía sau trận địa ta. Trước sức tiến công ồ ạt của địch ở cả trước mặt và sau lưng, các đơn vị ta buộc phải xuyên rừng rút về phía sau. Khi quân địch xuống đến Thanh Bình cũng là lúc xe chở Ban chỉ huy Mặt trận sau khi kiểm tra tình hình quay về đến đây. Bị địch bao vây tiến công tất cả cán bộ chỉ huy đi trong xe đều hy sinh¹. Quân Pháp theo đường 19 kéo dài, sau đó là đường 14 đánh vào thị xã Plây Cu. Trên đường tiến quân, địch có vấp phải một số trận đánh nhỏ của một vài đơn vị của ta. 15 giờ ngày 24 tháng 6, quân Pháp đến Plây Cu. Hầu hết các đơn vị lớn của ta đều đã ra chiến đấu các mặt trận phía trước. Các cơ quan lãnh đạo của tỉnh và cơ quan chỉ huy của bộ đội

1. Đồng chí Đàm Minh Viễn - Đại đoàn trưởng 23 hy sinh trong trận này.

cũng đã rút về phía sau. Plây Cu chỉ còn là một thị xã bỏ ngõ. Từ Plây Cu quân Pháp chia làm hai cánh theo đường 14 đánh ra Kon Tum và theo đường 19 đánh xuống An Khê.

Trước sức tiến công ồ ạt của địch, lực lượng ta ở Kon Tum đã chủ trương rút lui để bảo toàn lực lượng. Một bộ phận lui về lập căn cứ kháng chiến ở vùng rừng núi phía đông bắc của tỉnh, đại bộ phận theo đường 5 rút về Ba Tơ (Quảng Ngãi).

Trên hướng đường 19, tiểu đoàn Nguyễn Huệ từ biên giới rút về phối hợp với trung đoàn 94 (Chi đội 2 Lê Trung Đình) vừa từ Bình Định cơ động lên liên tục chặn đánh địch từ cầu Trà Dom xuống đến đèo Mang Giang. Khi quân địch xuống đến Suối Đồi đã bị một đại đội của trung đoàn 94 do đại đội trưởng Giỏi chỉ huy, phá sập cầu và đánh diệt nhiều tên, kìm chân địch một ngày đêm. Trong trận đánh ngày 28 tháng 6 ở đèo Mang Giang, chiến sĩ Bùi Thúc đã giả chết nằm ngang mặt đường khi xe cơ giới địch đến gần liền vùng dậy dùng chai xăng - cờ rếp đốt xe địch. Trong những ngày tiếp theo trung đoàn 94 lại cùng với trung đoàn 95 từ Bình Định lên liên tiếp chặn đánh địch, phá hủy 2 xe tăng, 4 xe bọc thép, diệt nhiều địch (trận đánh chiều ngày 29 tháng 6). Bị tổn thất nặng nên mãi đến ngày 2 tháng 7 năm 1946 quân Pháp mới lên đến đỉnh đèo An Khê.

Trong lúc đó, tiểu đoàn Nguyễn Nhạc, tuy giữ vững trận địa ở cây số 90, nhưng cả trước và sau đều có địch,

liên lạc với cấp trên không được, nên phải xuyên rừng về Cheo Reo. Ở đây cũng có địch, tiểu đoàn lại phải xuyên rừng về Gia Hội rồi rút về Phú Phong.

Về đến đồng bằng, một phần ba cán bộ và chiến sĩ của tiểu đoàn Nguyễn Huệ biên chế thành một đại đội và trở thành đại đội 2 tiểu đoàn 1 trung đoàn 94; lực lượng còn lại rút ra Bồng Sơn và Tam Quan củng cố rồi biên chế vào trung đoàn 95. Tiểu đoàn Nguyễn Nhạc ra đứng chân ở Sa Huỳnh để củng cố, sau đó đổi tên thành tiểu đoàn 77 trung đoàn 126. Lực lượng còn lại của tiểu đoàn Nguyễn Lữ từ Công Tum rút về, bổ sung quân số thành tiểu đoàn Ba Tư. Tháng 9 năm 1946, tiểu đoàn Ba Tư được điều về trung đoàn Tiếp phòng quân ở Đà Nẵng và đổi tên thành tiểu đoàn 19 là một tiểu đoàn mạnh, chiến đấu giỏi ở chiến trường Liên khu 5 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, tiểu đoàn 19 tập kết ra Bắc và đến năm 1961 tiểu đoàn trở lại chiến trường, bổ sung quân số và tách thành hai tiểu đoàn (90 và 95). Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cả hai tiểu đoàn đều được tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Gần 200 ngày chiến đấu kiên cường với nhiều tấm gương "cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh" các chiến sĩ trên Mặt trận đường 14, đường 19 xứng đáng là những người con Anh hùng của dân tộc Việt Nam Anh hùng.

* **Chiến đấu ở Trung Lào:** Sau một thời gian làm nhiệm vụ ở Huế, trung đội Trần Giã do đồng chí

Nguyễn Văn Tín chỉ huy, trung đội Trần Thành do đồng chí Hùng chỉ huy và trung đội Võ Tuôi do đồng chí Kiến chỉ huy, được tổ chức thành một đại đội do đồng chí Lê Cao Hịch làm đại đội trưởng.

Lúc này ở Lào, phái bộ Anh cũng ra lệnh cho quân Nhật thả tù binh Pháp và nổ súng đánh chiếm một số thị xã, thị trấn. Theo đề nghị của Hoàng thân Xu Pha Nu Vông, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Trung Bộ quyết định đưa đại đội nói trên của tỉnh Lê Trung Đình sang phối hợp chiến đấu với quân và dân Lào.

Đầu tháng 11 năm 1945, toàn đại đội với quân số 450 người từ Lao Bảo xuyên rừng tiến sang Trung Lào. Chiến trường lạ, bộ đội không biết tiếng, chưa am hiểu phong tục tập quán, thời tiết đang mùa khô có lúc hành quân cả ngày không gặp một suối nước, phải dùng lá bứa nhấm cho đỡ khát. Khó khăn chồng chất, nhưng vừa đến nơi đơn vị đã nhanh chóng tổ chức tiến công chiếm lại thị trấn Sê Pôn. Tiếp theo, đơn vị phát triển lên đánh địch ở Mường Phìn, Pha Lan, truy kích địch chạy trốn trong rừng, tiêu diệt, gọi hàng và bắt gần 500 tên. Ngoài ra, còn một số địch chết trong rừng không tính được. Ta thu được gần 400 súng các loại¹.

Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3 năm 1946 được ký kết, nhưng cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở nước bạn Lào vẫn tiếp tục diễn ra. Trong trận đánh ở Mường

1. Số súng này đã bàn giao cho đồng chí Nguyễn Văn Toàn phụ trách quân khí nhận ngày 5 tháng 12 năm 1945.

Phìn (tháng 3 năm 1946) sáu chiến sĩ của trung đội Trần Thành gồm: Trần La, Phạm Sông, Nguyễn Văn Trinh, Nguyễn Phước, Lê Ba và Miên (đều là người Mộ Đức) đã anh dũng hy sinh. Trong trận đánh ở Pha Lan (tháng 4 năm 1946), trung đội Võ Tuôi hy sinh và bị thương hơn một phần ba lực lượng. Trung đội trưởng Kiến và đại đội trưởng Lê Cao Hịch cũng hy sinh. Tháng 5 năm 1946, lực lượng còn lại của đại đội được lệnh rút về Lao Bảo¹.

Đây là những chiến sĩ tình nguyện đầu tiên của lực lượng vũ trang Quảng Ngãi hy sinh vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Trên một trăm cán bộ và chiến sĩ Lê Trung Đình, trong đó có nhiều người là du kích Ba Tơ đã vĩnh viễn nằm lại trên đất nước Triệu Voi. Xương máu của các liệt sĩ đã góp phần tô thắm thêm cho tình đoàn kết đặc biệt của hai dân tộc Việt - Lào.

Lịch sử đã ghi nhận phong trào Nam tiến của những tháng cuối năm 1945, cứ 100 thanh niên Quảng Ngãi nhập ngũ thì 87 người lên đường ra mặt trận và đến cuối tháng 1 năm 1946 đã có 15.000 cán bộ và chiến sĩ của Quảng Ngãi nòng cốt là du kích Ba Tơ, tương đương 10 chi đội đã có mặt ở hầu hết các mặt trận nóng bỏng lúc bấy giờ.

1. Tư liệu do ba đồng chí Nguyễn Văn Tín, Nguyễn Tấn Phước và Trần Như cung cấp. (Dẫn theo "Lịch sử Đội du kích Ba Tơ", Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 185.

Ven Sài Gòn, miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Khánh Hòa, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, đường 21, biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, đường 14 - đường 19, Trung Lào; hàng chục trận đánh kiên cường anh dũng, hàng trăm tấm gương "Hy sinh vì Tổ quốc" mãi mãi còn đọng lại trong lòng mọi người.

Những trận đánh anh dũng đó, những tấm gương hy sinh quyết tử đó đã góp phần cùng các đơn vị Nam tiến khác và quân dân miền Nam làm phá sản chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, tạo ra thời gian, không gian cần thiết, vô cùng quý báu cho quân dân miền Nam, quân dân cả nước chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài và thắng lợi sau này.

Câu hỏi 13: Từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ngãi, có thể rút ra những bài học chủ yếu gì?

Trả lời:

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và việc thành lập Đội du kích cứu quốc quân Ba Tơ, gọi tắt là Đội du kích Ba Tơ không chỉ là một sự kiện lịch sử quan trọng đối với địa phương mà còn có ý nghĩa không nhỏ đối với miền Nam Trung Bộ và lịch sử dân tộc. Vì vậy, việc nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ được giới nghiên cứu lịch sử (quân sự, Đảng, dân tộc) rất quan tâm tìm hiểu. Đã có nhiều cuốn sách, nhiều chuyên khảo có giá trị, song việc nghiên cứu về vấn đề này vẫn cần được tiếp tục một cách có tổ chức, quy mô lớn hơn để có những công trình xứng đáng với tầm cỡ của sự kiện.

Ở đây, ta có thể rút ra một vài bài học chủ yếu từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi vẻ vang ở Quảng Ngãi như sau:

1. Khởi nghĩa từng phần ở nông thôn trước:

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941) đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đã nhận định tình hình Đông Dương đang tiến những bước vĩ đại, Đảng có khả năng lãnh đạo những cuộc khởi nghĩa từng địa phương để mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa toàn quốc.

Trong điều kiện lịch sử thế giới và trong nước, đặc biệt là tình hình thế giới biến chuyển mau lẹ ngày càng có lợi cho cách mạng Việt Nam, với sự nỗ lực chủ quan của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, khả năng khởi nghĩa bộ phận như Trung ương đã nhận định đã trở thành hiện thực. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra, chứng tỏ thời kỳ khởi nghĩa từng bộ phận, chiến tranh du kích từng vùng đang trên đà phát triển mạnh mẽ, mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Hình thái khởi nghĩa từng phần để mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa là một hình thái khởi nghĩa đặc biệt trong thời kỳ tiền khởi nghĩa. Hình thái ấy xuất hiện là do những đặc điểm của xã hội Việt Nam, do điều kiện thế giới và trong nước lúc ấy tạo nên. Nước ta vốn là một nước thuộc địa và nửa phong kiến. Lực lượng đế quốc tập trung ở thành thị. Bộ máy chính quyền tay sai của đế quốc không khống chế hết các vùng nông thôn rộng lớn - nơi có lực lượng nông dân lớn mạnh. Tại các

vùng nông thôn, nhất là vùng rừng núi, việc đi lại rất khó khăn, không thuận tiện cho việc hành quân của địch, nhưng rất lợi cho du kích của ta hoạt động. Vì chủ lực quân của cách mạng là nông dân, đồng thời với điều kiện địa lý thuận lợi, cho nên lực lượng cách mạng có khả năng tồn tại và phát triển ở nông thôn, nhất là ở vùng rừng núi. Mặt khác, sau ngày Nhật đảo chính Pháp, chính quyền làm tay sai cho Pháp đã tan rã, nhưng bộ máy chính quyền làm tay sai cho Nhật chưa xây dựng được. Ở cấp kỳ tuy đã thành lập chính quyền thân Nhật nhưng chưa được ổn định, lại không có uy tín đối với nhân dân. Riêng ở Quảng Ngãi, sau khi Nhật hất cẳng Pháp, chính quyền của Pháp hoang mang tan rã, chính quyền làm tay sai cho Nhật chưa thành hình. Đặc biệt ở Ba Tơ, phát xít Nhật chưa lên, chính quyền của Nhật chưa có, chính quyền của Pháp hoàn toàn bị tê liệt. Phát xít Nhật lại bị thất bại liên tiếp ở mặt trận Thái Bình Dương. Nhân dân ta đang căm thù sâu sắc đối với phát xít Nhật và bọn tay sai thân Nhật, được Mặt trận Việt Minh phát động nổi dậy đấu tranh, phong trào cách mạng trong toàn quốc đang dâng cao.

Do những điều kiện trên đây, cuộc khởi nghĩa từng địa phương có thể nổ ra ở những nơi sơ hở nhất của địch, hay nói một cách khác, ở các khâu yếu nhất trong hệ thống thống trị của địch. Đó là một đặc điểm và bài học của cách mạng Việt Nam nói chung, đồng thời là đặc điểm và bài học của cách mạng Quảng Ngãi nói riêng.

2. Chuẩn bị chu đáo, nắm vững thời cơ

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ không phải là một sự kiện ngẫu nhiên, nó là kết quả tất yếu của lịch sử, do điều kiện chủ quan và khách quan lúc ấy tạo nên. Nó phải trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, từ khi Đảng bộ Đảng cộng sản Đông Dương ra đời ở Quảng Ngãi. Nếu nói về sự chuẩn bị thiết thực cho cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thì phải lấy cái mốc từ khi chi bộ của Đảng cộng sản Đông Dương thành lập ở cảng Ba Tơ. Chi bộ này đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho cuộc khởi nghĩa Ba Tơ.

Về chính trị, nhờ việc học tập ở trong nhà tù về nghị quyết của hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939) và nghị quyết của hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941), chi bộ Ba Tơ đã thấm nhuần đường lối chính sách của Trung ương Đảng, ra sức xây dựng cơ sở quần chúng, tuyên truyền phổ biến chương trình, điều lệ của Mặt trận Việt Minh. Nhờ đó, đường lối chính sách của Đảng qua những người cộng sản thấm dần vào quần chúng, biến thành sức mạnh vật chất. Trong lúc nhân dân Ba Tơ đang sống quần quai dưới ách áp bức, bóc lột nặng nề của phát xít Nhật - Pháp, thì cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh ra đời; đó là một cương lĩnh đúng đắn, nó vạch con đường đấu tranh giành quyền lợi chân chính và bức thiết cho quần chúng. Vì vậy, Mặt trận Việt Minh có một sức mạnh lớn lao thức tỉnh và hấp dẫn quần chúng, làm cho quần chúng giác ngộ nhanh chóng; do đó trước giờ khởi nghĩa, phong trào quần chúng lên rất nhanh và rất mạnh, trở thành một lực lượng hậu

thuần, một áp lực mạnh mẽ bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Chỉ trong nửa ngày mà đã động viên và tập hợp hàng vạn người biểu tình xung quanh đồn Ba Tư, biểu dương một sức mạnh vô địch.

Về tư tưởng, trước khi khởi nghĩa, chi bộ Ba Tư đã kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng do dự hữu khuynh, không tin vào lực lượng của quần chúng, đánh giá quá cao lực lượng của địch ở địa phương; đấu tranh với tư tưởng dao động, cầu an của một số đồng chí khi bị an trí ở cãng Ba Tư. Nhờ vậy, khi khởi nghĩa, trong nội bộ chi bộ Đảng mới thống nhất được tư tưởng và hành động, mới có tinh thần kiên quyết, dũng cảm. Tinh thần ấy đã biểu lộ trên lời nói của đồng chí bí thư chi bộ trong cuộc hội nghị ở Suối Loa: "Dù đổ máu, khởi nghĩa Ba Tư nhất định phải nổ ra".

Về tổ chức, chi bộ Đảng tuy chưa có điều kiện phát triển rộng rãi, nhưng là một chi bộ vững mạnh, gồm các cán bộ cách mạng thoát ly, có năng lực và kinh nghiệm lãnh đạo, lại được thấm nhuần sâu sắc đường lối chính sách của Trung ương Đảng, nắm vững tình hình, chủ trương kịp thời và có quyết tâm khởi nghĩa. Về tổ chức quần chúng, chi bộ Đảng đã xây dựng được một cơ sở ở đồng bào Thượng, do đó mới huy động được lực lượng của quần chúng một cách nhanh chóng để làm áp lực cho cuộc khởi nghĩa. Trong binh lính đóng ở đồn, chi bộ Ba Tư cũng gây được cơ sở, tìm được một vài người tốt có giác ngộ cách mạng, làm nhân mối cho ta, họ giúp đỡ rất đắc lực cho quân cách mạng: báo tin tức, cho vũ khí và chỉ đường cho quân cách mạng tiến vào đánh đồn.

Các mặt chuẩn bị nói trên của chi bộ Đảng chứng minh rằng, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ không phải tự nhiên mà có. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng phải thấy rằng, sự chuẩn bị ấy chưa được thật chu đáo (vì từ trước chi bộ vẫn chủ trương chuẩn bị chờ thời cơ để trốn khỏi cảnh an trí ra ngoài hoạt động); nhưng thời cơ khởi nghĩa đến một cách nhanh chóng, chi bộ Đảng đã linh hoạt chuyển hướng, cấp tốc chuẩn bị thêm về mọi mặt để khởi nghĩa giành chính quyền. Khi Nhật đảo chính Pháp, đa số bọn Pháp ở thị xã Quảng Ngãi đầu hàng Nhật, một số chạy trốn. Bọn sĩ quan Pháp và binh lính ở đồn Ba Tơ mất tinh thần, hoang mang dao động đến cực điểm. Hệ thống chính quyền làm tay sai cho Pháp tan rã, hệ thống chính quyền làm tay sai cho Nhật chưa xây dựng được. Nhân dân Ba Tơ có truyền thống đấu tranh anh dũng, căm thù đế quốc rất sâu sắc, đang muốn vùng dậy đấu tranh để giành quyền sống. Trước tình hình ấy, nếu chi bộ Ba Tơ cứ máy móc cho rằng việc chuẩn bị chưa được chu đáo, mà rụt rè, do dự, thì nhất định sẽ bỏ lỡ cơ hội hiếm có. Chi bộ Đảng đã sáng suốt và kịp thời nắm lấy cơ hội ấy, đồng thời để khắc phục nhược điểm lúc đó, chi bộ đã kiên quyết và khẩn trương huy động lực lượng hùng mạnh của quần chúng làm hậu thuẫn cho cuộc khởi nghĩa. Lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng đã quyết định sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Kết hợp với lực lượng chính trị ấy, tiếng súng khởi nghĩa càng làm cho tinh thần quân địch tan rã mau chóng, cuộc khởi nghĩa càng mau tới thắng lợi. Lúc đó, điều kiện khách quan vô cùng thuận lợi đã

giúp cho điều kiện chủ quan mau phát triển; ngược lại, khi điều kiện chủ quan đã được phát triển vượt bậc, thì giúp cho việc lợi dụng điều kiện khách quan được kịp thời và triệt để hơn. Nếu như lúc này chi bộ Đảng không nắm vững thời cơ, không biết lợi dụng điều kiện khách quan để thúc đẩy lực lượng chủ quan, thì dù có cơ hội tốt mấy đi nữa cũng không thể tiến hành khởi nghĩa thắng lợi được. Các đồng chí lãnh đạo được vũ trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thấm nhuần đường lối chính sách của Đảng nên có khả năng nhạy bén về chính trị, biết kịp thời tạo điều kiện để khắc phục nhược điểm về chủ quan, làm cho điều kiện chủ quan phù hợp với điều kiện khách quan, tiến hành khởi nghĩa thắng lợi. Đó là việc áp dụng đường lối chính sách của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương một cách sáng tạo.

Cũng trong thời gian ấy, cũng với điều kiện khách quan và chủ quan như nhau, các đồng chí ở cảng Gi Lăng đã bỏ lỡ thời cơ tốt, vì thiếu quyết tâm. Từ lâu, chi bộ Đảng ở cảng Ba Tư đã liên lạc với Gi Lăng, cùng nhau bàn bạc kế hoạch trốn về đồng bằng hoạt động. Tin Nhật đảo chính Pháp, kế hoạch khởi nghĩa của Ba Tư - các đồng chí ở Gi Lăng đều biết. Bọn tàn binh Pháp cũng chạy về Gi Lăng, binh lính Gi Lăng cũng hoang mang, cơ sở ở Gi Lăng cũng lấy được một số súng của địch. Nhưng các đồng chí ở Gi Lăng do dự nên chỉ hai ngày sau địch đến, thời cơ hiếm có không còn nữa. Ở Ba Tư cũng thế, nếu để chậm vài ngày sau mới khởi nghĩa thì nhất định thất bại, vì sau đó vài hôm là Nhật kéo

đến. Mặt khác, nếu làm trước một vài hôm, chưa chắc đã thắng được bọn địch ngoan cố ở trong đồn. Ngay sáng 11 tháng 3 khi bọn tàn binh Pháp chưa lên, bọn địch trong đồn đã bố trí sẵn sàng để chiến đấu, lúc đó anh em an trí không có một khẩu súng. Nếu cứ thực hiện kế hoạch đánh úp đồn bằng cách "trình diện" như hội nghị đêm 10 tháng 3 đã vạch ra, nhất định sẽ phải đổ nhiều máu. Nhưng chiều tối hôm ấy, khi bọn chỉ huy đã chạy trốn, tinh thần binh lính hoang mang đến cực độ, quần chúng đã sôi nổi xuống đường đấu tranh, lực lượng ta lại có thêm một số súng thì điều kiện khởi nghĩa đã hoàn toàn chín muồi. Chính vì thế khởi nghĩa Ba Tơ đã thắng lợi nhanh chóng. Khi được tin Nhật hất cẳng Pháp, các đồng chí đã bỏ chủ trương trốn khỏi cảnh an trí, kịp thời đề ra chủ trương khởi nghĩa cướp đồn Ba Tơ. Sau khi thương lượng hòa bình thất bại, các đồng chí kiên quyết dùng lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng chính trị, khởi nghĩa giành chính quyền ở Ba Tơ. Chủ trương như vậy là rất kịp thời và đúng đắn.

Mặt khác, chủ trương phát động khởi nghĩa ở đồng bằng, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Ba Tơ là để tránh cái thế bị động phòng ngự. Nhưng thực tế đã chứng minh chủ trương đó không sát, không phù hợp với tình hình và điều kiện của đồng bằng lúc ấy. Các đồng chí được phân công về đồng bằng đã tự động thay đổi chủ trương đó. Đây cũng là một việc làm có phần sáng tạo. Một khi tình thế ở đồng bằng chưa cho phép khởi nghĩa, nếu cứ bám lấy nguyên tắc không ngừng tấn công mà đem quân khởi nghĩa Ba Tơ sau khi chiếm đồn Ba Tơ thắng

lợi, tiếp tục tấn công về đồng bằng, thì lực lượng cách mạng nhất định sẽ thiệt hại.

Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi, chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tơ thành lập được bốn ngày thì được tin phát xít Nhật và bọn tay sai của chúng lên đàn áp, các đồng chí lãnh đạo đã chủ trương cho rút lui để bảo toàn lực lượng. Nếu cứ bám lấy nguyên tắc "không ngừng tấn công", phải liên tục giành lấy những "thắng lợi mới" mà phiêu lưu thì lực lượng cách mạng sẽ tổn thất. Chủ trương rút vào bí mật, tổ chức lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa, kết hợp với công tác vận động, tổ chức quần chúng là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn.

Trước đó, ở Việt Bắc, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra đúng thời cơ. Sau khi Pháp, Nhật đã tạm thời cấu kết với nhau trở lại đàn áp phong trào cách mạng Bắc Sơn, lực lượng khởi nghĩa đã rút vào rừng núi, xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng du kích, đánh lâu dài. Đó là một bài học thành công. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ rút được bài học kinh nghiệm ấy, đã biết tiến công và rút lui đúng lúc, do đó đã bảo toàn và phát triển được lực lượng cách mạng tiến lên giành chính quyền trong những ngày tháng Tám ở Quảng Ngãi.

Cuộc khởi nghĩa tháng tám ở Quảng Ngãi càng được chuẩn bị chu đáo hơn. Các phong trào đấu tranh từ năm 1930 là những cuộc diễn tập cho Cách mạng tháng Tám ở Quảng Ngãi, nhất là từ ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Nếu tiếng súng của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ... báo hiệu cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng

Tám trong toàn quốc, thì tiếng súng khởi nghĩa Ba Tơ báo hiệu cho cuộc Cách mạng tháng Tám ở Quảng Ngãi.

Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi (tức Tỉnh ủy lâm thời), các mặt công tác chuẩn bị như động viên, tổ chức quần chúng, củng cố và phát triển các đoàn thể cứu quốc, đào tạo cán bộ chính trị và quân sự, giáo dục chính trị và tư tưởng cho cán bộ và nhân dân, đều được tiến hành khẩn trương và tích cực. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã đặc biệt chú trọng công tác chuẩn bị khởi nghĩa, xây dựng căn cứ địa, và phát triển các lực lượng vũ trang và bán vũ trang, đẩy mạnh chiến tranh du kích để mở rộng phong trào vũ trang đánh Nhật. Chuẩn bị vũ trang là điều kiện vật chất rất quan trọng cho cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên, coi trọng việc chuẩn bị về vũ trang là đúng và cần thiết, đồng thời cũng phải coi trọng việc động viên, tổ chức quần chúng, đưa "đội quân chính trị" lên vị trí cách mạng, tập dượt cho quần chúng tiến tới tổng khởi nghĩa. Nhờ việc chuẩn bị tương đối chu đáo đó, phong trào Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong thời kỳ tiền khởi nghĩa được phát triển nhanh chóng, vững chắc và tương đối đều; nên khi điều kiện đã chín muồi, cuộc khởi nghĩa nổ ra rất kịp thời. Có thể nói, Quảng Ngãi là tỉnh đã phát lệnh khởi nghĩa sớm nhất trong toàn quốc.

Khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh lúc 13 giờ trưa ngày 14 tháng 8 (tức ngày 7-7 âm lịch), thì 15 giờ chiều ngày hôm ấy, lệnh khởi nghĩa đã bay về các địa phương. Chỉ một giờ sau khi nhận được lệnh khởi nghĩa, các đơn vị du kích và tự vệ chiến đấu đã mang súng tước

được của địch đến nộp cho Ủy ban khởi nghĩa. Chỉ một, hai ngày sau, lực lượng vũ trang kết hợp với "đội quân chính trị" của quần chúng đã chiếm được nhiều đồn, nhiều huyện; và chỉ trong 4 ngày sau, cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi tại hầu hết các vùng nông thôn Quảng Ngãi. Trong khi ấy, Tổng bộ Việt Minh ra quân lệnh số 1 hiệu triệu nhân dân vùng dậy tổng khởi nghĩa vào 23 giờ đêm ngày 13 tháng 8. Điều đó chứng tỏ sự lãnh đạo của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi rất sáng suốt, mau lẹ kịp thời. Tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương, nhưng Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi đã tỏ ra có năng lực lãnh đạo xuất sắc, biết áp dụng một cách sáng tạo chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Trung ương vào điều kiện cụ thể của Quảng Ngãi.

Trong lúc cao trào cách mạng ở Quảng Ngãi đang lên mạnh thì phong trào ở các tỉnh lân cận vẫn còn yếu. Có thể nói, sau khi giải phóng Việt - Bắc, cùng với một số tỉnh ở thượng du và Trung du Bắc Bộ, Quảng Ngãi là nơi có phong trào lớn mạnh và sâu rộng nhất.

Tuy vậy ở một số làng và thị xã phong trào còn yếu, vì ở đó lực lượng của địch mạnh hơn lực lượng của ta, cơ sở Đảng còn yếu. Thí dụ: thị xã Quảng Ngãi là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa, là đầu não của địch, cho đến ngày khởi nghĩa, chỉ có một tiểu tổ công chức cứu quốc và một số binh sĩ cứu quốc. Nhưng thiếu sót đó là thứ yếu, không hề làm giảm ưu điểm căn bản và to lớn của cuộc khởi nghĩa tháng Tám ở Quảng Ngãi, là đã phát động được toàn dân nổi dậy.

Một ưu điểm của Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi là *không những chỉ biết phong trào cách mạng ở tỉnh mình, mà còn phối hợp, giúp đỡ các tỉnh lân cận*, làm cho phong trào cách mạng ở miền Nam Trung Bộ phát triển tương đối đều. Quảng Ngãi xứng đáng là trung tâm cách mạng của miền Nam Trung Bộ. Trước khởi nghĩa, trong khởi nghĩa và cả sau khởi nghĩa, Quảng Ngãi đã gửi nhiều cán bộ, bộ đội đến giúp đỡ huấn luyện, phòng thủ cho các tỉnh lân cận. Đặc biệt trong những ngày đầu kháng chiến ở Nam Bộ và miền cực Nam Trung Bộ, Quảng Ngãi đã gửi cho Nam Bộ trên 10 chi đội tức gần 2 vạn quân.

Một ưu điểm khác là tinh thần quả quyết của quân và dân Quảng Ngãi rất cao. Quân và dân Quảng Ngãi nhất tề vùng dậy, anh dũng đấu tranh, không do dự, rụt rè, đập phẳng tất cả những trở ngại, xông lên giành chính quyền trong tay Nhật và bọn bù nhìn thân Nhật, thành lập chính quyền nhân dân cách mạng với tinh thần quả quyết rất cao.

Nhờ có tinh thần đó, Quảng Ngãi đã lập được nhiều chiến công oanh liệt. Những trận Xuân Phổ, Mỏ Cày... đã chứng minh một cách hùng hồn sức mạnh xung thiên của phong trào cách mạng Quảng Ngãi, làm cho quân đội phát xít Nhật phải khiếp sợ... Trong cuộc khởi nghĩa tháng Tám, Quảng Ngãi là một trong những tỉnh đã phải đổ máu, đã chiến đấu vô cùng anh dũng với phát xít Nhật. Điều đó đã cổ vũ mạnh mẽ đối với tinh thần quyết chiến của nhân dân miền Nam trong những ngày

Cách mạng tháng Tám, trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, cũng như mãi về sau này.

3. Kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Bài học về vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với lực lượng vũ trang

Đấu tranh vũ trang là kế tục của đấu tranh chính trị. Nó là một hình thức đặc biệt, hình thức cao nhất của đấu tranh chính trị. Đường lối đấu tranh vũ trang phải do đường lối chính trị quyết định, đấu tranh vũ trang là một thủ đoạn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị. Vì vậy, nắm vững và quán triệt đường lối chính trị, vận dụng khéo léo đường lối chính trị, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang là điều kiện cơ bản đảm bảo cho cách mạng thắng lợi. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh điều đó.

Từ năm 1939, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương là phải giải phóng cho các dân tộc Đông Dương khỏi ách thống trị của phát xít Nhật và thực dân Pháp. Để chia mũi nhọn cách mạng vào kẻ thù chính, Đảng tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", thay bằng khẩu hiệu "giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho nông dân nghèo", đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết mọi lực lượng yêu nước.

Cùng với việc chuyển hướng nhiệm vụ cách mạng, Đảng đã kịp thời chuyển hướng các hình thức đấu tranh. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (1939) nêu rõ: "Phải biết xoay tất cả phong trào lẻ tẻ vào cuộc đấu tranh chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống

đế quốc Pháp và bè lũ, dự bị những điều kiện để bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc". Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (1940) lại nêu: "Muốn cho cách mạng tư sản dân quyền triệt để thành công, giai cấp vô sản Đông Dương bây giờ phải lãnh đạo dân cày và quảng đại quần chúng bị áp bức ở thành thị, làm cách mạng một lần nữa, nghĩa là phải đổ máu, phải dùng vũ trang bạo động, đánh đổ chính phủ tư sản". Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (1941) nhấn mạnh: "Vũ trang khởi nghĩa" và quyết định nhiều vấn đề quan trọng về vũ trang khởi nghĩa.

Nhưng "không phải nói đến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, nói đến khởi nghĩa, là không còn coi trọng phong trào chính trị của quần chúng nữa; ngược lại, nếu không có phong trào chính trị sâu rộng của quần chúng cách mạng, thì không thể có khởi nghĩa thắng lợi. Vì vậy, mà muốn chuẩn bị tốt khởi nghĩa vũ trang, thì công việc chủ yếu hơn hết, quan trọng hơn hết là phải tuyên truyền tổ chức quần chúng, phải "mở rộng và củng cố các tổ chức cứu quốc". Chỉ trên cơ sở những tổ chức chính trị vững mạnh mới có thể gây dựng những tổ chức nửa vũ trang vững mạnh, mới có thể tiến tới tổ chức ra những tổ du kích, những đội du kích có liên hệ mật thiết với quần chúng cách mạng, do đó mà có điều kiện để hoạt động và phát triển"¹.

1. Võ Nguyên Giáp: *Những kinh nghiệm lớn của Đảng ta về lãnh đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1961, tr. 13.

Từ năm 1940, ở nước ta đã có điều kiện để xuất hiện hình thức đấu tranh du kích từng địa phương. Nhưng trong thời gian từ 1940 đến Cách mạng tháng Tám, hình thức đấu tranh chính trị vẫn là chủ yếu.

Ban lãnh đạo khởi nghĩa Ba Tơ đã biết đề cao công tác vận động chính trị trong quần chúng, đồng thời rất coi trọng công tác xây dựng lực lượng vũ trang. Ngay trong khởi nghĩa và sau khởi nghĩa Ba Tơ, cũng như lúc phải tạm rút lui lên chiến khu... lúc nào công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng cũng được đặc biệt chú trọng. Sau khi bỏ chủ trương khởi nghĩa ở đồng bằng, có một thời gian ngắn, Ủy ban vận động cứu quốc có phần nặng về việc tiếp tế cho đội du kích, nên phong trào đấu tranh của quần chúng có bị hạn chế, nhưng sau đó đã kịp thời khắc phục. Nhưng không phải chỉ chú trọng đơn thuần công tác chính trị, ban lãnh đạo khởi nghĩa Ba Tơ đã biết kết hợp chặt chẽ hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, biết xây dựng cả hai lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Cùng với việc tuyên truyền, tổ chức, động viên quần chúng đến với cách mạng, hợp thành đội quân chính trị to lớn, các đồng chí đã chú trọng xây dựng các đội tự vệ, du kích và căn cứ địa cách mạng. Để chuẩn bị khởi nghĩa, lực lượng cách mạng đã chia làm hai bộ phận: Một bộ phận về đồng bằng phát động quần chúng khởi nghĩa, một bộ phận xây dựng lực lượng vũ trang cướp đồn Ba Tơ. Lúc rút vào chiến khu, lực lượng cách mạng cũng chia làm hai, bộ phận yếu về đồng bằng hoạt động chính trị, bộ phận có sức khỏe vào rừng núi xây dựng

lực lượng vũ trang. Khi đội du kích rút về đồng bằng, hai nhiệm vụ chính trị và vũ trang được kết hợp chặt chẽ hơn. Trong hai đại đội ở hai chiến khu Vĩnh Sơn và Núi Lớn, các trung đội luôn luôn thay nhau vừa luyện tập quân sự, vừa về đồng bằng tuyên truyền, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Các đồng chí lãnh đạo cách mạng Ba Tơ đã biết lấy phong trào vũ trang ở Ba Tơ, ở Vĩnh Sơn, Núi Lớn để động viên, cổ vũ phong trào chính trị trong quần chúng, vận động quần chúng lập "quỹ cứu quốc", "quỹ Ba Tơ", ủng hộ cho các đội du kích ở chiến khu. Việc kết hợp chặt chẽ hai hình thức đấu tranh làm cho các lực lượng vũ trang vượt được nhiều gian nan để trưởng thành mau chóng, làm cho phong trào quần chúng có chỗ dựa cũng lên nhanh như diều được gió. Đội du kích vừa luyện tập quân sự, vừa vũ trang tuyên truyền, vừa trừ gian diệt phản động, làm cho các mặt hoạt động ảnh hưởng, thúc đẩy lẫn nhau, tiến triển một cách nhịp nhàng và thuận lợi.

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh khởi nghĩa ban ra, các hình thức tuyên truyền và đấu tranh mới cũng xuất hiện và ngày càng biến hóa rất phong phú. Những hình thức phổ biến như tuyên truyền, diễn thuyết xung phong, mít tinh, biểu tình thị uy vũ trang đã được kết hợp một cách chặt chẽ với những hình thức đặc biệt, quyết liệt hơn như đánh du kích, phá hoại, quấy rối, bao vây, đánh chiếm đồn địch, trừ gian... Đặc biệt là các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang phối hợp một cách khôn khéo và nhịp nhàng với lực lượng của quần chúng đông đảo; quần chúng với sức mạnh vũ bão

dùng thanh viện để hỗ trợ cho đấu tranh vũ trang; ngược lại, tiếng súng đã cổ vũ thêm tinh thần đấu tranh của nhân dân; vừa chiến đấu, vừa làm công tác binh vận; vừa đấu tranh vừa tiếp tục xây dựng và phát triển thêm lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, biết vận dụng các hình thức đấu tranh, biết kết hợp khéo léo các hình thức đấu tranh, cuộc khởi nghĩa tháng Tám ở Quảng Ngãi đã thu được thắng lợi vẻ vang.

Ở đây cần nhấn mạnh, muốn đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và vũ trang, phải đi đúng đường lối quần chúng, nắm vững chính sách dân tộc của Đảng. Trong cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, Ủy ban bạo động đã biết dựa vào quần chúng, vận động quần chúng biểu tình thị uy làm áp lực mạnh mẽ cho bộ phận vũ trang chiếm đồn, nên khởi nghĩa đã thắng lợi nhanh chóng và dễ dàng. Trong mấy ngày xây dựng chính quyền, Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ đã đem lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân, như chia của cải đã tịch thu được, xóa bỏ các thứ thuế,... tập hợp quần chúng vào các đoàn thể cứu quốc làm hậu thuẫn cho chính quyền cách mạng. Khi phải tạm thời rút vào bí mật, ban lãnh đạo đã tuyên truyền, giải thích cho quần chúng để tranh thủ cảm tình của nhân dân; sau đó dù bị giặc khủng bố dã man, nhân dân vẫn một lòng trung thành với cách mạng, tin tưởng ở cách mạng và tận tình giúp đỡ, che chở, nuôi dưỡng quân cách mạng. Trong thời gian lẩn lộn giữa rừng sâu núi cao, các chiến sĩ du kích Ba Tơ luôn luôn đề cao công tác dân vận, đi đến đâu cũng chú

trọng việc gây dựng cơ sở trong nhân dân, tuyên truyền giác ngộ và tận tình giúp đỡ nhân dân. Trước tình trạng giặc vây lùng ngày càng ráo riết, bị dồn vào thế cô độc, thiếu thốn, khó khăn, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định đưa đội du kích về đồng bằng, hoạt động ngay trong lòng địch, nhưng chính cũng để nằm ngay trong lòng nhân dân, để nhân dân che chở, nuôi dưỡng. Nhờ có quan điểm quần chúng đúng đắn đó, đội du kích Ba Tư đã vượt qua mọi gian lao để ngày càng phát triển và đã thắng lợi vẻ vang trong Cách mạng tháng Tám.

Đặc biệt, quan điểm quần chúng đúng đắn của các chiến sĩ du kích Ba Tư còn được biểu hiện ở chỗ là các đồng chí đã giải quyết tốt vấn đề dân tộc. Nhờ được học tập nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939), các đồng chí lãnh đạo ở Ba Tư đã thấy rõ vấn đề dân tộc là một trong những vấn đề hết sức quan trọng của cách mạng Đông Dương mà Đảng ta đã rất chú trọng. Trong nghị quyết đã nêu: "Đảng Cộng sản chống những quan điểm quốc gia hẹp hòi, luôn luôn theo đúng tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản, đòi cho dân tộc Đông Dương được quyền tự quyết và chủ trương các dân tộc liên hiệp thân ái". Do đó, người cộng sản phải hết sức phản đối mọi thủ đoạn chia rẽ dân tộc của đế quốc cũng như nghiêm khắc phê phán các quan điểm dân tộc lớn, quan điểm quốc gia hẹp hòi của các đảng quốc gia cách mạng. Mặt khác Đảng đã chỉ rõ rằng: "Các dân tộc thiểu số đều có lịch sử đấu tranh anh dũng và vẻ vang chống đế quốc cho nên phải xóa bỏ tất cả những thành

kiến dân tộc, phá tan chính sách chia rẽ của địch để đoàn kết các dân tộc thành một khối thống nhất vĩ đại".

Chính sách dân tộc của Đảng đã được các chiến sĩ Ba Tơ thực hiện đúng đắn. Các đồng chí đã nắm vững đặc điểm của Ba Tơ là một châu thượng du, đại đa số nhân dân là đồng bào Thượng (dân tộc ít người), nên ngay từ đầu cho đến mãi sau này, trong mọi chủ trương chính sách và phương pháp công tác, các đồng chí đều đề cao vấn đề dân tộc, luôn luôn chú ý trước hết đến quyền lợi của đồng bào dân tộc thiểu số.

Ở Ba Tơ trước đây, bọn đế quốc đã dùng mọi thủ đoạn xảo quyệt để chia rẽ dân tộc. Chúng khinh miệt đồng bào dân tộc thiểu số, gọi họ là "Mọi". Chúng cho bọn Việt gian phản động, mật thám người Kinh lên cai trị, đàn áp, bóc lột, mua rẻ bán đắt, lừa gạt đồng bào. Mặt khác, chúng dùng bọn Thượng gian hay binh lính người Thượng để đàn áp, đánh đập bắn giết anh em tù "an trí" người Kinh. Chúng cố tình gây mâu thuẫn giữa người Thượng với người Kinh. Từ khi còn bị "an trí", các đồng chí ở Ba Tơ đã luôn luôn gây cảm tình với đồng bào Thượng, mua bán phải chăng, hết lòng giúp đỡ đồng bào Thượng, nên đã lấp dần cái hố chia rẽ dân tộc. Chi bộ Đảng ở cảng Ba Tơ đã gây được cơ sở trong các làng của đồng bào Thượng. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, đồng bào Thượng là lực lượng chính đã đưa cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đến thắng lợi. Thực tế đó chứng tỏ một cách hùng hồn rằng, chính sách chia rẽ dân tộc của bọn đế quốc đã bị thất bại thảm hại.

Suốt thời gian len lỏi hoạt động trong núi rừng, đội du kích Ba Tơ đã sống bên cạnh đồng bào Thượng. Các chiến sĩ rất tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào Thượng, làm lễ kết nghĩa anh em với đồng bào. Do đó đồng bào Thượng đã thấy rõ người cách mạng là của họ, giống như họ, đấu tranh cho quyền lợi của họ, nên họ hết lòng ủng hộ cách mạng.

Lúc quân cách mạng Ba Tơ rút vào rừng núi để xây dựng lực lượng vũ trang, Ủy ban vận động cứu quốc ở đồng bằng đã tích cực vận động nhân dân tiếp tế lương thực cho đội du kích. Việc làm đó rất cần thiết và đúng đắn. Nhưng vì chỉ lo việc đó, Ủy ban đã coi nhẹ việc tuyên truyền, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh ở đồng bằng. Do đó lực lượng của địch không bị phân tán, trái lại còn được tập trung để vây lùng nhằm tiêu diệt đội du kích Ba Tơ, làm cho đội du kích phải lâm vào thế cô lập, thoát ly quần chúng, phải đi sâu vào rừng núi, gặp biết bao nhiêu khó khăn về tiếp tế và bị hao mòn lực lượng.

Để xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang thắng lợi, vấn đề có tính chất quyết định là xác lập vai trò lãnh đạo của Đảng trong đó. Chủ trương sáng suốt của Tỉnh ủy Quảng Ngãi là đã thành lập chi bộ Đảng trong đội du kích Ba Tơ, do đó bảo đảm được vai trò độc quyền lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang. "Nói đến những thành tích vẻ vang của đội du kích Ba Tơ cũng tức là nói đến công lao rèn luyện, giáo dục của Đảng ta đối với nó"¹.

1. Đồng chí Trương Quang Giao viết trong báo "Thống nhất" số 197, ra ngày 10 tháng 3 năm 1961.

Học tập kinh nghiệm lãnh đạo Hồng quân của Đảng cộng sản Liên Xô và Đảng cộng sản Trung Quốc, Đảng ta đã bước đầu thực hiện chế độ chính trị ủy viên trong lực lượng vũ trang. Điều đó thể hiện rõ rệt trong Việt Nam cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và các đội du kích. Đồng chí Nguyễn Chánh với cương vị là chính trị viên của đội du kích, cùng các đồng chí khác, đã thay mặt Đảng giáo dục, rèn luyện cho các chiến sĩ du kích Ba Tơ có một tinh thần chiến đấu anh dũng bất khuất, có một ý chí quyết tâm chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, đủ sức đương đầu với các cuộc vây quét của phát xít Nhật và bọn chó săn của chúng. Nhờ có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, đội du kích Ba Tơ không những không bị tiêu diệt mà mỗi ngày một lớn mạnh, đã lập được nhiều chiến công vẻ vang. Đồng chí Nguyễn Chánh là người thay mặt Đảng, được các chiến sĩ du kích Ba Tơ quý trọng, thường gọi là người anh cả.

Các chiến sĩ đều thừa nhận chi bộ Đảng là linh hồn của đội du kích Ba Tơ. Nhờ có tinh thần đấu tranh kiên cường, đội du kích Ba Tơ đã nhiều lần làm cho bọn phát xít Nhật và tay sai bị thất bại. Bọn địch không thể hiểu được tại sao, từ một trung đội 28 người với 24 khẩu súng trường, mà chỉ trong 5 tháng quân số đã lên tới hàng nghìn với 60 khẩu súng, có đội ngũ chặt chẽ và đã chiến đấu quyết liệt với chúng, làm cho chúng ngày ăn không ngon đêm ngủ không yên.

Qua thực tế lịch sử nói trên, chúng ta cần rút ra bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ

trang. Nếu không thừa nhận chân lý đó thì vô tình hoặc hữu ý, sẽ làm giảm sút hoặc phá hoại sự thống nhất hùng mạnh của quân đội cách mạng. Điều đó càng chứng tỏ: nhận thức và thực hiện được vai trò Đảng lãnh đạo tuyệt đối đối với lực lượng vũ trang, là một bài học thành công của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Đó là bài học chủ yếu trong việc xây dựng lực lượng vũ trang trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám. Bài học kinh nghiệm ấy đã được phát huy đầy đủ hơn trong thời kỳ kháng chiến thực dân Pháp và đế quốc Mỹ sau này.

Nói đến đấu tranh vũ trang, một vấn đề rất quan trọng không thể quên được, là việc vận động binh lính địch. Từ khi mới ra đời, Đảng đã rất quan tâm đến vấn đề vận động binh lính địch. Qua các thời kỳ, nghị quyết và chỉ thị của Đảng thường nhắc đến vấn đề này. Đặc biệt là nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương (tháng 2-1943) đã nói về binh vận như sau: "Binh lính rất cần cho cuộc võ trang khởi nghĩa, bởi vì binh lính cách mạng mang lại vũ khí và cán bộ chỉ huy quân sự cho quần chúng khởi nghĩa. Vậy các Đảng bộ phải tìm hết cách gây ra và phát triển các hội "quân nhân cứu quốc". Ngoài ra muốn tổ chức binh lính cho nhanh, phải dùng những hình thức nhẹ nhàng như hội bóng tròn, hội tương tế, v.v... Mỗi xứ phải có Ủy ban binh vận của xứ, trực tiếp chỉ huy, các tiểu ban binh vận khắp nơi". Trong báo "Cờ giải phóng", cơ quan Trung ương của Đảng, ra ngày 22 tháng 7 năm 1944, đã viết: "... phải hết sức vận động binh lính để lấy súng thù bắn thù".

Ở Quảng Ngãi, Ủy ban vận động cứu quốc đã đề ra việc lập Hội Bình nhân cứu quốc; trong cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, trong các trận đánh đồn Gi Lăng, Ba Tơ, Minh Long, trong khởi nghĩa tháng Tám ở thị xã Quảng Ngãi, Ủy ban bạo động đã tiến hành công tác vận động binh lính có kết quả tốt. Hai lính bảo an ở đồn Ba Tơ đã mang 4 khẩu súng theo quân cách mạng và dẫn đường cho quân cách mạng vào cướp đồn Ba Tơ. Đồng chí Nguyễn Chánh nhờ hai cơ sở trong đồn đã bắt tên quản Trăn và chiếm đồn Gi Lăng rất dễ dàng. Toàn bộ binh lính ở hai đồn bảo an và khố đồ ở thị xã đã theo cách mạng. Đó là một ưu điểm lớn. Tiếc rằng ưu điểm ấy không được Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi phát huy triệt để.

4. Thành lập chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tơ

Vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của cách mạng. Nắm được nguyên lý đó, sau khi khởi nghĩa, Ủy ban bạo động đã tuyên bố thành lập chính quyền. Chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tơ đã kịp thời ban bố một số quyền lợi thiết thực như xóa thuế, xóa nợ và chia của cải thu được trong đồn cho nhân dân. Nhờ việc làm kịp thời đó, nên đã tập hợp được đông đảo quần chúng, làm cho quần chúng phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm tham gia cách mạng.

Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ gồm ba người: đồng chí Nguyễn Đôn và hai ông Thăng và Tài là người địa phương. Thành phần ấy tiêu biểu cho tinh thần đoàn kết dân tộc của Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh

đạo của Đảng. Việc "uống máu ăn thề" giữa nhân dân với quân cách mạng, nói lên tinh thần kiên quyết hy sinh vì cách mạng của nhân dân, để bảo vệ quyền lợi của mình do chính quyền cách mạng đã đem lại. Ông Run bị địch cửa cổ vẫn kiên quyết không khai, một lòng bảo vệ quân cách mạng; ông đã nêu gương hy sinh anh dũng, tấm gương sáng chói ấy tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của nhân dân Ba Tư. Tinh thần ấy còn biểu lộ rõ rệt trong khi nhân dân bị phát xít Nhật và bọn tay sai khủng bố rất tàn bạo. Chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tư chỉ tồn tại được bốn ngày, nhưng nó đặt nền móng đầu tiên cho chính quyền nhân dân cách mạng Quảng Ngãi sau ngày khởi nghĩa tháng Tám.

Chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tư thành lập là một thắng lợi lớn. Khi phát xít Nhật và bọn tay sai kéo lên đàn áp, các đồng chí lãnh đạo chủ trương cho quân cách mạng rút vào rừng núi để thành lập chiến khu và xây dựng lực lượng vũ trang, việc đó là cần thiết và đúng đắn. Nhưng một thiếu sót lớn là không để một số cán bộ ở lại Ba Tư hoạt động bí mật trong nhân dân, tổ chức cơ sở quần chúng, duy trì ảnh hưởng của chính quyền cách mạng. Nhân dân Ba Tư có truyền thống đấu tranh anh dũng chống đế quốc, hết lòng trung thành với cách mạng, nhưng không có cán bộ của Đảng ở lại làm hạt nhân lãnh đạo, thì phong trào cách mạng ở Ba Tư rất khó giữ vững. Lúc ấy, nếu có một số cán bộ chưa lộ mặt ở lại bám lấy nhân dân, giữ vững tinh thần đấu tranh của nhân dân, bí mật hoạt động gây cơ sở, lãnh đạo nhân dân đấu tranh bằng những hình thức thích

hợp để chống địch khủng bố, thì phong trào nhất định sẽ còn phát triển nhanh chóng hơn nhiều. Chỉ thị của Đảng nói về: "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" đã nêu rõ:

"1. Nếu Nhật về đàn áp bắt bớ ở một làng nào thì huy động cả làng và các làng xung quanh nổi trống mõ, còi ốc, tù và, và bắn súng, đốt pháo làm sức thanh viện, xua đuổi chúng, đồng thời mai phục đánh tháo cho những người bị bắt.

2. Nếu Nhật đem quân đánh phá khu du kích thì đội quân du kích phải khéo dùng chiến thuật "hóa chẵn thành lẻ, hóa lẻ thành chẵn" phối hợp với nhân dân đằng sau quân địch, đánh phá nhiều loạn làm cho chúng rút lui...".

Các đồng chí lãnh đạo khởi nghĩa Ba Tơ không làm được điều đó, sau khi quân cách mạng rút đi, phong trào cách mạng Ba Tơ đã bị chìm trong máu, ảnh hưởng của chính quyền nhân dân cách mạng Ba Tơ không được phát huy.

Trong việc xây dựng, giữ vững và củng cố chính quyền không bao giờ được quên việc trấn áp bọn phản cách mạng bằng mọi cách. Nắm vững chân lý "chính quyền thắng lợi nào cũng phải là chính quyền chuyên chính", Ủy ban khởi nghĩa Quảng Ngãi đã chủ trương thẳng tay trừng trị bọn Việt gian nguy hiểm. Nếu cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi nổ ra chậm một vài hôm và không kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, thì bọn Ngô Đình Diệm có thể làm cuộc đảo chính, nhận chính

quyền do phát xít Nhật trao cho, đặt Cường Để lên ngai vàng, rồi dùng tàn quân của Nhật và bọn bảo hoàng chống lại cách mạng. Hơn nữa nếu bọn Ngô Đình Diệm thực hiện được âm mưu trên thì các đảng phái phản động khác sẽ hoạt động ráo riết và trắng trợn hơn. Chúng ta hãy tưởng tượng trong hoàn cảnh khó khăn lúc ấy, ở miền Bắc, bọn Việt quốc, Việt cách bám gót quân Tưởng nổi dậy chống phá cách mạng; ở miền Nam, bọn thực dân Pháp núp bóng quân Anh - Ấn trở lại xâm lược một lần nữa; ở Trung Bộ, nếu bọn Ngô Đình Diệm bám gót phát xít Nhật nổi lên được, thì vận mệnh của chính quyền dân chủ cộng hòa non trẻ của chúng ta sẽ ra sao?

Nhưng trong việc trừ gian diệt phản động, một số địa phương đã mắc phải "tả" khuynh; việc trừng trị bọn đầu sỏ phản động là cần thiết, nhưng không biết phân biệt bọn ngoan cố phản động với tay chân của chúng là những người bị mê hoặc và bị mua chuộc, là một điều sai lầm. Vả lại việc trừng trị bọn phản động Cao Đài không những chỉ đơn thuần là vấn đề chính trị giữa cách mạng và phản cách mạng, mà còn có vấn đề tôn giáo. Chính sách của Đảng là phải tuyệt đối tôn trọng tín ngưỡng của nhân dân, phải phát động quần chúng giáo dân, để quần chúng giác ngộ tự nhận rõ bộ mặt phản động của những phân tử đội lốt tôn giáo, kiên quyết đấu tranh với chúng là những kẻ đã phản bội quyền lợi của giáo dân. Nếu chỉ một mặt dùng bạo lực trấn áp những tên phản động Cao Đài, thì nhất định sẽ đụng đến lòng sùng đạo của giáo dân. Ủy ban vận động

cứu quốc đã đề ra chủ trương là chỉ trừng trị bọn phản động đầu sỏ, và phải hết sức giáo dục tranh thủ quần chúng bên dưới. Song nhiều nơi đã không thi hành đúng chủ trương ấy. Do đó đã ảnh hưởng không tốt đến công tác vận động quần chúng theo đạo Cao Đài.

5. Xây dựng căn cứ địa cách mạng và phát động chiến tranh du kích

Sau khởi nghĩa Ba Tơ, muốn bảo tồn và phát triển lực lượng cách mạng, muốn duy trì và phát triển lực lượng du kích đánh lâu dài, nhất định phải xây dựng căn cứ địa cách mạng và phát động chiến tranh du kích.

Căn cứ địa "là chỗ đóng của quân du kích để tiến có thể đánh quân địch, lui có thể giữ được lực lượng của mình. Nói một cách khác, căn cứ địa là nơi có thể hiểm, vừa lợi cho việc tiến công, vừa lợi cho việc phòng ngự của quân du kích".

"Căn cứ vào định nghĩa trên, một căn cứ địa của quân du kích phải có đủ điều kiện dưới đây:

1. Điều kiện địa dư - địa thế hiểm trở có thể che chở cho bộ đội trong khi bộ đội phòng ngự hay rút lui, quân địch không thể tiến đánh một cách dễ dàng.

2. Điều kiện quân sự - vị trí tiện cho việc tiến công quân địch, không xa những chỗ nhất định quân địch phải đóng giữ hoặc qua lại.

3. Điều kiện kinh tế - thổ sản có thể cung cấp cho bộ đội sống mặc dầu quân địch vây hãm.

4. Điều kiện chính trị - Tổ chức cách mạng trong quần chúng khá mạnh, có thể giúp bộ đội về mọi mặt"¹.

Ngoài 4 điều kiện nói trên, căn cứ địa cách mạng ở Việt Bắc xuất hiện trong điều kiện nước ta bị phát xít Nhật - Pháp thống trị, chúng mâu thuẫn với nhau ngày càng sâu sắc, và phong trào đấu tranh của quần chúng toàn quốc đang trên đà tiến mạnh.

Riêng căn cứ địa Quảng Ngãi, ngoài những điều kiện nói trên, đã ra đời sau ngày Nhật hất cẳng Pháp ở Đông Dương, cao trào kháng Nhật cứu nước đang lên mạnh, chiến tranh du kích cục bộ đang phát triển, chính quyền cách mạng địa phương và căn cứ địa kháng Nhật đã được thành lập ở nhiều nơi. Trong quá trình phát sinh và phát triển, từ núi rừng Ba Tư chuyển về Vĩnh Sơn và Núi Lớn, căn cứ địa Quảng Ngãi phải trải qua thời kỳ xây dựng rất gian khổ, từ nhỏ đến lớn, từ hẹp tới rộng, từ thấp lên cao, và luôn luôn bị địch bao vây chia cắt. Quá trình xây dựng căn cứ địa là quá trình chuẩn bị lực lượng vũ trang cục bộ, kết hợp với việc tổ chức và phát động quần chúng, tập dượt cho quần chúng tiến lên dùng bạo lực giành chính quyền. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, căn cứ địa cách mạng là căn cứ chiến lược, mà lực lượng cách mạng dựa vào đó để hoàn thành nhiệm vụ chiến lược của cách mạng.

Trong bốn điều kiện xây dựng căn cứ địa nói trên, mỗi điều kiện đều có tầm quan trọng riêng của nó, đồng

1. Trích trong bài "Chọn căn cứ địa" của Tân Trào, trong "Cờ giải phóng" số 15, ngày 17 tháng 7 năm 1945.

thời có quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau. Ở mỗi nơi, mỗi lúc, tùy theo sự so sánh lực lượng giữa ta và địch, mà điều kiện này hay điều kiện khác nổi lên hàng đầu và có tính chất quyết định.

Ở Quảng Ngãi, thời kỳ đầu, địch tập trung lực lượng vây lùng định tiêu diệt đội du kích Ba Tư. Đội du kích Ba Tư phải rút vào rừng núi. Hoạt động của đội du kích lúc đó chủ yếu là gây dựng cơ sở quần chúng, chống địch càn quét, bảo tồn và xây dựng lực lượng, luyện tập quân sự. Lúc này điều kiện địa hình rừng núi hiểm trở là điều kiện rất quan trọng, có tác dụng quyết định. Nếu không dựa vào rừng núi hiểm trở làm chiến lũy thì đội du kích Ba Tư sẽ bị tiêu diệt. Nhưng trong quá trình xây dựng căn cứ địa, nếu cứ chỉ bám lấy rừng núi, thì không những không phát triển được lực lượng, mà còn bị tiêu hao nữa, vì rừng núi hiểm trở chỉ thuận lợi về địa hình, nhưng khó khăn về người ít và kinh tế nghèo nàn. Đội du kích Ba Tư đã kịp thời chuyển hướng, về hoạt động với quần chúng đông đảo để quần chúng nuôi dưỡng và bảo vệ. Sau khi đội du kích Ba Tư chuyển về Vĩnh Sơn và Núi Lớn, thì điều kiện cơ bản và cần thiết trước hết để tiến hành xây dựng căn cứ địa, là phải có cơ sở quần chúng vững mạnh. Cơ sở quần chúng càng phát triển vững mạnh, thì càng có điều kiện để xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Ngược lại, lực lượng vũ trang mạnh lại có tác dụng cổ vũ, củng cố và mở rộng cơ sở quần chúng, làm cho khí thế đấu tranh chính trị của quần chúng ngày càng lên cao. Do đó căn cứ địa cách mạng mỗi ngày một vững chắc, lực lượng của địch ngày

càng bị tiêu hao, đi tới chỗ thất bại về chính trị và quân sự, thì ta mới có điều kiện tiến hành khởi nghĩa thắng lợi.

Căn cứ địa Quảng Ngãi còn cho thấy: muốn củng cố và phát triển căn cứ địa vững chắc thì phải không ngừng nâng cao giác ngộ cách mạng và tinh thần cảnh giác cách mạng của quần chúng nhân dân, phải kiên quyết trừng trị bọn phản cách mạng, phải củng cố mặt trận Việt Minh trên cơ sở công nông liên minh vững chắc, phải tổ chức Đảng vững mạnh để làm hạt nhân lãnh đạo.

Trong quá trình xây dựng căn cứ địa Quảng Ngãi, vì lực lượng địch còn mạnh hơn lực lượng ta nhiều, đội du kích đã phải trải qua thời gian hoạt động bí mật, luôn luôn phải di động, "hóa chỉnh vi linh, hóa linh vi chỉnh"; khi thì phân tán lực lượng để gây cơ sở quần chúng, tổ chức tự vệ chiến đấu và tự vệ, lúc có điều kiện lại tập trung huấn luyện quân sự; khi phong trào quần chúng lên mạnh và lực lượng vũ trang đã trưởng thành, thì đội du kích chuyển sang hoạt động nửa công khai hoặc công khai, đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị của quần chúng để giành chính quyền.

Phương châm hoạt động của đội du kích Ba Tư là vũ trang tuyên truyền, chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến; dùng lực lượng vũ trang mà bảo vệ, củng cố và phát triển cơ sở chính trị; do củng cố và phát triển cơ sở chính trị, mà tiến lên một bước củng cố và phát triển lực lượng vũ trang và nửa vũ trang; rồi

tiến lên chính trị và vũ trang đi đôi. Hai hình thức đấu tranh ấy hỗ trợ cho nhau và thúc đẩy lẫn nhau; đến ngày tổng khởi nghĩa cướp chính quyền trong toàn tỉnh, đấu tranh chính trị được kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang nhưng nhìn chung đấu tranh chính trị vẫn là chủ yếu.

Tại căn cứ địa Quảng Ngãi, lực lượng của ta yếu hơn địch nhiều, nên chưa thành lập được chính quyền cách mạng để cho nhân dân thật sự nắm chính quyền. Nó chưa phải là một căn cứ địa hoàn chỉnh như căn cứ địa Việt Bắc (khu giải phóng), nhưng nó cũng đã làm tròn nhiệm vụ của nó. Nhờ có căn cứ địa Ba Tơ, Vĩnh Sơn, Núi Lớn mà đội du kích Ba Tơ đã tồn tại, phát triển ngày càng lớn mạnh, nhanh chóng cả về số lượng lẫn chất lượng. Từ 28 người với 24 khẩu súng, chỉ qua 5 tháng (từ 14-3 đến 14-8-1945), đội du kích Ba Tơ đã phát triển tới trên 1.000 người với 60 khẩu súng (trong đó có mấy khẩu súng máy kiểu Mỹ). Sau ngày khởi nghĩa, số súng lên tới 400 khẩu, quân số lên đến hàng vạn. Đội quân ấy đã luyện tập, chiến đấu, xây dựng, gây cơ sở, thúc đẩy phong trào cách mạng chung trong toàn tỉnh ngày càng lên cao. Nó xứng đáng là trung tâm, là ngọn đèn pha, là lá cờ đầu của toàn miền Nam Trung Bộ trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Toàn dân Quảng Ngãi đã hướng về đó nuôi nguồn tin tưởng, phấn khởi.

Trong cuốn "Khu giải phóng", đồng chí Võ Nguyên Giáp đã viết: "Cao Bằng, ngôi sao cách mạng của Việt

Bắc", chúng ta cũng có thể nói: "Ba Tơ, Vĩnh Sơn, Núi Lớn là ngôi sao cách mạng của miền Nam Trung Bộ".

Ngôi sao cách mạng đó ngày càng đốt cháy thêm ngọn lửa cách mạng trong lòng nhân dân miền Nam Trung Bộ. Ngọn lửa ấy đã bốc cháy sáng rực, thiêu hủy ách thống trị tàn bạo của đế quốc và phong kiến trong những ngày tháng Tám năm 1945 lịch sử.

PHỤ LỤC

Danh sách các đồng chí chỉ huy đánh chiếm đồn Ba Tư

1. Phạm Kiệt
2. Nguyễn Đôn
3. Nguyễn Khoách

Danh sách các đồng chí trực tiếp đánh chiếm đồn Ba Tư, đêm 11 tháng 3 năm 1945

1. Phạm Kiệt
2. Nguyễn Đôn
3. Nguyễn Khoách
4. Lê Lạc (Đức)
5. Nguyễn Cừ (Nhạn)
6. Phạm Hương (Xuân)
7. Phan Phong
8. Nguyễn Trinh Anh
9. Nguyễn Hường (Hoa)
10. Phan Diệt (Đề Xi)
11. Nguyễn Tấn Phước
12. Võ Huỳnh (Võ Thứ)
13. Lê Đồng
14. Võ Nhiếp

15. Võ Phấn
16. Phạm Sanh
17. Võ Xuân Phú

Danh sách trung đội du kích Ba Tư đầu tiên

1. Phạm Kiệt
2. Nguyễn Chánh
3. Nguyễn Đôn
4. Nguyễn Khoách
5. Phan Phong
6. Nguyễn Trinh Anh
7. Lê Lạc (Đức)
8. Nguyễn Cừ (Nhạn)
9. Nguyễn Hường (Hoa)
10. Phan Diệt (Đề Xi)
11. Phạm Hương (Xuân)
12. Võ Huynh (Võ Thứ)
13. Võ Nhiếp
14. Lê Đồng
15. Nguyễn Tấn Phước
16. Huỳnh Họa
17. Đinh Nếp
18. Đinh Béo
19. Lê Cẩn (Lê Súly)
20. Phạm Bá Mộc (Đại)

21. Bùi Cả
22. Cọ già Hương
23. Hy (Thành)
24. Huỳnh Quang Lầu
25. Võ Tuổi
26. Võ Xuân Phú
27. Phạm Sanh
28. Đinh Nhoi

ĐIỀU LỆ HỘI CHIẾN SĨ DU KÍCH BA TƠ

I. TÔN CHỈ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA HỘI

Hội chiến sĩ du kích Ba Tơ được thành lập ngày 11 tháng 3 năm 1948 theo chỉ thị của ông Phạm Văn Đồng, đại diện Chính phủ Trung ương tại miền Nam Trung Bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu V.

Tôn chỉ và mục đích của Hội là:

1. Giữ vững và phát huy một cách đúng đắn truyền thống cách mạng của Đội du kích Ba Tơ.

2. Giúp đỡ lẫn nhau về tinh thần và vật chất, làm cho tất cả hội viên được tiến bộ để nỗ lực phục vụ nhân dân, làm tròn các nhiệm vụ của chính quyền và đoàn thể giao cho.

II. HỘI VIÊN

A. THÀNH PHẦN:

Hội viên của hội gồm hai thành phần: Hội viên chính thức và hội viên tán trợ.

1. Hội viên chính thức là những người:

- Đã trực tiếp tham gia lãnh đạo Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11 tháng 3 năm 1945.

- Đã tham gia **Đội du kích Ba Tơ** từ khi còn ở chiến khu (miền Bắc và miền Nam Quảng Ngãi).

- Đã phụ trách công tác quân nhu tiếp tế cho **Đội du kích Ba Tơ** trong thời kỳ đó.

2. **Hội viên tán trợ là những người:**

- Đã tham gia **Đội du kích Ba Tơ** khi đội xuống hoạt động ở đồng bằng.

- Đã tự mình giúp đỡ hoặc vận động nhân dân giúp đỡ cho **Đội du kích Ba Tơ**.

- Tán thành tôn chỉ, mục đích của **Hội chiến sĩ du kích Ba Tơ**, đã giúp đỡ **Hội** và tự nguyện xin gia nhập **Hội**.

B. ĐIỀU KIỆN VÀO HỘI:

1. Chỉ những người trong các thành phần trên mới được vào **Hội**.

2. Phải có một hội viên cũ giới thiệu, hội nghị toàn **Hội** hay **Ban Trị sự** đồng ý mới được nhận làm hội viên.

3. Được kể là hội viên chính thức hay tán trợ do hội nghị toàn **Hội** quyết định.

C. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI VIÊN

Nhiệm vụ của hội viên là:

1. Giữ vững truyền thống cách mạng của **Đội du kích Ba Tơ**, luôn luôn nêu cao tinh thần "*Hy sinh hết thảy vì Tổ quốc*".

2. Luôn luôn *xung phong dũng cảm, tích cực công tác*, làm tròn những nhiệm vụ của chính quyền và đoàn thể giao cho.

3. Triệt để đả phá đầu óc *công thân*, luôn luôn *khiêm tốn thành khẩn tự phê bình và phê bình*, nỗ lực học tập để tiến bộ.

4. Đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

5. Thi hành những nghị quyết của Hội và Ban Trị sự. Thường xuyên liên lạc và báo cáo với Ban Trị sự Hội về công tác và tiến bộ của mình.

Quyền hạn của hội viên là:

1. Được dự các cuộc sinh hoạt và hội nghị học tập do Hội tổ chức.

2. Được Hội theo dõi giúp đỡ về mặt tinh thần để tiến bộ.

3. Được bàn bạc và biểu quyết các công việc của Hội và có quyền xin ra Hội (nhưng phải được Hội đồng ý).

4. Có quyền bầu cử Ban Trị sự Hội, nhưng chỉ các hội viên chính thức mới có quyền ứng cử.

5. Hội viên đau yếu, nghèo túng hay vì lẽ gì cần thiết sẽ được Hội tùy theo khả năng mà giúp đỡ.

III. TỔ CHỨC VÀ SINH HOẠT CỦA HỘI

1. Hội nghị toàn hội

- Cơ quan cao nhất của Hội là hội nghị toàn Hội mỗi năm họp chính thức 1 lần vào tháng 3 dương lịch. Ngoài ra, Hội có thể họp hội nghị bất thường.

2. Ban trị sự

- Giữa hai cuộc hội nghị toàn Hội, Ban Trị sự là cơ quan cao nhất của Hội.

- Ban Trị sự gồm có 5 người: Một hội trưởng, 1 phó hội trưởng, 1 thư ký và 2 ủy viên, do hội nghị toàn Hội cử ra. Ban Trị sự mỗi năm cử lại 1 lần.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Trị sự là:

+ Theo dõi các hội viên để giúp đỡ các hội viên thi hành đúng quyền hạn nhiệm vụ của mình.

+ Triệu tập các cuộc hội nghị chính thức và bất thường.

+ Thi hành khen thưởng và xử phạt theo Điều lệ Hội.

+ Sử dụng tài chính của Hội.

+ Giải quyết các công việc khác của Hội.

+ Báo cáo công tác trước hội nghị toàn Hội.

3. Ban Tài chánh

- Giúp việc Ban Trị sự có 1 Ban Tài chánh do Ban Trị sự đề cử và hội nghị toàn Hội thông qua.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tài chánh là:

+ Quản lý tài chánh của Hội và chi thu theo lệnh của Ban Trị sự.

+ Phát triển tài chánh của Hội theo một hướng duy nhất là tăng gia sản xuất và dựa vào sự giúp đỡ tự nguyện của đồng bào, tuyệt đối không được phạm vào chính sách kinh tế tài chánh của Chính phủ.

4. Các cán sự của Hội

- Tại mỗi đơn vị, mỗi địa phương có các hội viên của Hội hoạt động, Ban Trị sự Hội sẽ chỉ định một cán sự để

chịu trách nhiệm: giữ liên lạc, giữa Ban Trị sự và các hội viên trong đơn vị hay địa phương đó.

IV. KỶ LUẬT CỦA HỘI

1. Kỷ luật của Hội là kỷ luật tự giác. Hội viên nào phạm lỗi, không thi hành đúng Điều lệ, phạm đến thanh danh của Hội sẽ tùy theo nặng nhẹ mà phê bình, cảnh cáo hay khai trừ ra khỏi Hội.

2. Hội viên nào làm tròn nhiệm vụ có nhiều thành tích sẽ được Hội khen thưởng hay đề nghị chính quyền khen thưởng.

V. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Chỉ có hội nghị toàn Hội mới có quyền sửa đổi Điều lệ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Kiệt *"Từ núi rừng Ba Tơ"*, in lần thứ ba, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
2. Phạm Văn Bình, Lê Quốc Sử, *"Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ"*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963.
3. Trung tướng Nguyễn Đôn, *"Bình minh Ba Tơ"*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
4. Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, *"Lịch sử Đội du kích Ba Tơ"*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
5. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ, *"Đại cương lịch sử Việt Nam"*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.
6. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, *"Nguyễn Chánh con người và sự nghiệp"*, in lần thứ hai, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.

MỤC LỤC

	Trang
<i>* Lời nói đầu</i>	5
<i>Câu hỏi 1:</i> Hãy cho biết đôi nét về tình hình thế giới và trong nước giai đoạn 1939-1945, cao trào vận động giải pháp dân tộc, tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở nước ta?	7
<i>Câu hỏi 2:</i> Truyền thống yêu nước, chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi được thể hiện như thế nào? Tóm tắt quá trình xây dựng lực lượng, chuẩn bị đón thời cơ khởi nghĩa của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi?	20
<i>Câu hỏi 3:</i> Hãy cho biết đôi nét về Ba Tơ và truyền thống yêu nước, tinh thần căm thù giặc của nhân dân Ba Tơ. Chi bộ cảnh an trí Ba Tơ được ra đời như thế nào?	28
<i>Câu hỏi 4:</i> Nêu nội dung, diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Đội du kích Ba Tơ với lời thề lịch sử "Hy sinh vì Tổ quốc" được thành lập như thế nào?	42
<i>Câu hỏi 5:</i> Nêu tóm tắt ý nghĩa lịch sử cuộc khởi nghĩa Ba Tơ?	56
<i>Câu hỏi 6:</i> Hãy cho biết thêm về biên chế tổ chức và hoạt động của Đội du kích Ba Tơ trong những ngày đầu mới thành lập?	60
<i>Câu hỏi 7:</i> Hãy cho biết hoạt động của Đội du kích Ba Tơ trong những ngày gian khổ ở căn cứ núi rừng Cao Muôn. Tình đoàn kết gắn bó keo sơn giữa Đội du kích và nhân dân địa phương được thể hiện như thế nào?	63

- Câu hỏi 8:* Từ căn cứ ở rừng núi, Đội du kích Ba Tơ đã trở về đồng bằng hoạt động như thế nào? Việc thành lập hai đại đội du kích tập trung: Đại đội Phan Đình Phùng ở phía bắc tỉnh và Đại đội Hoàng Hoa Thám ở phía nam được tiến hành ra sao? 84
- Câu hỏi 9:* Từ thắng lợi của Đội du kích Ba Tơ khi tiến về đồng bằng, phong trào cách mạng ở tỉnh Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Mặt trận Việt Minh, Quảng Ngãi đã phát triển như thế nào? Quá trình chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở đây? 102
- Câu hỏi 10:* Hãy nêu quá trình chiến đấu anh dũng của Đội du kích Ba Tơ trong những ngày tháng Tám năm 1945. Du kích Ba Tơ đã cùng với nhân dân Quảng Ngãi tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi vẻ vang như thế nào? 110
- Câu hỏi 11:* Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, các chiến sĩ Ba Tơ đã đóng vai trò nòng cốt xây dựng các đơn vị mới ở địa phương và là hạt nhân của các lực lượng vũ trang Liên khu 5 như thế nào? 133
- Câu hỏi 12:* Tóm tắt những hoạt động chính của các chiến sĩ du kích Ba Tơ cùng các đơn vị bạn trên các mặt trận ở miền Nam Việt Nam và Trung Lào trong năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp. 142
- Câu hỏi 13:* Từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ngãi, có thể rút ra những bài học chủ yếu gì? 177
- * Phụ lục* 209
- * Tài liệu tham khảo* 217

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA BA TỖ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHẠM BÁ TOÀN

Chịu trách nhiệm bản thảo: KIỀU BÁCH TUẤN

Biên tập: TRẦN NGỌC ĐOÀN

Trình bày và sửa bản in: KIM OANH

Bìa: ANH THO

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Website: <http://nxbqndd.com.vn>

Email: nxbqndd@nxbqndd.com.vn

23 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (04)38455766 -37470780; Fax: (04)37471106

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 8 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1

ĐT: (069)667452 - (08)3911563; Fax: (08)3911563

Cơ quan đại diện tại thành phố Cần Thơ

Phi trường 31, đường Cách mạng tháng Tám

ĐT: 069.629905; 0710.3814772; Fax: 0710.3814772

Cơ quan đại diện tại thành phố Đà Nẵng

15A Duy Tân, Quận Hải Châu

ĐT/Fax: 0511.6250803

In xong: 10 - 2011

Khổ sách: 14,5 x 20,5 Số trang: 220

Số xuất bản:

Sắp chữ tại:

In, đóng sách tại:

Số in: 1839

Nộp lưu chiếu: 10 - 2011

Số lượng: 1000

105-2011/CXB/254-12/QĐND

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

Nhà máy in BTM

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi

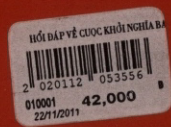


DCN.000303

HỎI ĐÁP VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA BA TỜ



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP. HỒ CHÍ MINH
Hệ thống Siêu thị Thành Nghĩa
Nhà sách Nguyễn Văn Cừ



Giá: 42.000đ